VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

TUYỂN TẬP THƠ VĂN

SỐ 39 THÁNG 4 NĂM 1989

Thư Tòa Soạn

Trước hết Văn Học xin cáo lỗi với quí bạn đọc, vì số báo này phát hành trễ đến một tuần lễ. Văn học đang gặp trở ngại về kỹ thuật ấn loát khi muốn chuyển từ lối xếp chữ cũ (Phototypesetting) sang phương pháp xếp chữ mới (desktop). Do chưa quen về kỹ thuật, việc ấn loát bị chậm trễ, làm phiền lòng quí bạn đọc vẫn chờ đón Văn Học vào những hôm đầu tháng. Kể từ số sau, chắc chắn không còn tình trạng chậm trễ như thế xảy ra nữa.

Về điều hành, Văn Học cũng xin trân trọng loan báo là từ nay, nhà thơ Hoàng khởi Phong sẽ đảm nhiệm vai trò tổng thư ký tòa soạn của Văn Học.

Lâu nay, ban chủ trương giao phó cho nhà văn Nguyễn Mộng Giác quán xuyến việc lo bài vở và điều hành chung, một phận sự quá nặng nề, một mình nhà văn Nguyễn Mộng Giác không gánh vác hết, trong lúc nhà văn này còn phải lo việc mưu sinh. Số thì giờ ít ỏi anh Giác dành cho Văn Học chưa đủ để cải thiện nội dung cũng như tình trạng tài chánh của tờ báo, ban chủ trương thấy cần phải có thêm một người nữa phụ giúp vào.

Nhà thơ Hoàng Khởi Phong là một trong những người khởi xướng thành lập tờ Văn Học từ buổi đầu, và suốt bốn năm nay vẫn là người đứng tên chủ quyền của tờ Văn Học trên phương diện pháp lý. Trong số anh em trong ban chủ biên, nhà thơ Hoàng Khởi Phong hiện tương đối rảnh hơn những người khác, có đủ thì giờ giúp đỡ anh Giác về chuyện bài vở và điều hành chung. Do đó, kể từ nay thành phần điều hành trực tiếp tờ Văn Học như sau:

Chủ nhiệm: Nguyễn Vinh Hiển.

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác.

Tổng thư ký tòa soạn: Hoàng Khởi Phong.

Quản lý trị sự: Võ Thắng Tiết.

Xin trân trọng thông báo cùng các văn hữu và quí bạn đọc.

Văn Học.

CÂU CHUYỆN DANH TỪ KHOA HỌC VÀ DANH TỪ Y KHOA

Trần Ngọc Ninh

Để tưởng nhớ GS. Lê Văn Thới và GS. Nguyễn Đình Cát

Tôi viết bài này chỉ bằng kí-ức, nghĩa là không có sách tra cứu, nhưng là kí-ức của gần cả một cuộc đời ngụp-lặn trong vấn-đề danh-từ chuyên-môn. Vì là một vấn-đề nặng và lớn, một vấn-đề có ảnh-hưởng sâu-xa đến sự-nghiệp xây-dựng khoa-học kĩ-thuật trong nước Việt-nam ngày mai mà các thế-hệ trẻ phải trau-rồi và đào-xới, nên quá-khứ phải được ghi lại với những công-trình lớn-lao, trong đó không những có những xây-dựng vững-chắc mà còn có cả những sai-lầm đáng kể, để làm nền-móng cho cái lâu đài của tương-lai. Đó là một điều tôi muốn nói rõ ngay từ đầu để không một ai có thể hiểu lầm rằng bài này xây mặt về chuyện xưa như những lời lẩm-cẩm của những người già đã sắp mất tương-lai. Đối-tượng của bài này là những người trẻ của ngày hôm nay và những người Việt-nam còn chưa sinh, trong một dòng Việt-nam bất-diệt. Vì khoa-học còn tiến-bộ trong công việc khám-phá và lí-trí cơ-cấu-hóa tự-nhiên, thì còn có những từ bị đào-thải và những tân-từ được tạo ra; vấn-đề dịch những từ tân-tạo trong một hệ thống lí trí sẽ được đặt ra mãi-mãi nếu người Việt-nam và ngôn ngữ Việt-nam còn.

Để tỏ rõ cái ý-hướng ấy, hình-thức của bài này cũng được cố tình viết ra, trước hết với chính-tả đã được đề-nghị bởi ban biên-tập bộ *Đại từ-điển Việt-nam* (Chủ-tịch: Giáo-sư Lê Ngọc Trụ) (1), và sau là với sự viết liền những từ phức (2) làm thành bởi hai hay ba dạng vị buộc. Mặc dầu không ai có thể đoán được cái tình-trạng của một ngôn-ngữ (nói hay viết) trong tương-lai, nhưng tôi nghĩ rằng một sự đổi mới bao giờ cũng phải bắt-đầu từ một cá-nhân hay một nhóm

người nhất-trí, và Việt-ngữ cần có những đổi mới hợp-lí để thích nghi với những nhu-cầu hiện-đại, thứ nhất là về tư-tưởng, khoa-học và kĩ-thuật. Vì vậy, ngay cả trên phương-diện hình-thức, tôi không ngần-ngại đứng hẳn vào trong thời chưa đến, mặc-dầu kể những việc đã qua.

1.- Danh từ khoa-học, kĩ-thuật và danh-từ y-khoa không phải chỉ có trong tiếng Việt từ khi có sự tiếp-xúc với Âu-Tây. Sự nhận-xét và kinh-nghiệm của dân-tộc đã được cố-định bằng một số từ không nhỏ ở trong cái ngữ vựng bẩm sinh của dân tộc: *sưng, tấy, mọc, vỡ, gẫy, nhú, chín*...là động-từ; cái *mụn (mụt), nhọt, bướu, u*...là danh-từ. Những động-từ và danh-từ vừa được kể là những từ gốc Việt, — hay đúng hơn là những từ không thuộc cái khối từ vay mượn của hoa ngữ. Sưu tầm tất cả những từ này của cái kho tàng việt-ngữ không loại trừ một thổ-ngữ hay phương-ngữ nào; thêm vào đó một số từ của các ngôn-ngữ thiểu-số trong nước, chúng ta có một số vốn đáng kể để khởi sự công việc.

2.- Đã nhiều thế-kỉ, tiếng việt (nhánh việt mường của chi môn, thuộc ngữ-tộc môn-khmer) lại được làm giàu thêm bởi sự thu dụng, mà ngữ-học cổ-điển gọi là *vay mượn*, một số không nhỏ những từ và từ-pháp (morphologic procedures) của các ngôn-ngữ có tiếp xúc trong lịch-sử: nguyên-thái ngữ *(proto-thai)* nguyên mã-lai ngữ (hay đúng hơn ở hai giai-đoạn, giai-đoạn tiền-sử với nguyên-nam đảo ngữ, *proto-austronesian* và giai-đoạn lịch-sử với chàm-jarai ngữ), ấn-ngữ và nhất là hoa-ngữ. Các từ hoa-ngữ đã nhập-tịch vào ngữ-vựng tiếng việt qua hai đường: một đường bình-dân, bắt đầu từ đời Đông-Hán tức là sau cuộc nổi dậy của hai Bà Trưng, và một đường bác-học, bắt đầu từ đời nhà Đường tới một cao điểm trong thế-kỉ thứ 10, 11 — Những từ gọi là hán việt (chữ của ông Hoàng Xuân Hãn) là những từ vay-mượn theo đường bác-học; thí-dụ như *xa*, mà bình dân nói là *(cái) xe*, là do hoa ngữ *che* chuyển sang. Để vấn-đề ngữ-âm lịch-sử ra ngoài chúng ta chỉ nhận-xét ở đây rằng hầu hết các vay-mượn bình-dân (như cái *tay tí, con mắt mục)* đều đã thành những dạng-vi biệt-lập (free morphem) hay từ *(word, monem)* trong tiếng việt. Còn các vay mượn bác-học thì tuy rất nhiều cũng đã thành dạng-vị biệt lập để đứng trong một câu tiếng việt như một từ độc-vận của việt ngữ (thí dụ: cái *đầu*, quả *thận)*, nhưng một số rất lớn vẫn còn là những dạng-vi buộc (*bound morphem*) chỉ thấy như những thành-tố trong một từ phức xây-dựng theo từ-pháp của hoa ngữ, thí dụ như *nhãn* (mắt) (trong *nhãn-cầu, nhãn-khoa, nhãn-quan*...) hay *phế* (phổi) (trong *phế-quản, phế-mạc, phế-tạng, phế-viêm*...) (3). Trong những trường-hợp có hai sự vay-mượn đi sóng nhau, như *tâm* (bác-học) và *tim* (bình dân), *can* và *gan*, từ bác-học thường có những ánh nghĩa (connotation) thuộc ý-thức-hệ Trung hoa phong-kiến bên cạnh cái

nghĩa đen hiện thực. Do đó *tâm* trong *tâm-lí, tâm-phúc, tâm-thần, chân-tâm, nhị-tâm* không có nghĩa là "trái tim" còn *tim* thì bao giờ cũng là "tim", trừ trong một vài thành-ngữ văn-chương dịch nguyên-văn một cách nói của ngoại-ngữ *(một trái tim vàng),* hay khi có một dạng-vị loại-danh bất-thường làm chuyển ý (*con tim,* khác với *quả tim, trái tim,* và *tim*).

Tôi nói hơi dài dòng một chút vì đây là một vấn-đề quan-trọng trong công-việc cấu-tạo tân-từ khoa-học. Chúng ta có bổn-phận nhặt-nhạnh tất-cả những gì đã có, đã thành, đã vào trong ngôn-ngữ của ta, mà ta có thể dùng được và phải dùng. Và trên cái nền ấy, bằng những hòn gạch ấy, với những cách-thức gắn-ghép các miếng gạch đã được đặt ra bởi ngàn vạn năm sinh-sống và đấu-tranh của con người biết nói ở đây, chúng ta, những kẻ nối nghiệp, sẽ xây-dựng và liên-tục tu-bổ cái lâu-đài của văn-chương khoa-học trong cái phong-cảnh của ngôn-ngữ Việt-nam.

3.- Cuộc tiếp-xúc của Việt-nam với Tây-phương đã qua một giai-đoạn phũ-phàng và đau-đớn. Nhưng chỉ sau những tàn-bạo kinh-hoàng của cái thời đó, một số sĩ-phu trong nước mới bắt đầu thức-tỉnh và dụi mắt để thấy rằng ngoài cái ý-thức-hệ nuôi-dưỡng cái quá-khứ vàng-son, còn có những súng đạn và tầu chiến, sản-phẩm của những sức mạnh mới gọi là khoa-học và kĩ-thuật. Trong một thời-gian lâu-dài không biết bao nhiêu thế-kỉ nữa, muốn đi vào khoa-học và kĩ-thuật-học thì phải học ngoại-ngữ với cái ngôn-ngữ rất lí-trí của khoa-học kĩ-thuật trong những ngoại-ngữ ấy. Và muốn phổ-cập khoa-học, thực-hiện kĩ-thuật trong nước, thì phải xây-dựng trong việt-ngữ, một ngôn-ngữ khoa-học rập theo những khuôn-phép của ngôn-ngữ khoa-học tây-phương. Nghĩa là phải dịch, phải thuật, phải viết, phải thuyết. Nghĩa là phải tạo chữ, phiên tiếng, đặt lời, dựng ra những cách nói để có thể diễn được sự luận-lí phân-tích và sự trình-bày chính-xác của khoa-học kĩ-thuật. Phải ra thoát sự ấu-trĩ của cái học nhân-chi-sơ-sờ-vú-mẹ và cái hình-thượng-học bát quái ngũ hành của một thời xưa đã thất bại.

4.- Phải mất nhiều năm lắm người ta mới hiểu được rằng tất-cả những điều ấy ràng-buộc vào nhau và không có một vấn-đề gì riêng rẽ. Các trở-ngại vô-cùng lớn-lao, nhiều khi không có cách gì vượt qua được, trong một khuôn-khổ mà lịch-sử đã đặt ra. Ý-thức-hệ, bất-cứ là ý-thức-hệ nào, Khổng Mạnh hay là Mác-Lênin, là cái khuôn-khổ tư-tưởng để củng-cố một hình-thức chính-quyền, đương-nhiên đối-kháng với khoa-học, trừ khi khoa-học ưng-thuận phục-vụ chính-quyền. Văn-hóa dân-gian, Đông cũng như Tây; tín-ngưỡng tôn-giáo, kể cả những đạo lớn nhất là Phật-giáo và Thiên-Chúa-Giáo, đều bị gậm nhấm nếu chưa phải là tích-lịch công-phá bởi tư-tưởng khoa-học. Trong bài này, tôi không muốn đi sâu vào những chuyện tiến lùi,

— lên — xuống đẫm máu đó của lịch-sử loài người. Tôi chỉ nói qua về một sự xung-đột mặt-đối-mặt giữa ngôn-ngữ tự-nhiên và ngôn-ngữ khoa-học mà thôi.

5.- Ngôn-ngữ tự-nhiên là một trong những nguyên-nhân và phương-tiện lớn nhất trong lịch-sử tiến-bộ của nhân-loại. Nguồn-gốc của ngôn-ngữ chìm đắm trong sự tối-tăm của lúc khởi-thủy có những đàn người trên mặt đất. Trong một thế-giới còn hoang-dại, với một trí khôn tuy siêu-việt đối với các loài vật khác nhưng cũng chưa nặng lắm để phân-biệt và trừu-hóa các sự vật của vũ-trụ, con người đã tạo ra những tiếng nói và gây-dựng tiếng nói của đàn mình thành những hệ-thống thông-tin gọi là ngôn-ngữ.

Vì là một hệ-thống, nghĩa là một toàn-thể có cơ-cấu, nên ngôn-ngữ là bảo-thủ. Nó bảo-thủ để có thể truyền dạy được từ đời này sang đời khác, muôn đời. Nó bảo-thủ trong nội-dung, tức là cái hệ-thống ý-nghĩa-học (semantic) của nó. Nó bảo-thủ trong hình-thức, tức là cái hệ-thống ngữ-pháp (grammar) bao-gồm cú-pháp (syntax), từ-pháp (morphology) và ngữ-âm-pháp (phonetics) của nó. Và tuy rằng trong lịch-sử, cũng có thải bỏ, có thâu-nhận, có sáng-tạo, nhưng tự bản-chất, ngôn-ngữ là bảo thủ. Và ngôn-ngữ tự-nhiên tất phải cưỡng lại sự xâm-nhập của ngôn-ngữ khoa-học.

5.1.- Chúng ta đọc trong *Chinh-phụ Ngâm-khúc* của Đoàn Thị Điểm:

Cùng trong lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một mầu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai

Rồi đọc *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du:

Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một mầu xanh xanh

Trong cái hệ-thống ý-nghĩa-học của tiếng việt, mầu xanh bao-trùm cả cái xanh của cỏ-cây và cái xanh của mây trời (mà xưa ta gọi là da trời). Thi-sĩ lớn nhất của nền văn-chương Việt-nam nhìn thấy chỉ có *một mầu xanh* từ chân mây trên trời xuống tới mặt đất với ngọn cỏ rầu rầu, chúng ta ngày nay cũng vẫn nói *trời xanh, lúa xanh*. Đó là mầu xanh của hệ-thống ngũ sắc (xanh, đỏ, trắng, tím, vàng), truyền sang nước ta cùng với những tín-ngưỡng về tà-ma của một thứ Đạo-giao suy-đồi bắt nguồn ở đời Xuân Thu bên Tầu. Mầu xanh (blue) của ngôn-ngữ khoa-học còn lâu mới làm mất được cái đẹp của thơ Nguyễn Du hay Đoàn Thị Điểm. Và mớ chỉ ngũ sắc treo ở đầu giường một con bệnh bị tà ám.

5.2.- Về phương-diện cú-pháp, từ-pháp và ngữ-âm cũng có những khó-khăn trầm-kha tương-tự. Cú-pháp việt-ngữ cưỡng lại sự trình-

bày có tính-cách phân-tích và lôgic; những từ ẩn (elliptic) quá nhiều, hại cho sự trong-sáng của phát-biểu, sự thiếu những liên-từ phụ-thuộc (conjunction of subordination) làm cho tư-tưởng bị đứt đoạn. Vì sao? vì rằng cho đến thế-kỉ thứ hai mươi, tất cả văn-chương Việt-nam đều là văn vần nếu không là thơ. Từ những câu văn suôi ngây-ngô ngớ-ngẩn lúng-túng vụng-về của thi-sĩ Tản Đà đến những tiểu-thuyết của Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền..., chúng ta đã tiến những bước dài, thực dài. Nhưng còn phải nhiều lần lột xác nữa, câu việt-ngữ mới diễn nổi được những *Nguyên-lí Toán-học (Principia Mathematica)* của Whitehead và Russell, hay những *Viết (Ecrits)* của Lacan, một cách nhẹ-nhàng và minh-bạch.

5.3.- Từ-pháp cũng là một mối lưỡng-lự gây nên nhiều bối rối, hại cho sự nhất thống của một khoa-học đang muốn thống-nhất ngôn-ngữ. Trong việt-ngữ tự-nhiên, chúng ta có ít nhất là hai từ-pháp, việt và hoa. Ta nói *trời xanh* và cũng nói *thanh-thiên* (xanh-trời); cũng như từ thế-kỉ thứ 15, Nguyễn Trải viết cả *mai-hoa* lẫn *hoa mai*. Nhưng để xây-dựng việt-ngữ khoa-học, thì sao? Ông Nguyễn Bạt Tụy, một nhà ngữ-học lớn của Việt-nam, đề nghị theo từ-pháp thuần Việt. Ông viết *học ngữ, học văn* khi bọn thường-nhân chúng ta nói là *ngữ-học, văn-học;* và ông rất mạch-lạc, thống-nhất trong cách viết ấy theo đúng tinh-thần khoa-học. Ông Hoàng Xuân Hãn, một trong những thầy dạy tôi mà tôi kính-trọng nhất, vừa là một nhà khoa-học kĩ-thuật vừa là một học-giả và sử-gia đã chuyển từ từ-pháp hán-ngữ sang từ-pháp việt-ngữ khi bộ *Danh Từ Khoa Học* lịch-sử của ông được xuất-bản lần thứ ba. Các Ủy-ban Khoa-học nhà nước của Miền Bắc và Miền Nam khi nước Việt-nam còn có hai Miền, — khi ta khi tàu, nhưng với những chì-bấc khác nhau. Lấy căn-cứ ở đâu, ngoài khuynh-hướng chính-trị là một điều phản-khoa-học, để có một quyết-định hợp-lí và lâu-bền về từ-pháp của ngôn-ngữ khoa-học? Sự lựa-chọn nào cũng có tính cách chấp-định (arbitrary); sự lựa-chọn bởi chính-trị, vì chính-trị, đưa sự chấp-định lên thành độc-đoán. Tinh-thần khoa-học khó chấp-nhận được sự chuyên-chế này.

5.4.- Đến vấn-đề ngữ-âm-học.

Ở vào thế-kỉ thứ bảy tại Trung-quốc, sau khi Huyền Trang thỉnh được ba Tạng Kinh chữ Phạn về tới Tràng An, thì sự dịch kinh được hệ-thống-hóa. Vua Đường Thái-tông cử ra 500 học-sĩ để làm việc dưới sự chỉ-huy của sư Huyền Trang. Các nguyên-tắc được đặt ra để cấu tạo những từ mới. Hồ Thích nói rằng tiếng Trung-hoa khi ấy chỉ mới đủ để giao-dịch buôn-bán, nay phải dùng để dịch chữ Sanskrit là một ngôn-ngữ uyển-biến (flexionaal language) có khả-năng diễn-tả những ý trừu-tượng ở một độ tinh-vi như ta chẻ một sợi tóc làm năm, làm mười. Công việc dịch Kinh Phật đã làm giàu thêm cho hoa-ngữ không biết bao nhiêu từ mới và cách nói mới, và đó là một sự-nghiệp vĩ-đại.

Mặc-dầu đã thành công đến thế, nhưng Huyền Trang vẫn thấy có nhiều chữ Phạn không thể nào dịch ra hoa-ngữ trong thời ấy được. Do đó, phải đặt ra vấn-đề phiên âm; mà phiên âm thì lại lâm vào một ngõ bí khác: trước hết, — hán tự là một thứ chữ rất tồi-tệ về mặt ghi âm; hơn nữa, các âm của hoa ngữ quá nghèo so với ngữ-âm ấn-ngữ. Từ đó ta thấy dịch *Nirvana* là *Nát bàn, Dhyana* là *Thiền, Samyak-Sambodhi* là *Tam-muội Tam-bồ-đề, Prajnaparamita* là *Bát-nhã Ba-la-mật* (theo cách đọc hán việt của ta)...

5.4.1.- Trong việc phiên tiếng khoa-học âu-tây sang tiếng ta ở thế-kỉ thứ hai mươi này, chúng ta cũng vấp vào những hòn đá cứng ấy, mặc-dầu ta đã bị thực dân Pháp bắt chuyển từ chữ nôm (một thứ chữ còn tệ hơn cả chữ hán trong việc phiên-âm vì phải phát âm tiếng việt theo sự na-ná với âm hán-việt) sang sự dùng mẫu tự latin a- b- c của ta cũng không giống ai vì những đặc-điểm của nó, là một mớ tạp-pí-lù các lối viết iphanho, bồ-đào-nha, í-đại-lợi và pháp-lan-tây.

5.4.2.- Ở đây cũng có hai khuynh-hướng.

Khuynh-hướng tạm gọi là Hà-nội là khuynh-hướng *phiên âm* theo dọng bắc và chính tả bắc, lấy âm căn-bản theo tiếng pháp.

Khuynh hướng tạm gọi là Sài Gòn (của Ủy-ban Quốc-gia Soạn-thảo Danh-từ Khoa-học và Chuyên-môn; chủ-tịch: GS Lê Văn Thới) là khuynh-hướng *phiên tự-dạng*, lấy chữ căn-bản là chữ pháp. Sau 1975, trong những tiếp-xúc với một số nhà ngữ-học Hà-nội, tôi trình bày những ưu-điểm của sự phiên tự-dạng và đề-nghị *dùng chữ latin làm căn-bản*, để tránh một số âm trong tiếp-vĩ-ngữ (suffix) mà tiếng việt khó chấp-nhận nếu lấy chữ pháp làm căn-bản (như *acide* phải viết là *acit* theo ông Hoàng Xuân Hãn và miền Bắc, viết là *acid* theo Ủy-ban miền Nam, và sẽ viết là *acidom* nếu lấy căn-bản ở chữ latin *acidum*).

5.4.3.- Là vì vấn-đề trắc-trở trong sự phiên âm cũng như phiên tự-dạng, quan-trọng nhất là sự lệch-lạc giữa hệ-thống âm-vị của việt-ngữ và pháp-ngữ (hay anh-ngữ, nga-ngữ, đức-ngữ v.v...). Muốn phiên tên một người như *Pasteur*, (Pháp), Halstedt (Mỹ), *Bechterew* (Đức), *Pavlov* (Nga), hoặc tên một chất hóa-học như *cholesterol chlorophylle*, tên một mảnh vật-chất sơ-đẳng như *lepton, quark v.v...*(mà ta nên giữ nguyên-vẹn khi không thể dịch được), bắt-buộc phải đặt ra những nguyên-âm, phụ-âm và vần mới. Hơn nữa, tôi còn chủ-trương rằng trong sự phiên tự-dạng này, chúng ta bỏ cả những chữ cái có râu *(ơ, ư)* có mũ *(ă, â, ê, ô)* có nét ngang đặc biệt *(đ)* và bỏ luôn cả những dấu thanh (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng) để đỡ rườm rà việc in, dầu là in bằng máy điện tử.

Ngay từ cuốn *Danh Từ Khoa Học* xuất-bản lần thứ nhất, GS. Hoàng Xuân Hãn đã phải đặt ra vấn-đề nhập-tịch vào tiếng việt một số phụ-âm và chùm phụ-âm *(cluster: cl, br...)* mới. Nhưng ông chưa đặt vấn-đề cải cách lối viết abc mà, nếu tôi không lầm thì Nguyễn

Khắc Hiếu và Nguyễn Văn Vĩnh đã là hai nhà tiên-phong.

6.1.- Việc phiên-dịch các danh-từ khoa-học và y-khoa đã bắt đầu chớm lên ở báo *Nam Phong* của Phạm Quỳnh và nhất là báo *Khoa Học Phổ Thông* của Nguyễn Công Tiểu. *Đây là thời-kì mặc sức, mạnh ai nấy làm, mỗi người một cách. Tuy nhiên, vì các người viết trong thời này đều còn nho-học, nên các từ-điển hán-ngữ được tra-cứu và coi là mẫu-mực. Các khoa-học-gia Trung-Hoa cũng chưa khảo-sát về danh-pháp khoa-học một cách thâm-sâu và kịch-liệt, nên việc dùng danh-từ khoa-học trong hoa-ngữ cũng còn rất nhiều sơ-hở.*

6.2.- Trong tình-trạng ấy, cuốn *Danh Từ Khoa Học* của GS. Hoàng Xuân Hãn đã mở ra một kỉ-nguyên mới. Được soạn-thảo bởi một nhà khoa-học không những am-thông pháp-ngữ mà cả chữ hán, chữ nhật và chữ nôm, sau nhiều năm khảo-sát và suy-tư, cuốn sách ấy đặt những căn-bản chính cho tất-cả các cố-gắng về sau để xây-dựng và hoàn-thành toàn bộ ngữ-vựng khoa-học kĩ-thuật của việt-ngữ. Trong nhiều năm, những người thuộc lớp tuổi của tôi không những coi sách ấy là căn-bản, là mẫu-mực, là Kinh Thánh mới của nền học Duy Tân; chúng tôi còn thấy đó là một tiếng gọi mà trong sự khiêm-nhường cố-hữu của Giáo sư Hoàng, chúng tôi không bao giờ được nghe thấy ở miệng ông mà chỉ tìm thấy được trong những tác-phẩm và sự-nghiệp của ông mà thôi.

Một người đầu tiên đã nghe được tiếng gọi ấy là Giáo sư Đào Văn Tiến. Một hai năm chi đó sau cuốn *Danh Từ Khoa Học* về Toán, Lí, Hóa của GS Hoàng Xuân Hãn, thì GS Đào cho in một cuốn *Danh Từ Khoa Học* nhỏ về sinh-vật và thảo-mộc-học. Cuốn này không có giá trị bằng cuốn Danh Từ Toán Lí Hóa nhưng cũng rất đúng-đắn và bổ-ích; tôi đã dùng nó rất nhiều, dùng nó cho đến nát sách, nhưng không hiểu vì sao đã quên hẳn cái đầu-đề chính-xác của sách mà bây giờ không thể tìm ra được ở đâu để mà dẫn cho đúng phép.

Sau hai cuốn *Danh-Từ Khoa-Học* trên, là tập *Danh Từ Y Khoa* (tôi cũng không nhớ rõ tên đúng của sách), mà tác giả là BS. Phạm Khắc Quảng và BS. Lê Khắc Thiền. Lấy căn-bản là cuốn *Dictionnaire des Termes Medicaux* của hai ông Garnier và Delamarre, bộ *Danh Từ Y Khoa* được xuất-bản trước khi Hiệp-định Genève chia đôi đất nước và vì vậy, trong thực tế, chỉ được lưu hành ở Miền Bắc. Tôi biết cuốn này nhờ sự đi lại mật-thiết với B.S. Phạm Khắc Quảng là Trưởng Khu Bệnh-Lí về Lao của trường Y-Khoa Hà-nội. BS Quảng là một trong những người "chùm chăn" trong thời-kì kháng-chiến chống Pháp (1946-1954). Ông có một tiệm bán sách Pháp ở đường Trường Tiền, ngay trước cửa phòng bán thuốc của bà Hoàng Xuân Hãn, và tôi vẫn thường đi bộ từ Bệnh-viện Phủ Doãn (B.V. Yersin) đến đó để đàm-đạo với ông, nhân tiện mượn sách mới về đọc trước khi sách được bán cho một người có tiền trong thời loạn.

7.- Hơn bốn mươi năm sau, quái nhìn trở lại tác-phẩm lịch-sử

Danh Từ Khoa Học của G.S. Hoàng Xuân Hãn để phê bình, tôi mạo-muội đề ra ba điểm sau đây, mà ngày nay tôi cho là những điểm yếu của cái công-trình lớn ấy.

7.1.- Cuốn *DTKH* thiếu căn-bản ngữ-học. GS Hoàng là một nhà khoa-học biết nhiều ngôn-ngữ, nhưng không phải là một nhà ngữ-học. Trong thời-gian Giáo sư Hoàng soạn-thảo các danh-từ khoa-học, ngư-học cũng chưa bừng lên với cái ánh sáng rực-rỡ phát-huy từ những tổng-hợp và lí-thuyết lớn của Roman Jakobson và Noam Chomski, mặc dầu sau khi Ferdinand de Saussure đặt những căn-bản của *Ngữ-lí-học đại-cương*, đã có Hội-nghị của Trung-tâm Prage và Hội-nghị của Trung-tâm Copenhagen. Ngữ-học trong những năm bốn mươi của thế-kỉ hãy còn bị các khoa-học chính-xác coi là một đứa trẻ thơ đang chập-chững tập đi, nhất là vừa sau khi những tiếng nổ lớn của hai trái bom nguyên-tử đầu-tiên cho người ta cái ảo-tưởng rằng khoa-học đã hoàn-toàn chế-ngự được vật chất.

Các danh-từ trong cuốn *DTKH* thực là hay: gọn-gàng, sáng-sủa, diêm-dúa và chính-xác. Nhưng toàn-bộ thì thiếu tính-cách hệ-thống bởi vì quá chú-trọng đến sự dịch nội-dung nên đã bỏ lãng khía-cạnh hình-thức; mà ngôn-ngữ, nhất là ngôn-ngữ khoa-học, trước hết là hình-thức. Đặt nhẹ hình thức, hay nói cách khác, không làm hiển-hiện được cái cơ-cấu của các từ khoa-học trong ngữ-vựng khoa-học của tiếng ta, là một điều đáng tiếc.

Các ngôn-ngữ ấn-âu có những khả-năng biến-dạng *(transformations)* rất lớn nên có những tính-cách cơ-cấu (structural) mạnh-mẽ và rõ-rệt. Không những các ngôn-ngữ này có những *uyển-thể (flexions (4))*, lại còn có những phép tạo từ *tiếp-đính (affixations (5))* với những (tiếp) đầu-phần (*prefix*) và (tiếp) vĩ-phần (*suffix*). Có nhiều lúc tôi nghĩ rằng những khả-năng cơ-cấu đặc-biệt ấy đã vô-hình-trung giúp cho triết-học cũng như khoa-học nẩy-nở mãnh-liệt hơn ở Âu-tây, không biết có quá đáng hay không. Dĩ nhiên điều này không phải là tất-cả; những điều-kiện xã-hội, chính-trị và ý-hệ trong lịch-sử là những yếu-tố chỉ-định lớn-lao. Nhưng liên-hệ giữa cơ-cấu của ngôn-ngữ và sự phát-triển của khoa-học là một đề-tài đáng để chúng ta lưu ý.

Việt-ngữ, với những đóng-góp của tiếng hán-việt, có những từ-pháp khác, nhưng cũng có thể biến-cải để thích-nghi với những đòi-hỏi mới, làm thành sự tiếp-đính trong tiếng việt. Điều quan-trọng là phải thành-lập rồi công-nhận một số dạng-vị biệt-phái có tính-cách buộc (bound) để dịch những đầu-phần và vĩ-phần của ngoại-ngữ. Hoặc nếu có theo từ-pháp việt thuần-túy, thì phải đặt ra những loại-danh để cấu-tạo những hệ danh-từ (thí dụ như *hạt* điện, *hạt* dương, *hạt* trung, *hạt* muon, *hạt* buson...). Điều quan-trọng là khi đã có một dạng-vị biệt-phái trong một tổ chức *(function)* rồi thì không dùng loạn nữa. Chẳng hạn như muốn dùng /*-tử*/ làm một vĩ-phần cho

những mảnh vật-chất sơ-đẳng (mà trên đây được gọi là *hạt*), thì dương-*tử (positron),* trung-*tử* hay trung-hòa-*tử (neutron)* mes-*tử* hay meson-*tử*....và không được dùng vĩ-phần /-*tử*/ này để dịch *atom (* nguyên tử)* và *molecule (* phân tử)* nữa (6). Tôi sẽ trở lại vấn-đề trong một đoạn sau.

7.2.- *Danh Từ Khoa Học* của GS Hoàng Xuân Hãn ngừng lại ở bậc Trung học và đây là điều đáng tiếc thứ hai. Tại sao? Tại vì nếu thực có hệ-thống, thì đi từ dưới lên trên, có sự liên-tục và đồng-cơ-cấu, không cần phải ngừng lại ở một bậc nào. *DTKH* gồm nhiều danh-từ dịch rất công-phu, nhưng không đặt ra một từ-pháp nên có thể đã bị bế-tắc vì những trở-lực quá lớn khi lên bậc Đại học.

Ngôn-ngữ là những hệ-thống mở, có khả-năng sinh-tạo vô-cùng để đáp-ứng những nhu-cầu thông-tin và khác nữa của các người trong cộng-đồng. Ngôn-ngữ khoa-học cũng phải có khả-năng sinh-tạo vô-cùng, không những để diễn-tả những điều mà người ta đã biết, mà còn để nói về những khám-pha mới, vô-tận.

7.3.- Ba phần Toán, Lí và Hóa của *DTKH* không đồng đều: Toán và Lí có thể nói là ưu-việt, nhưng Hóa thì thua kém.

Danh-từ khoa-học gồm có hai khối chính. Khối thứ nhất, chúng tôi trong Ủy-Ban Quốc-Gia Danh-Từ của GS Lê Văn Thới thường gọi đùa là các phép nấu-nướng và nồi niêu soong chảo của hóa-học. Các từ nói về các cách-thức và thủ-pháp (procedure) để thủ-tác (manipulate) các hóa-chất phải được dịch ra, với tiếng việt thông-dụng. Đây là một công-việc khó, tế-nhị và phức-tạp, đòi-hỏi rất nhiều tinh-vi chính-xác. Phương-pháp dịch từ theo nghĩa (mà GS Hoàng Xuân Hãn đã theo trong phần Toán, Lí một cách rất phong-phú) lại không được dùng cho khối từ này của hóa-học đến cùng.

Khối thứ hai là tên các hóa-chất. Có cả trăm ngàn hóa-chất đã có tên, và có-thể nói rằng luôn-luôn có những tên mới được đặt ra, vô-cùng-tận. Sự đặt tên có những phép-tắc lề-lối đã được qui-định bởi những hội-nghị quốc-tế về danh-pháp. Các danh-pháp này lại được áp-dụng vào mỗi ngôn-ngữ. Trong cuốn *Danh Từ Khoa Học* có một số danh-từ chỉ hóa-chất, nhưng không chỉ-dẫn phép đổi từ tên quốc-tế sang tên việt-ngữ nên vấn-đề vẫn chưa được giải-quyết.

7.4.- Về cuốn *Danh Từ Y Khoa,* tôi đã phê-bình trong một bài đăng trong báo *Luận Đàm* vào khoảng năm 1970 để xây-dựng những nguyên-tắc soạn-thảo danh-từ y-khoa việt-ngữ. Bài này khá dài và đại-khái khá đầy-đủ, nên tôi không trở lại nữa.

8.- Với những tập Danh-từ đã được xuất-bản việc dạy khoa-học trong các trường tiểu-học và trung-học bước sang một giai-đoạn mới. Các giáo-sư viết sách giáo-khoa và giảng bài hoàn-toàn bằng tiếng việt. Và tự-nhiên, tất-nhiên, phải đặt ra vấn-đề dùng tiếng việt làm chuyển-ngữ khoa-học ở cả bậc đại-học nữa.

Vào khoảng 1948-51, tôi biên-soạn một cuốn *Cơ-thể-học Sinh-lí-học con người* và sơ-thảo một *Phẫu-khoa Đại-Cương*. Những từ chuyên-khoa dùng trong hai cuốn sách này rút trong những từ-điển vừa được dẫn, nhưng đến khi dùng trong những bài giảng thực, tôi mới thấy rõ sự cần-thiết phải xét lại toàn bộ vấn-đề và phải có sự đóng-góp của nhiều người để sửa lại cái ngữ-vựng khoa-học của ta cho hoàn-hảo hơn. Trong cái tuổi trẻ bồng-bột và liều mạng lúc đó, tôi đã lao mình vào việc soạn một từ-điển các khoa-học y-khoa. Kết quả là một bị thẻ lớn mà tôi phải bỏ lại ở Hà-nội khi khăn gói đi du-học ở Pháp, và nhà tôi đã phải tha vào Sàigòn cho tôi trong cuộc di-cư "vĩ đại" mở đầu cho những phiêu-lưu tị-nạn khác của những thân-phận lạc loài trong thế kỉ thứ hai mươi. Các bị thẻ danh-từ ấy không bao giờ được mở ra nữa, cho đến khi tôi sắp rời nước và phải xét lại xem có lưu vật còn chút giá-trị gì không; chỉ thấy toàn bụi-bậm và mốc-meo của một phần tư đời mình với những mảnh vụn của một hoài-bão lớn-lao nhưng không thành!

Trong thời kỳ ấy, cũng có những người nếu không chống-đối thì cũng không tán-thành việc dùng việt-ngữ làm chuyển-ngữ khoa-học. Một trong những người này, người gần tôi nhất, là GS Phạm Biểu Tâm. Trong sự luận-lí của Giáo sư Phạm thì sự khó-khăn không phải vì không thể dịch được các từ khoa-học ngoại-ngữ sang việt-ngữ, mà vì có thể có nhiều cách dịch một từ khoa-học: sự kiện này sẽ là đầu-mối cho một tình-thế hỗn-loạn, làm cho sự học phải thụt lùi. Hơn nữa, ở trong tình-trạng hiện-tại của Việt-nam, không có cách nào mà dịch kịp được các sách báo khoa-học của thế-giới; muốn theo được một phần nào sự tiến-triển của khoa-học, bắt-buộc phải đọc được ít nhất là một ngoại-ngữ âu-tây, và không bị phụ-thuộc hoàn-toàn vào một sự dịch-thuật nhiều khi thiếu trung-thực và có thể sai-lầm.

Tất cả những khó-khăn chủ-quan và khách-quan này đều có thực. Sống qua tất cả những khó-khăn ấy với một tuổi đời càng ngày càng lớn, tôi càng khâm-phục những người tiền-phong đã cương-quyết vượt qua những trở-lực nội-tâm và ngoại-cảnh để thực-hiện đến cùng một ý-nguyện của tuổi trẻ.

9.1.- Cái áp-lực sửa-đổi và bổ-túc những công-trình khai-phá cá-nhân trong lãnh-vực Danh-từ Khoa-học càng ngày càng nặng.

Tại Bắc-việt, trong những năm 60, Nhà Nước lập ra nhiều Ủy-ban Danh-từ gồm những nhà ngữ-học và khoa-học trong nước để soạn-thảo những từ-điển khoa-học đợt mới. Công việc được đốc-thúc, các Ủy-ban chia thành từng môn học và một số đã hoàn-thành nhiệm-vụ trong những thời-gian kỉ-lục.

Miền Nam lập ra một Ủy-ban Quốc-Gia Soạn-thảo Danh-từ Khoa-học và Chuyên-môn vào cuối năm 1969. Ủy-ban Quốc-gia lại triệu-tập những tiểu-ban cho mỗi ngành học. Vì lãnh-vực hoạt-động bao gồm

không những tất-cả các khoa-học chính-xác, khoa-học tự-nhiên và khoa-học nhân-văn, mà cả văn-học nghệ-thuật cùng kĩ-thuật-học, nên số các tiểu-ban khá lớn. Các danh-từ được soạn-thảo ra bởi các tiểu-ban lại được đem ra phê-bình và chỉnh-đốn lại ở đại-hội-đồng của Ủy-ban Quốc-gia để có được sự nhất-thống của toàn bộ. Giáo-sư Lê Văn Thới là chủ-tịch của Ủy-ban Quốc-gia, trong đó có một số học-giả lớn của miền Nam như GS Nghiêm Toản, GS Lê Ngọc Trụ. Giáo sư Nguyễn Đình Cát cầm đầu Tiểu-ban Y-học. Tôi được cái hân-hạnh ngồi cả trong Ủy-ban Quốc-gia và trong Tiểu-ban Y-học.

Vì phương-pháp làm việc hết sức thận-trọng của Ủy-ban Quốc-gia miền Nam, trong đó nhiều khi một từ được thảo-luận từ sáng đến chiều mà chưa đạt đến được sự đả-thông, nên đến năm 1975, mới hoàn-thành được có một cuốn *Danh-Từ Hóa-Học* và một cuốn *Danh-từ Khoa-học Nguyên-tử. Danh-từ Y-học* và *Danh-từ Địa-lí* vừa xong và chưa kịp in. Các *Danh-từ* khác, kể cả Văn-chương, Âm-nhạc, Hội-họa, ở những tình-trạng hoàn-thành khác nhau.

9.2.- Trong khoảng thời-gian ở lại trong nước sau tháng Năm 1975, tất-cả các Ủy-ban và Tiểu-ban Danh-từ Khoa-học của miền Nam tan rã, nhưng đồng-thời mở ra những tiếp-xúc giữa giới Ngữ-học Hà-nội và mấy người rơi-rớt còn lại của Ủy-ban Quốc-gia Danh-từ Miền Nam. Có cả một cuộc hội-họp lớn với sự có mặt của ông Lê Hữu Phước, trong đó những khía-cạnh chính-trị của vấn-đề được nêu ra. Những buổi làm việc riêng với một vài nhà ngữ-học Hà-nội để cứu-xét lại những nguyên-tắc và giải-quyết một số trở-ngại cơ-bản đã được xắp-đặt và diễn ra một cách cởi-mở, xây-dựng. Người ta nói với tôi rằng thế nào cũng phải đặt lại vấn-đề để tiến đến sự thống-nhất ngôn-ngữ khoa-học. Nhưng rồi tôi bỏ nước ra đi. Giáo-sư Lê Văn Thới trốn đi không thoát và chết về bệnh ung-thư trung-bích ở Sài-gòn. Giáo-sư Nguyễn Đình Cát xuất-cảnh sang Canada và mất về bệnh ung-thư gan. Nền kinh-tế của cả nước lụn-bại, từ Bắc đến Nam người ta sống đói rách, tâm-thần lơ-lửng giữa những cơn sốt đổi tiền đột-kích toàn dân. Câu chuyện Danh-từ Khoa-học bị chết đuối cạn.

10.- Tôi ghi lại ở đây những điểm mà tôi nghĩ là quan-trọng nhất trong sự soạn-thảo Danh-từ Khoa-học rút ra từ những công-trình và đóng-góp trong nửa thế-kỉ vừa qua của các nhà khoa-học và ngữ-học Việt-nam, thống-nhất trong tư-tưởng và ý-chí xây-dựng một ngôn-ngữ hiện-đại để thực-hiện cái ước-vọng duy-tân của cách-mệnh Việt-nam. Đây là những điểm nguyên-tắc và những phương-châm lớn, khởi đầu là sự-nghiệp của những học-giả có kí-danh và ngàn vạn giáo-sư đã phê-bình và sử-dụng những danh-từ tân-ạo; những nguyên-tắc và phương-châm này đã thành gia-bảo của toàn dân và hành-lí để tiến bước trong lịch-sử. Nhưng sự chọn-lựa những nguyên-lí này là một công việc cá-nhân mà riêng tôi phải chịu phần trách-nhiệm.

10.1.- *Danh-từ Khoa-học là danh-từ khoa-học.* Những danh-từ này chủ-yếu là để thông-tin khoa-học trong giới khoa-học-gia. Việc phổ-thông khoa-học có-thể dùng những danh-từ này nhưng không bắt-buộc. Ngược lại, một số từ trong việt-ngữ thường cũng có thể được tuyển-dụng làm từ khoa-học với những định-nghĩa chính-xác, nếu không tạo ra những ngộ-nhận và lưỡng-lự phiền-phức. Một trường-hợp đặc-biệt là sự sử-dụng những danh-từ của y-lí trung-hoa như *thận, can,* hay *thương hàn* để "dịch" những danh-từ y-học thái-tây *rein, foie, fièvre typhoide.* Những từ này không đồng nghĩa với nhau.

Theo thiển-ý, mục-đích duy-nhất của việc soạn-thảo danh-từ khoa-học là sự thông-tin khoa-học. Đó là căn-bản của sự trao-đổi, phê-bình kiểm-chứng và tiến-bộ trong lãnh-vực khoa-học (7). Dùng những danh-từ khoa-học đã được soạn-thảo ra; các nhà khoa-học còn phải uốn-nắn dần cái cú-pháp của việt-ngữ để làm cho cái ngôn-ngữ rất phong-phú về tình-cảm và cụ-tính của ta có-thể có đủ khả-năng diễn-tả một cách trong-sáng những luận-lí khúc-mắc nhất, những quan-niệm trừu-tượng nhất của khoa-học hiện-đại.

Dĩ-nhiên rằng trong đời sống của xã-hội, còn có những nhu-cầu khác nữa. Nhu-cầu phổ-thông khoa-học, nhu-cầu giáo-dục căn-bản về khoa-học là những nhu-câu rất lớn. Nhưng không thể đặt những nhu-cầu này trong mục-đích của sự soạn-thảo danh-từ khoa-học được. Các nhà giáo-dục và các thầy giáo sẽ lấy ra một số từ của cái kho từ khoa-học để dùng trong những bài giảng; đi vào đại-chúng,— tôi muốn nói những học sinh — nhỏ cũng như những người lớn ở ngoài giới khoa-học,— các từ này có thể được giản-dị-hóa hay được đổi thành những tiếng nôm-na dễ hiểu. Cú-pháp thông-thường với cả hoa hòe hoa sói cũng sẽ được dùng. Đây là công-việc giáo-dục và phổ-thông. Công việc này có-thể lên tới một trình-độ rất cao, nhưng vẫn không phải là sự thông-tin trong giới khoa-học, giữa các nhà khoa-học. Đối-tượng và mục-đích khác nhau, nên phương-tiện cũng khác. Việc thông-tin khoa-học dùng ngôn-ngữ khoa-học với danh-từ khoa-học. Việc phổ-thông và giáo-dục khoa-học dùng ngôn-ngữ thông-thường với lác-đác một vài danh-từ khoa-học chọn-lựa.

Tôi không hề có ý nói rằng có một sự cách biệt hoàn-toàn giữa ngôn-ngữ khoa-học và ngôn-ngữ thông-thường. Ngôn-ngữ khoa-học bắt nguồn từ ngôn-ngữ thông-thường và vẫn giữ những cơ-cấu căn-bản của ngôn-ngữ mẹ. Nhưng khoa-học là một địa-hạt siêu-thực-tế trong đó người ta chỉ chú-ý đến những tương-quan giữa những quan-thể trừu-tượng từ tự-nhiên thoát ra. Vì vậy, ngôn-ngữ khoa-học thuộc một tầng không-thông-thường của ngôn-ngữ, mặc-dầu vẫn có những nét cơ-cấu của ngôn-ngữ thông-thường. Ngược lại, ngôn-ngữ thường cũng có thể thu-dụng một vài chế-tạo mới của ngôn-ngữ

khoa-học. Một vài danh-từ khoa-học chẳng hạn.

Có một vài khoa-học cần được phổ-thông trong đại-chúng một cách rộng-rãi và thâm-sâu như y, nha, canh-nông, địa-lí, kĩ-thuật. Trong truyền-thống của y-khoa khoa-học ở Việt-nam, phổ-biến khoa-học về sức-khỏe và bệnh-tật là một thiên-chức của y-sĩ. Từ khi tôi còn là một sinh-viên, tôi đã đi theo các bậc đàn anh để đưa y-khoa về làng. Giáo-sư Nguyễn Đình Cát là một trong những người sốt-sắng nhất trong công-việc này. Hoặc một mình, hoặc với sự cộng-tác của một đồng-nghiệp nhỏ tuổi hơn, Giáo-sư Nguyễn Đình Cát đã làm một số bài lục-bát để dậy dân quê về Bệnh Đậu Mùa, Bệnh Thương Hàn, Bệnh Đau Mắt Hột...Tất-nhiên chúng tôi, cũng như BS Phạm Khắc Quảng và Lê Khắc Thiền, tác giả *Danh-Từ Y-Khoa,* không một ai muốn rằng khoa-học hay y-khoa lại náu mình trong những tháp ngà cao tường kín cổng đối với nhân-dân. Do đó, có cái khuynh-hướng dùng những từ giản-dị, nôm-na, quê-mùa, dân-tộc nhất để diễn-tả y-học thái-tây. Nhưng mặt khác vẫn có vấn-đề Danh-từ Khoa-học của y-khoa, những danh-từ không những vay-mượn của lí-hóa-sinh học, mà còn được tạo riêng cho y-học, càng ngày càng nhiều, càng tinh-vi và càng phức-tạp, những danh-từ của tế-bào-học, mô-học, bệnh-học, não-học, di-truyền-học, miễn-nhiễm-học, tâm-bệnh-học...

Họp những buổi tối ấm-áp trong phòng ăn ở nhà GS Nguyễn Đình Cát, chúng tôi không còn dùng cuốn *Từ-điển y-khoa* bỏ túi của Garnier và Delamarre, mà bộ Từ-điển lớn bốn quyển của nhà Masson và những từ-điển đặc quánh những từ mới của Anh và Mĩ. Chữ-nghĩa càng lúc càng sâu-sắc, mỗi sự bế-tắc đòi-hỏi một bước xuyên-qua với một chén trà thơm để tưởng-thưởng. Dần-dà, chúng tôi đã đi vào sự soạn-thảo hai tầng danh-từ, một bình-dân để giữ cái gốc trong đại-chúng, một khoa-học để vươn lên cho kịp người, với cái hi-vọng rằng trong tương-lai, một phần của cái ngữ khoa-học và y-học mà thế-hệ này đang tạo ra sẽ được thu-dụng vào trong cái "văn-chương hạ-giới" và du-nhập cả ngôn-từ hàng ngày của người dân thường. Như Sigmund Freud đã xâm-nhập tiểu-thuyết hiện-đại. Như vật-lí đã mở cửa đi vào thi-ca (8)

còn tiếp

VỀ DALLAS

Hồ Mộng Trần

Mua một quyển báo thật hay để đọc trên máy bay trong cuộc hành trình dài dạo nầy đã trở thành thói quen của Vi. Khi viên phi công cho biết mọi người đang ở độ cao ba mươi hai ngàn feet thì cả máy bay có vẻ nhộn nhịp hơn. Mấy cô tiếp viên lĩnh kĩnh đẩy xe nước ngọt ra. Ông Peter — Vi mới biết tên cách đây vài phút — cũng lôi ra tờ Wall Street đọc chăm chú. Chiếc cánh máy bay che mất khoảng trời trong ô cửa hai lớp kính nhưng Vi cũng vẫn quan sát được bao nhiêu cụm mây trắng bềnh bồng bên dưới. Mấy mái nhà ở Los Angeles co ro trong buổi trưa xám lạnh của mùa đông đang nằm thật sâu trong đay mây. Chỉ một tuần nữa lại trở về Cali mà Vi cảm thấy hồi hộp như phải đi lâu lắm. Nhớ lại hai bữa trước, Vi đã đột ngột quyết định phải ghé ngang Dallas rồi mới lên dự cuộc hội thảo ở Austin, cô bé thoáng mỉm cười. John, ông Trưởng Nhóm, cười với vẻ thú vị khi trả lời Vi:

— Không sao, cứ lo xong mọi việc cô cần làm...

Trên lối đi về phòng, Vi cảm thấy hơi thích thú khi nghĩ đến lý do dừng lại Dallas một ngày thật là bí mật. Ông John hẳn đang đánh một dấu hỏi thật to trong đầu. Ồ, Vi đã tính toán mọi việc chu đáo cả rồi. Thêm một chiếc vé máy bay để đến và rời Dallas với một đêm nghỉ lại ở Holiday Inn và cả chiếc xe Vi sẽ thuê tại phi trường Dallas-Fortworth. Tất cả để lo cho một ngày, một ngày thôi ở Dallas vì ngày đó rất quan trọng với Vi trong hai năm về Cali, chị Ngà cứ dặn đi dặn lại với Vi:

— Vi phải về Cali ở với chị, ở đây một mình không được đâu...

Về Cali. Hai chữ đó thật là buồn với Vi. Còn việc học dở dang. Còn cái studio xinh xắn Vi mới dọn vào chưa đầy một tháng. Còn kỷ niệm của ba năm mấy anh em quây quần ở đây. Khi anh Vũ dọn qua San Clemente và Luân đi xuống Austin học, Vi nghĩ mọi việc vẫn ổn định cho tới khi Vi học xong vì anh Khoa còn đang làm việc tại một cửa hàng ở Dallas. Từ trường Arlington xuống chỗ anh Khoa chỉ khoảng nửa tiếng. Mặc dù một mình bận rộn với gian hàng sau khi anh Vũ và Luân đi, anh có gọi điện thoại dặn dò:

— Cần gì, Vi cứ cho anh hay...

Nhớ lại những ngày đầu đến Mỹ, năm 79, ở chung căn apartment với Luân và anh Khoa, nhiều lần Vi cảm thấy ngạc nhiên về nếp sống của mấy anh em đi qua Mỹ trước Vi. Ban ngày mọi người biến mất, ban đêm thật khuya mới là lúc gặp gỡ của cả nhà. Luân thường về khoảng mười một giờ tối, có vẻ hơi mệt trong bộ đồng phục làm cho phi trường nhưng ngồi xuống là kể chuyện huyên thuyên. Anh Khoa là Manager cho cửa hàng nên giờ giấc rất bất thường. Có khi trưa anh đi về nhà, không ăn trưa, ngủ trưa khoảng một giờ đồng hồ rồi lại hấp tấp đi. Buổi tối thường rất náo nhiệt khi anh Vũ về đến khoảng nửa khuya. Anh Vũ làm phụ tiệm với anh Khoa. Anh Khoa hay mặc chiếc áo khăn lông, ngồi trên chiếc sofa đen, vừa nhịp đùi vừa lắng nghe tường trình về nhân viên, về lời lỗ trong tiệm của anh Vũ. Điều ngạc nhiên khác về anh Khoa là anh rất thích nấu ăn. Luân hay mang thức ăn từ tiệm về. Anh Vũ hay rủ ra nhà hàng Việt Nam. Anh Khoa mỗi khi cao hứng là cả nhà được thưởng thức món thịt bò nướng than buổi tối. Đôi khi Vi thấy anh mặc mấy cái quần jean cắt ngang cho ngắn chứ không khâu lên. Lần khác anh lại khoe còn giữ nguyên mấy bộ pajamas mới Mẹ may mang đi từ 75.

Thấp thoáng qua những mẩu chuyện nhỏ, Vi hình dung được những năm đầu mấy anh ở đây là những năm gay go. Anh Khoa chỉ được nhận vào làm buổi tối. Không có xe đi đến tiệm, anh phải băng đồng đi cho nhanh hơn. Không quen với cách thức để tiền trong ngân hàng, anh thường giấu tiền lương làm được trong xe khi mua được chiếc xe đầu tiên. Luân thì ở chung với gia đình bảo trợ. Khi nào bà Kay không say thì Luân được đi đến hãng đúng giờ. Còn thì Luân phải gọi anh Vũ lên, mượn anh Vũ chở đi làm bằng chiếc xe Oldsmobile đời 1953. Trong ba anh em qua năm 75, có lẽ anh Vũ là người may mắn nhất. Ông bảo trợ giúp đi học tiếng Anh và giới thiệu vào làm part time trong phòng thí nghiệm của hãng dầu. Chiếc xe cũ ông tặng anh Vũ cũng còn tốt lắm, anh Vũ kể. Dù đang đi học, phòng

anh Vũ cũng có truyền hình và máy nhạc. Một lần Vi hỏi:

— Sao anh Khoa không định lấy lại bằng Dược ở đây à

Anh ngần ngừ:

— Anh mà đi học thì thằng Vũ với thằng Luân khổ...

Vi thấy tiếc thật nhiều cho anh Khoa. Anh Khoa rất thông minh. Một lần không may bị bệnh trước kỳ thi cuối năm ở Dược, anh đã ngốn môn Hóa Dược hóc búa trong vòng có ba ngày mà vẫn đỗ. Lúc thi xong hết, anh lẩn thẩn:

— Tự nhiên hôm nay không phải ngồi học từ sáng đến tối, thật là lạ...

Anh Khoa lúc nào cũng được lòng cả nhà. Bữa ăn có anh Khoa cũng vui hơn vì anh thích nói đùa. Mẹ thương anh Khoa rất nhiều vì anh rất hiền và dễ tính. Đêm 28 tháng 4 năm 75, Mẹ phải giục mãi anh Khoa mới chịu sắp đồ đạc vào bao bố và theo anh Cả đi ra bến Bạch Đằng. Một tuần trước, anh có nhờ Vi đánh máy bằng cấp của anh qua tiếng Anh, trước khi đi thị thực, phòng khi phải mang theo chạy loạn. Vi nhỡ tay đánh trật, anh thở dài một cách dị đoan:

— Vậy là chắc anh không học Dược lại rồi...mà chẳng rầy rà gì Vi cả.

Chuyến máy bay chở Vi đến Mỹ ngừng lại ở San Francisco, buổi tối gọi xuống Dallas, giọng anh Khoa nghẹn đi trong điện thoại:

— Vi hả Vi...

Sau hơn ba năm, tưởng chừng như không bao giờ gặp lại, giờ thì Vi gần các anh nhưng lại xa Mẹ, các em và Việt Nam. Tóc Luân thật dài và anh Vũ thật ốm khi đón Vi từ phi trường San Antonio về Dallas. Anh Khoa mãi trưa mới về, xô cửa vào, nhìn Vi rưng rưng:

— Mẹ còn lên máu thường không Vi...

Đó cũng là lần đầu Vi thấy anh mặc cái quần cắt lại. Khi Vi định nghỉ việc ở Mostek để về Arlington học full-time thì anh Khoa khuyến khích:

— Vi cứ đi học đi, đừng lo gì cả...

Vậy mà mọi người ở Việt Nam vẫn lầm nghĩ là mấy người qua Mỹ là sung túc, nhàn hạ và thoải mái lắm,Vi nghĩ.

Máy bay chợt hơi chao làm Vi cảm thấy chóng mặt rời khỏi cơn suy nghĩ. Tiếng cô tiếp viên hàng không vang lên:

— Yêu cầu quý vị cài lại seat-belt, ngưng hút thuốc và nâng ghế ngồi lên, chúng ta đang ở Dallas và chuẩn bị đáp xuống, nhiệt độ bên ngoài hiện thời là 27 độ, vận tốc gió là...

Trước khi đi, Vi thoáng nghĩ về Dallas tháng Hai thật là đi tìm tuyết và giá lạnh. Nhưng Vi phải đi, dù chỉ một ngày thôi...

Dallas đây rồi, mãi hai năm Vi vẫn nghĩ về nó, có khi nhủ thầm là sẽ về đây tìm việc và ở mãi nơi đây. Viên phi công dù co ro trong chiếc áo choàng vẫn cố cười thật tươi với khách hàng đang lần lượt rời khỏi máy bay bước vào hành lang của phi trường:

— Chúng tôi hy vọng quý vị hài lòng với chuyến bay...

Phi trường Dallas-Fortworth không thay đổi lắm sau hai năm. Hai dãy người đứng lố nhố hai bên cổng vào mong ngóng người thân. Vi không có ai chờ đón cả. Việc kế tiếp là phải tìm cách về khách sạn thật nhanh kẻo trời tối. May quá, chỉ một người ở trước mặt Vi nơi hãng mướn xe Vi đã giữ chỗ sẵn.

— Cô có muốn mua bảo hiểm cho chiếc xe không

Ông đại diện của hãng cho mướn xe ngẩng đầu lên hỏi Vi. Vi nhìn ra cánh đồng tuyết bao trùm phố xá và bầu trời xám ngắt, gật nhanh đầu:

— Vâng xin ông cho thêm bảo hiểm và bản đồ...

Khách sạn hơi xa phi trường nhưng đường khá vắng nên Vi cũng vững tâm nhìn ngắm chung quanh. Khi xưa Vi ít khi lang thang ở vùng nầy mùa đông nên không nhận ra cảnh vật chung quanh khác đi nhiều ít. Chị Ngà giờ này chắc đang trên đường từ sở về nhà trong mùa đông nhè nhẹ của Cali. Chỉ có Luân biết Vi qua Texas để dự hội nghị. Không ai đang tưởng tượng được Vi đang "mạo hiểm" lái xe trong bể tuyết của Dallas. Holiday Inn đây rồi. Khách sạn lẫn nhà hàng thật vắng làm Vi hơi ngạc nhiên. Vào phòng thay áo xong trở ra nhà hàng Vi mới chú ý là dù vắng nhưng nhà hàng trang hoàng rất tươm tất. Mỗi bàn đều có một ngọn nến ấm áp lung linh trong cái chụp thủy tinh màu đỏ lộng lẫy. Lọ hoa hồng nhung trên mỗi bàn vẫn còn tươi. Quầy rượu không có người nhưng anh pha rượu có vẽ bận rộn sau dãy ly trong veo lóng lánh vài vết sáng yếu ớt hắt vào từ chùm đèn trăm ngọn xa trên nóc trần cao. Xa mãi góc phòng bên kia là một cặp vợ chồng mặc y phục dạ tiệc, nói chuyện thầm thì. Vi đang ở Dallas, một im lặng Dallas, giống như mơ. Trả lại thực đơn cho anh hầu bàn với order, Vi hơi ngã người ra ghế, nghĩ đến chuyến đi dự định buổi sáng sớm hôm sau. Cầu mong trời đừng rơi nhiều tuyết sáng mai. Vi lẩm bẩm.

Khi đưa chìa khóa phòng cho ông quản lý khách sạn, Vi định hỏi một vài tin tức thời tiết nhưng không hiểu sao Vi lại thôi. Vi sẽ biết ngay thôi trong giây lát khi lái xe về phía Đông Dallas. Một trận gió lạnh ùa vào khi Vi mới vừa mở cửa khách sạn đi ra ngoài làm Vi hơi nhăn mặt. Hôm qua đang ngủ giật mình dậy Vi có tò mò chạy đến cửa sổ phòng xóa lớp hơi nước để nhìn ra ngoài. Lúc ấy tuyết đang rơi.

Bao nhiêu là lạnh giá rơi âm thầm từ không gian vời vợi. Vi đang nương náu trong một xó xỉnh ấm áp ở Dallas. Ngày xưa nơi đây là nhà của anh em Vi. Bây giờ Vi về đây, nửa lạ nửa quen.

Hai cái rương đã nằm yên ổn băng sau. Máy ấm trong xe cũng khá tốt. Vi nhìn Holiday Inn một lần nữa rồi chầm chậm vòng xe ra đường. Vi an lòng cảm thấy lớp tuyết thật xốp dưới bốn bánh xe và cái thắng vẫn còn dừng chiếc xe lại nhanh đúng mức. Bản đồ Vi đã nghiên cứu kỹ. Vi sẽ lái trên freeway khoảng mười lăm dặm về phía Đông rồi rẻ vào Memory Park. Highland Hill nằm ngay phía sau Memory Park. Xong việc, Vi hy vọng sẽ còn thời gian đi ngang qua căn apartment ba anh em ở hồi xưa ở Forest Lane. Còn về Arlington thăm ngôi trường cũ chắc Vi phải chịu thôi. Trễ chuyến máy bay sẽ trễ thêm buổi họp. Dallas buổi sáng thứ Bảy chín giờ rưỡi vẫn còn chìm đắm tong giấc ngủ vùi. Thật là trái ngược với thứ Bảy ở Los Angeles, dù trong mùa đông.

Ngả vào Memory Park đây rồi. Phía sau cái tháp cao là Highland Hill, không sai. Ký ức của Vi cũng còn tốt lắm. Vi mỉm cười ngắm nghía mấy tia nắng sáng chói chang phản chiếu từ cái tấm gương tuyết vĩ đại trước mắt.

Highland Hill vẫn cổ kính trong nghiêm như thuở nào. Cái cổng sắt cao màu xanh ve chai đã mở sẵn. Vi hồi hộp lái chậm chạp qua cổng trên con đường lót mấy viên đá nâu. Bao bọc bởi một vòng rào sắt dài, Highland Hill là một cánh đồng phủ tuyết cô lập. Mấy hòn non bộ, mấy giòng suối đẹp đẽ làm dáng đang bao phủ bởi tuyết. Thật nhiều cây xanh bóng mát năm nào nay là những cây sầu đông trơ vơ. Vi nghĩ Vi có thể tự tìm ra chỗ của anh Khoa dựa trên chi tiết của quyển sổ nhỏ trong túi xách tay, nhưng chắc rất là lâu. Chỉ có một ngôi nhà nhỏ nằm sát cổng bên mặt, sau căn nhà bán hoa, có vẻ là chỗ Vi hỏi thăm được vài tin tức.

Chỉ có một Linh Mục ngồi sau chiếc bàn trong gian phòng rộng và hơi lạnh. Cha ngẩng đầu nhìn khi Vi bước vào:

— Thưa Cha, con muốn hỏi chỗ của người quen vì lâu quá con không đến đây...

Đôi mắt xanh của Cha có vẻ xa vắng sau đôi mắt kiếng:

— Con cho Cha tên họ...

— Dạ tên Khoa, Nguyễn Đăng Khoa

Sau khi lôi ra một bản đồ to từ trong hộc tủ, Cha mở quyển sổ dầy trước mặt dò con số bên cạnh tên Khoa, rồi quay trở lại bản đồ:

— I 25, J 14, chỗ đó là Thung Lũng Bình Yên, bên cạnh Cánh Đồng

Mùa Xuân,...Đây nầy, con đi thẳng con đường Mặt Hồ Bạc trước mặt, đến ngả rẻ qua đường Bình Minh, ngay bên trái là Thung Lũng Bình Yên, hàng thứ ba từ ngoài vào trong, hàng thứ nhất từ bụi cây Đồi Hồng...bên phải là John Moore Jr., bên trái là Tom Allen. Nếu còn sợ lộn thì nhìn qua bên kia đường Mặt Hồ Bạc, con phải thấy Giòng Suối Thì Thầm...

Thật là một cách chỉ đường quá rõ ràng với bao nhiêu cái tên nên thơ cho một nơi lạnh lùng như vậy. Vi hơi mỉm cười khi cúi đầu chào Cha:

— Dạ con cám ơn Cha rất nhiều...

Trong đôi mắt nheo nheo của Cha có một cái gì khi Vi vội vã bước đi. Giọng Cha đột ngột vang lên khi Vi tiến đến cửa:

— Con có đem theo cái xuổng không?

Vi hơi ngẩn người ra, Cha đã nói tiếp:

— Con cần một cái xuổng để tìm người quen vì mấy tuần nay tuyết phủ lấp hết.

Như đoán được Vi chẳng mang gì theo cả, Cha đứng lên bước vào trong kho:

— Con có thể dùng tạm cái nầy, tuyết cứng ghê lắm đó...

Ở Việt Nam chắc Mẹ không thể tưởng tượng Vi phải đi thăm anh Khoa với một cái xuổng. Vi thấy khôi hài muốn cười nhưng sao hai đầu môi nặng trĩu. Chắc không có ai thật sự cười ở những nơi như thế nầy.

Mua một chậu cúc trắng để vào xe, Vi thấy xốn xang trong lòng. Sau cùng Vi đã đến đây, chỗ Vi muốn và nghĩ đến thật nhiều mấy năm qua. Tháng Sáu năm nào, chỗ nầy lao xao bao người, xe đậu dài hai bên đường Mặt Hồ Bạc. Vi còn nhớ đang buổi lễ, một mớ bà con họ hàng lố nhố đi theo sau lưng Luân trở ra đường. Gương mặt Luân sạm đi nhưng không nói gì cả. Bước ra sau cùng, Dĩ Tâm giải thích:

— Con với Khoa kỵ tuổi, không nên dự lễ

Dừng xe ở góc đường Bình Minh và Mặt Hồ Bạc bước xuống Vi mới thấy Cha nói đúng. Không có cái xuổng, không thể nào đọc được bảng tên dưới lớp tuyết dầy dù Vi đã nhận ra bụi cây Đồi Hồng. Gió rét căm căm như xuyên thủng qua lớp áo dầy khi Vi bắt đầu xới lớp nước đá trên một tấm bảng Vi nghĩ là của anh Khoa. Lớp nước đá nầy chắc đông đặc từ cả tháng trước. Mấy nhát xuổng đầu dội vào tay Vi ê ẩm. Gió buốt tạt vào mặt mà Vi cảm thấy như đứng cạnh ngọn lửa táp. Bàn tay Vi cũng đang đỏ lên. Không có một chỗ nào để tránh gió. Gió từ mọi phía. Cụm cây Đồi Hồng còn thấp quá. Không hiểu nước

mất hay mồ hôi Vi ứa ra hai bên má khi một cái tên lạ hiện ra dưới nhát xuổng. Có thể là cái tên bên phải hoặc bên trái vì tính đi tính lại, chỗ nầy chắc chắn là Cha chỉ. Bàn tay Vi đã hoàn toàn đỏ và cứng như nước đá mất rồi. Buông xuổng, Vi chạy nhanh trở lại xe, mở máy sưởi tối đa vừa xoa hai tay vào nhau. Nhất định Vi phải tìm cho được chỗ của anh Khoa. Chắc chắn nó phải ở quanh đó. Bàn tay đã mềm trở lại, và mũi cũng bớt tê, Vi băng qua lớp tuyết đến chỗ cũ. Bên trái, bên phải, trên, dưới đều không có tên anh Khoa. Làm thêm một vòng xuổng to hơn, Vi vẫn không tìm thấy. Anh Khoa, anh ở đâu?

Cha vẫn ngồi sau bàn viết khi Vi trở lại. Giọng ông âu lo khi lôi ra mọi bản đồ cũ mới:

— Trong sổ không ghi lại một địa điểm nào khác...mấy giờ con phải trở lại phi trường?

Ảo não nhưng cả quyết, Vi thốt:

— Dạ 4 giờ...nhưng con phải tìm cho ra...

Lái xe trở ra Thung lũng Bình Yên, Vi thấy se thắt trong lòng. Làm sao Vi đào hết lớp tuyết của cả "thung lũng" nầy cho kịp giờ lên máy bay. Có ít nhất là vài trăm bảng tên trong một khu nhỏ nầy. Giòng Suối Thì Thầm đúng là bên kia đường, đúng là cái tên đó trên bảng gỗ lấm tấm tuyết phủ. Vi ngồi htừ trong xe một lúc lâu. Lọ hoa cúc trắng chưa đến nỗi rũ xuống nhưng trong lòng Vi ủ rũ quá. Không chừng sau hai giờ nữa, Vi phải để tạm chậu cúc cạnh một tấm bảng tên xa lạ nào đó để lên phi trường. Hai tiếng đồng hồ nữa. Vi phải làm tất cả mọi việc Vi có thể làm bây giờ. Vẫn xuổng, vẫn khăn choàng và áo lạnh dầy bước xuống, Vi đi chầm chậm qua những bảng tên vừa đào, đọc kỹ lại từng tên rồi bất chợt lùi khoảng một thước xa, xới liều một cái tên khác, rồi một tên bên cạnh. Vẫn không phải. Một chút, Vi dừng lại, đứng tựa tay thinh lặng trên cán xuổng. Gió vẫn thổi nhưng Vi không cảm thấy trở thành nước đá như lúc đầu, mồ hôi rịn ra trên lưng, ướt đẫm trên trán. Một bàn tay để lên cán xuổng, Vi quay lại, mừng rỡ:

— Ồ Cha, con vẫn không tìm được, con không biết làm sao...

Vạt áo đen hơi lấm tuyết khi Cha đứng trước mặt Vi, đôi mắt màu xanh trầm lặng áy náy sau cặp mắt kiếng:

— Để Cha tìm phụ...

Không màng trở vào xe để sưởi ấm, Vi bắt đầu lang thang chung quanh. Có những bảng tên đồng tuyết tan nhanh hơn sau buổi trưa nắng lên nên Vi có thể đọc được tên mà không cần dùng xuổng. Không có cả John Moore Jr., không Tom Allen. Cũng có một vài chậu hoa rải rác đông cứng dưới tuyết. Cha đang bắt đầu xới tuyết ở

cách Vi khoảng năm thước. Vi ngẩng đầu nhìn qua khỏi vòng rào. Ngọn tháp của Memorial Park đang sừng sững trước mặt. Một chớp sáng lóe ngang qua đầu. Còn một hy vọng cuối cùng. Chạy ra xe mở lại quyển sổ nhỏ, Vi đọc kỹ lại hàng chữ viết năm nào. Phải rồi, đứng từ chỗ anh Khoa nhìn ra, tầm mắt phải nằm trên cùng một đường thẳng đi qua cái tháp của Memorial Park. Ngoài ra, bụi cây nằm cạnh anh Khoa tên là bụi cây Ngăn Sương.

Mê mãi đào tuyết quay lưng lại Vi, Cha không để ý Vi đang quỳ trên đất, xới tuyết bằng cây cào tuyết trên kiếng xe. Nước mắt và mồ hôi nhòe trên mắt khi Vi reo lên:

Băng qua một khoảng tuyết để ôm chầm lấy Vi. Cha vừa nói vừa thở:

— God bless your heart! Con thật là nhanh nhẹn...

Nỗi khổ, nỗi nhớ và thương như bay lên cao, lẫn trong bầu trời bạc khi Vi lẩm nhẩm đọc, tên anh Khoa trên bảng. Vi đã tìm được anh, đã thực hiện được điều Vi hứa với anh phải không.

Trước khi bước vào xe, Cha còn trỏ cán xuống về phía Vi:

— Vậy là con không sợ trễ máy bay đâu nhé.

Vi cười thật tươi. Chiều nay có người rời khỏi Dallas với một tâm hồn bình yên.

MỘT TẬP TRUYỆN KHÔNG THỂ THIẾU
TRONG TỦ SÁCH CỦA CHÚNG TA
Đã có bán khắp các nhà sách trên toàn thế giới

CÂY GẬY LÀM MƯA

tân thư

VĂN NGHỆ
Tổng phát hành

GA CUỐI NĂM

Thường Quán

Cánh rừng sẫm nặng một màu
Sau hàng phố cũ : thềm ga
Đường tàu năm cũ còn chuyến chót
Người phu trạm đợi giờ đóng ca.

Hai chúng tôi và một buổi chiều
Đang đóng cửa, mưa lất phất
Xong một năm của bao là đổ xiêu
Và tàn tạ, có ai thực biết?

Hai đường tàu trơn mưa vỡ toang không tiếc
Màu lá sẫm chìm dần không nói hết
Màu đen ướt tiễn đưa gì, đã chất chồng quá nhiều ly biệt
Chỉ là thêm một năm sắp qua.

Núi xa màu xám những khối mây nặng xám
Vuông cửa lưới mắt cáo, người phu trạm nhỏ nhoi
lúi cúi nhìn xa.
Thế giới này? Không, muôn đời có chi đâu đổi khác.
Tôi? Tôi chỉ đang đợi một chuyến tàu

Không phải để đi về nhà
Những mái ngói đen ướt ở bìa rừng
Lẩn khuất những ô cửa
Không mở ra ngoài mưa.

Xấu hổ nhận ra mình đang khẽ đọc
Cho mình nghe mấy câu thơ
Của một người qua sông hơn hai trăm năm trước
Buổi chiều Long Vỹ Giang:

Những câu thơ chiều thê thiết
Đâu để cho mình an ủi niềm sầu muộn tư riêng?

Ôm lấy tâm sự người ở thời đại này còn là một hình tội
Khổ sầu không để sẻ chia -
Có thấy mình cũng xiêu lạc mịt mù khi nhìn lại
Thì nào khóc được người xưa!

Núi xa chìm mất sau biển mây: khối khối khổng lồ trôi trôi dị dạng lầm lì đen xạm...
Thôi, hãy lặng im nghe mưa!
Những tiếng trầm trầm bắt đầu vây bủa khắp
Bóng tối cũng đã theo lên đầy khoảng rừng thưa.

CENTRAL VALLEY
MEDICAL CLINIC
7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
Tel. (818) 708-7227
B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)
B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM
Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM
NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ

Phỏng vấn *Salman Rushdie*

SỰ KIỆN, NIỀM TIN VÀ GIẢ TƯỞNG

Bài phỏng vấn tác giả tiểu thuyết "Quỷ Kinh" (The Satanic Verses) của báo Far Eastern Economic Review. (F.E.E.R)

Thoạt đầu cuốn Quỷ Kinh *(The Satanic Verses) bị cấm lưu hành trong những quốc gia Hồi Giáo ở Á* Châu và Trung Đông. Sau đó, sách bị những di dân người Hồi đốt ở nước Anh. Bây giờ Quỷ Kinh *đã mang đến cho tác giả một án lệnh tử hình do giáo chủ là Ayotollah Khomeini ban ra.*

*Nước Anh đã đóng cửa tòa đại sứ ở Teheran và các quốc gia khác của thị trường chung Â*u Châu cũng đã triệu hồi các Đại sứ của họ tại Iran trước khi Rushdie qui ẩn để tránh né bọn khủng bố, phóng viên tờ Far Eastern Economic Review *đã có dịp nói chuyện với ông tại tư gia ở Luân Đôn. Sau đây là một phần trích dịch từ bài phỏng vấn đó, dưới đầu đề* Sự Kiện, Niềm Tin và Giả Tưởng. *Đề trên đây do Văn Học đặt.*

F.E.E.R.: Toàn thể thế giới người Hồi đã phản ứng mạnh mẽ về cuốn sách của ông. Ông cảm thấy thế nào về vụ này?

SALMAN RUSHDIE: Chả có lý do gì để tin rằng tôi đã làm những điều mà họ đã dùng để kết án tôi. Với tôi, hầu như có hai cách để đối thoại về phần nội dung của cuốn sách.

Một trong hai cách đó là lấy ý kiến về từng vấn đề đã bị trì trích. Nếu làm như vậy câu trả lời sẽ được toàn hảo cho tất cả những gì đã được nói tới. Những người lên án sách của tôi đã lên án một tác phẩm mà họ không hề đọc. Cái lý do của sự đáp ứng cuồng bạo trong thế giới

Hồi Giáo chính thống vượt khỏi lý do cá nhân. Không có những trì trích của từng cá nhân mà là sự trì trích chung nằm ở ý tưởng một tác phẩm văn chương dám đề cập tới bản chất của sự tiên tri và sự hình thành của một tôn giáo. Đây là một đề tài rộng lớn hơn và đề tài nầy nên được đề cập tới.

Ý kiến cho rằng căn bản của một tác phẩm giả tưởng chỉ là tác phẩm dựa trên các sự kiện đã được ngụy trang với mục đích bóp méo sự kiện có thật là ý kiến sai lầm.

Mục đích của sự giả tưởng không phải là bóp méo sự kiện mà là khám phá nhân tính, khám phá những tư tưởng mà nhân loại đặt định vào. Câu hỏi được đặt ra là những mục đích đó có giới hạn không, hoặc giả có những sự việc mà người ta không nên làm hay không? Hiển nhiên là phải có những giới hạn nhưng những giới hạn này rất là khác nhau đối với mỗi nhà văn. Trong đề tài phá vỡ những điều cấm kỵ của xã hội ở đây, người ta tin là tôi đã đi quá trớn trong việc chống lại sự cấm kỵ. Tôi tin rằng tôi là một nhà văn nghiêm chỉnh và nếu bạn là một nhà văn nghiêm chỉnh bạn có bổn phận phải thảo luận về các đặc tính trọng yếu của nền văn hóa, nền văn minh người ta đang sống. Đây là một bổn phận cực kỳ quan trọng và tôi đã làm bổn phận nầy trong tất cả các tác phẩm của tôi. (Vậy thì) đây không phải là lần đầu tiên và có lẽ sẽ không phải là lần cuối cùng tôi làm như vậy.

F.E.E.R.: Nhiều người cảm thấy rằng trong tác phẩm Shame *trước đây ông chỉ làm có một việc là chỉ trích sự khai phá một tôn giáo và bây giờ ông đã chỉ trích kỹ lưỡng hơn nữa trong tác phẩm* "Quỷ Kinh" *của ông.*

S.R.: Nếu bạn có niềm tin chắc chắn rằng những gì ở Mecca vào thế kỷ 17 đã xảy ra như thế nầy: một nhân vật siêu nhiên, một thượng đẳng thiên sứ, một nhân vật trung gian giữa con người bình thường với một nhân vật cao hơn cả nhân vật siêu nhiên kia nữa đó là đấng Thượng Đế tối cao đã xuất hiện và phán một vài lời. Những lời này đã được ghi nhận và cũng được coi là những lời truyền thống trực tiếp với Chúa Trời, thì một điều khá hiển nhiên là bất cứ ai có một quan điểm chống đối với niềm tin đó của bạn cũng sẽ trở thành người mà bạn không ưa.

Quan điểm của tôi là quan điểm của một người thế tục. Tôi không tin vào những thực thể siêu nhiên, dẫu là của Kitô, Do Thái, Hồi giáo hay Ấn Độ giáo. Tôi có mối quan tâm lớn về tôn giáo, vì với tôi tôn giáo là dấu hiệu cho ta thấy rằng con người đã có những cố gắng để tìm hiểu về sự hiện hữu của mình trên trái đất cũng như đã bàn cãi về thuần phong mỹ tục của con người. Hiển nhiên những chuyện về tôn

giáo có một nội dung quan trọng và vĩ đại. Nhưng tôi không tán đồng với những sự thật hiểu theo nghĩa đen trong Kinh Thánh, Kinh Koran hay Kinh Luật Do Thái. Tương tự hàng tỉ người trong thời đại thế tục này, cái nhìn của tôi là cái nhìn của một người rất quan tâm đến tôn giáo nhưng không cần phải trở thành một tín đồ sùng đạo như tôi đã từng là một tín đồ sùng đạo trước đây. Một cuốn sách được viết từ quan điểm như vậy phải được coi là hoàn toàn chính đáng. Cái điều rất quan trọng là Hồi giáo cũng như bất cứ một tôn giáo nào khác nên cho phép tôn giáo mình được quyền thảo luận về đặc tính và nguồn gốc của nó mà không cần giới hạn và cấm cản bất cứ đề mục nào. Nhưng thái độ của Hồi giáo chính thống vẫn còn lạc hậu so với thái độ của các tôn giáo lớn khác.

F.E.E.R.: Có phải đó là trường hợp của Ấn Độ nơi sách ông bị cấm lưu hành không?

S.R.: Phải. Nhiều người, kể cả những nhân vật trong chính phủ, chưa đọc sách của tôi. Thủ tướng Gandhi đã công khai tuyên bố là ông chưa đọc sách ấy và cũng không có ý định sẽ đọc sách của tôi.

Nhóm Hồi giáo ở Ấn là nhóm đẩy mạnh việc cấm lưu hành sách ở Ấn Đô cũng tuyên bố là họ không cần đọc sách của tôi. 95o/o những gì được viết ở Ấn Độ về cuốn sách của tôi đã được viết bởi những người chưa hề đọc sách ấy.

F.E.E.R.: Nhiều người Hồi muốn mở cuộc tranh luận có tính cách chính trị và xã hội về Hồi giáo. Nhưng chính những người này cảm thấy rằng ông đã đi quá xa. Làm như vậy có phải ông đã chấm dứt cuộc tranh luận trước khi nó được bắt đầu hay không?

S.R.: Thế nào là đi quá xa? Những điều đã làm là để thảo luận về bản chất của những điều đã được tiết lộ, định giá để sẽ làm gì với lời tiên tri, với những cám dỗ thì hiến dâng hay chế ngự, đối phó thế nào với vấn đề thỏa hiệp hay tiếp tục giữ lập trường tuyệt đối. Đó là những đề tài thảo luận của cuốn sách mà không cần đi sâu vào vấn đề xét đoán xem những sự vật đúng hay sai về phương diện lịch sử, để có thể dùng phương pháp giả tưởng thay thế phương pháp sử học.

Cuốn sách đã bị phán xét và phán xét một cách sai lầm bởi đã dùng phương pháp sử học áp dụng vào một đề tài trên thực tế chỉ là giả tưởng. Nếu bạn không thể lấy tưởng tượng mà hình dung và thảo luận thì khi nói rằng đã đi quá xa cũng có nghĩa là không thể đi đến đâu cả và bạn không thể cất bước đi bước đầu tiên.

F.E.E.R.: Ông có thấy bất cứ loại tranh luận nào về tôn giáo được mở ra ở các nước Hồi giáo không?

S.R.: Hy vọng là có. Chỉ có một cách duy nhất để mở ra cuộc tranh

luận là viết sách. Sách được viết ra không phải là để mong muốn được cấm lưu hành mà là mong muốn được mọi người đọc nó. Tôi đâu có sung sướng gì khi sách của mình bị cấm lưu hành ở các nước theo đạo Hồi. Tôi thà thấy những người có liên hệ mật thiết với những vấn đề được đề cập tới trong sách có dịp đọc và phê bình còn hơn là thấy sách bị cấm lưu hành. Cái phiền là ở chỗ những điều họ bịa đặt đang được mang những đặc tính của chân lý.

F.E.E.R.: Ông có thể làm gì để cho họ đọc và không cấm lưu hành sách ông?

S.R.: Hiển nhiên là tôi đã không tìm cách cho sự việc đó xảy ra và chỉ có một điều mà tôi có thể làm là tin tưởng vào cuốn sách tôi đã viết. Sách vở tồn tại rất lâu. Dần dần rồi người ta cũng sẽ đọc và xuyên qua lớp sương mù của sự trình thuật sai lạc ngoài đời, những điều thực sự được trần thuật trong sách rồi cũng được phân biệt. Nhiều cuốn sách đã ở trong trường hợp như vậy và rồi đã đưa đến những canh cải căn bản.

F.E.E.R.: Bây giờ ông dự tính viết về vấn đề gì?

S.R.: Tôi sẽ không rời bỏ vấn đề này vì nó là chủ đề của tôi cũng như quyền bẩm sinh của tôi, không ai có quyền tước đoạt.

Cũng như quyền bẩm sinh của tôi về Ấn Độ, quyền bẩm sinh của tôi về Hồi Giáo. Tôi không nói là tôi chỉ viết về một chủ đề đó thôi, nhưng chủ đề đó luôn luôn có trong óc tôi và nó là chất liệu đã làm cho tôi trở thành chính tôi bây giờ. Tôi lấy làm tiếc nếu có người không thích những điều tôi viết, nhưng may mắn cho tôi là vẫn có nhiều người rất muốn tôi tiếp tục viết về vấn đề (tôn giáo) này.

Nếu người ta không thích những gì tôi viết, họ nên gập sách đó lại. Thế thôi.

F.E.E.R.
Số ra ngày 3-2-89

TỰ TRUYỆN MỘT NGƯỜI VÔ TÍCH SỰ

Nguyễn Xuân Hoàng

LTS: Truyện ngắn dưới đây của Nguyễn Xuân Hoàng là một trong mấy sáng tác mới nhất của ông viết vào cuối năm 88, sẽ được in trong tập truyện, thơ, tuỳ bút dưới một tên chung Ngôi Nhà Ngói Đỏ *do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành trong mùa hè 1989.*

Cùng với tiểu thuyết Sa Mạc, *do nhà Xuân Thu ấn hành, tập truyện* Ngôi Nhà Ngói Đỏ *trong đó có sáng tác mang tên* Tự Truyện Của Một Người Vô Tích Sự *dưới đây của Nguyễn Xuân Hoàng là sáng tác góp mặt trình làng mà năm nhà văn đã mang lên bàn mổ vào cuối năm 88. Mời bạn đọc xem bài* Vài Suy Nghĩ Của Người Sáng Tác *đi trong số này.*

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

VH.

"Trong đời sống, mất mát quan trọng hơn là thu nhận. Cây lúa sẽ không trổ bông, nếu trước đó nó không chết đi. Hãy sinh động một cách không mệt mỏi, nhìn về tương lai và nuôi dưỡng bằng nguồn dự trữ sống chất chứa từ trí nhớ và sự lãng quên cộng lại."

BORIS PASTERNAK
Tự truyện

Tôi là đứa con thứ mười hai trong một gia đình có mười ba anh chị em. Mười ba người con trong một gia đình, con số đâu có nhỏ, phải không? Nhưng biết làm sao! Có ai trên cõi phù sinh này mà được quyền chọn nơi chốn, gia đình hay dân tộc mình để chào đời. Bởi vì trước khi mình có mặt, nghĩa là mình chưa có, không có. Và ngay khi mình biết mình có mặt, mình đã có... sẵn rồi. Tóm lại, tôi sinh ra đời dưới một mái nhà "đông dân" và "kinh tế" đang hồi sa sút. Nhà nghèo đông con hoặc ngược lại đông con nhà nghèo, tôi coi đó là một thứ định luật có thể tin cậy được.

Dù sao phải nói là nhà tôi đông người quá, đông đến nỗi tôi không thể nào nhớ hết tất cả những anh chị em tôi. Cha tôi, má tôi, đôi ba ông anh, một bà chị, một cô em...chỉ chừng đó người thôi cũng đủ nằm chật trong ký ức tôi rồi.

Vậy thì, có lẽ, tôi chỉ xin nói trước một đôi điều về đôi ba người trong gia đình tôi thôi. Tôi nghĩ rằng khi vẽ lại chân dung những con người thân thích ruột thịt của mình, tôi cũng đã tự vẽ chân dung mình. Tuy có hơi nhợt nhạt, nhưng chắc là sẽ không phản bội lắm đâu!

*

Cha tôi, tất nhiên đó là người mà tôi muốn nhắc đến trước nhất trong bản tự truyện này. Ông khá cao lớn, quắc thước, vạm vỡ. Ngay bây giờ đây, khi hồi tưởng lại hình ảnh của ông, điều mà tôi có thể nhìn thấy lại trước nhất và rõ nhất là đôi mắt của ông. Đôi mắt ấy đầy thần lực, khá lạnh lùng và có một vẻ gì như tàn nhẫn. Khi nhìn ai, đôi mắt kia như phát ra một mệnh lệnh bắt họ phải phục tùng. Rất nhiều màu nâu, rất ít lòng trắng, đôi mắt ấy khá gần với loài hổ báo. Cũng có khi tôi tưởng đôi mắt ấy là con dao cau phạt ngang, có thể cắt đứt cổ

tôi như chơi.

Tôi rất sợ cha tôi. Và tôi không biết rõ lòng mình là có bao giờ tôi yêu ông không.

Má tôi thường nói cha tôi là một con sâu rượu. Quả thật, ông uống như hũ chìm và không bao giờ tôi thấy ông say. "Tao mà say rượu à, rượu say tao thì có!" Cha tôi nhiều lần nói với tôi như vậy.

Mỗi ngày bốn bận, cha tôi uống rượu theo chu kỳ "sáng — trưa — chiều — tối". Sáng uống theo lối sáng, chiều uống theo kiểu chiều. Sáng đánh răng súc miệng, uống ít thôi. Tối cần giấc ngủ, uống khá khá được. Trưa, chiều thì tùy hứng.

Má tôi nói rượu là độc dược. Cha tôi nói rượu là thuốc an thần. Cha tôi tích trữ rượu. Má tôi giấu rượu. Cha tôi ít nói khi đã uống nhiều. Má tôi không phải là loại đàn bà lắm lời.

Nói chung, gia đình tôi đông, nhưng buồn và lạnh. Chúng tôi cử động, ăn uống, đi lại, học hành, trò chuyện như những người khách trọ trong một căn nhà nấu cơm tháng.

Có một thời gian, tuy hơi bất ngờ, nhưng mà cũng ngắn thôi, tôi thấy cha tôi không uống rượu nữa. "Sáng — trưa — chiều — tối" ông uống trà thay rượu. Cái thói quen mà ông không thay đổi, đó là bao giờ cũng thức dậy sớm hơn tất cả mọi người trong nhà. Ông nấu nước trong một chiếc ấm màu đen quánh, pha trà trong một chiếc bình đất nung đỏ màu gạch cua bóng lưỡng, và uống trong một cái chén nhỏ cũng bằng đất nung da màu lông thỏ đỏ. Cái chén ấy ông trang trọng gọi nó là Thố Hào Trản. Cha tôi rất quý cái chén này. Có lúc tôi nghĩ là ông quý nó còn hơn đứa con của ông là tôi nữa. Ông thường đem khoe với mấy người bạn của ông cái chén đất và nói rằng nó xưa lắm, "bảy trăm năm lận". Nếu đời sống con người chỉ kéo dài có năm mươi năm thôi thì cái chén này đã áp vào môi của mười bốn đời người. Nó "chạm" đến bảy thế kỷ của nhân loại. Có lần tôi hỏi ông tại sao ông biết cái chén này xưa tới bảy trăm năm. Ông nói chính một ông bạn làm quản thủ công nhựt ở viện bảo tàng vườn Bách Thảo Sàigòn nói như vậy?".

"Cha à! Ông ta căn cứ vào đâu mà nói như vậy?".

"Tao không biết, nhưng tao tin ông ấy. Ông là một nhà chơi đồ cổ lừng danh. Lời nói ổng rất có giá trị".

"Nhưng tại sao bảy trăm năm thì quý?" "Cái gì trên cõi đời này mà lâu năm đều quý cả".

Tôi biết cha tôi trả lời lấy lệ. Và tôi vẫn không tin là hễ cái gì lâu đời cũng đều là quý cả.

Nhưng đột nhiên, cũng bất ngờ như lần chửa rượu, ông bỏ trà không một lời báo hiệu. Tôi nhìn thấy cái chén đất nung, da màu lông thỏ đỏ, nằm lăn lóc dưới gầm tủ; bình trà bỏ ở góc nhà; còn cái ấm đất màu đen quánh nằm ở chái hiên.

Ông uống rượu trở lại.

Thời gian sau đó rất tình cờ có lần tôi nghe ông nói "mấy cái thằng ăn không ngồi rồi, dư tiền dư của, bày đặt chén Tiểu Tống với Đại Tống, Thán Hào Trổ với Thố Hào Trản". Theo ông, rượu tốt hơn trà, vài cái chính là "sự chứa" chứ không phải là "cái chứa". Chén nào cũng được, rượu là đủ.

Tôi không giống cha tôi về mặt này.

Tôi không uống rượu.

*

Má tôi là người đàn bà có cái chiều cao khá bạo so với chiều cao trung bình của một phụ nữ Việt nam. Bà là cái âm bản của cha tôi. Da trắng, tóc gần như màu bạch kim, mũi cao nhỏ, thanh tú, mắt xanh long lanh hơi nghịch ngợm, bà có vẻ bề ngoài dễ nổi bật giữa những người phụ nữ Việt nam trung bình. Những buổi đi học về, tôi thường chui xuống bếp với má tôi và đôi khi cả bà chị kế tôi cũng xuống bếp theo nữa. Thỉnh thoảng, có dịp bà kể cho chúng tôi nghe về những mảnh đời của ông. Chắp vá lại những câu chuyện hụt đầu hở đuôi của bà, tôi hình dung ra cuộc đời của cha tôi, bằng cách thêm mắm dặm muối cho nó liền lạc.

Là thủy thủ của những thương thuyền, cha tôi trôi nổi từ hải cảng này sang thương cảng khác. Nay Hồng Kông mai Tân Gia Ba, mốt Marseille, bữa kia Amsterdam...ông như một con cá mập giang hồ vẫy vùng giữa trời và nước. Những hình xăm xanh lè còn đầy trên chiếc ngực vạm vỡ và lông lá của ông, cùng với những dòng chữ lăn quăn trên hai cánh tay ông, làm chứng cho những lời nói của má tôi. Trước khi lấy bà, cha tôi đã có một đời vợ. Mẹ trước tôi là một phụ nữ Pháp, tên Suzanne, sinh trưởng ở Marseille, thành phố mà có thời cha tôi đã tưởng chừng sẽ chôn chân vĩnh viễn lại nơi đây như một quê hương thứ hai. Nhưng, cũng là theo lời má tôi kể, ông phải bỏ đi vì một chuyện "lỡ tay" của ông. Một hôm ông bước vào một quán rượu quen, gọi thức uống như thường lệ, nhưng chờ mãi mà vẫn không thấy người bồi mang lại, trong khi đó thì tên chủ quán người Pháp cứ đi ra đi vào ngó ông khinh khỉnh. Ông sốt ruột, nắm cổ áo hắn hỏi tại sao. Hắn nói ở đây không có chỗ cho một dân "Mít". Ông giận điên lên, quật tên chủ quán xuống sàn nhà và tấn công hắn bằng

một thế võ cực kỳ hiểm hóc. Tên chủ quán chết không kịp lời trối trăn. Để trốn tránh pháp luật, ông dắt bà Suzanne chạy lên Paris. Paris đâu phải đất sống của ông. Ông quẩy đuôi trở lại sông hồ, để lại thành phố ánh sáng lộng lẫy kia, người đàn bà với một giọt máu của ông. Sau này, theo lời kể của má tôi, có lần bà Suzanne gửi thư cho cha tôi nói về giọt máu rơi của ông nay đã là một thiếu nữ tên Marthe. Má tôi muốn tự tay biên thư cho bà Suzanne, nhưng cha tôi không bằng lòng. Ông nói đó là chuyện của ông, má tôi không được xen vào. Chị Marthe của tôi có thời nổi tiếng là một trong số những người mẫu lừng danh của Paris. Người ta gọi chị là Marthe Nuyen (lẽ ra phải viết là Marthe Nguyễn mới đúng, nhưng chuyện này đâu có ăn nhằm gì). Tôi biết chi tiết này vì lúc hơi lớn một chút có lần tình cờ tôi nhìn thấy trong cuốn nhật ký của bà chị kế tôi có một tấm ảnh in hình một cô gái Pháp ăn mặc thật đẹp như một tài tử điện ảnh. Sau lưng tấm ảnh là lời đề tặng cho cha tôi có chữ ký rất rõ là Marthe Nuyen. Nhật ký của chị nói rằng Marthe làm nghề người mẫu. Và cha tôi đã biên thư phản đối bà Suzanne tại sao để con tự do làm nghề này. Nghề người mẫu thì đâu có gì là xấu, nhưng tôi không hiểu tại sao cha tôi nói vậy. Cho nên bây giờ, thật tình mà nói, tôi không biết gì nhiều hơn về người chị có cùng chung với tôi một người cha này. Bỏ Paris, cha tôi đi Hương Cảng, lại theo một con tàu khác, lại giang hồ kỳ hiệp, nay thương cảng này, mai hải cảng kia. Đó là thời gian cha tôi gặp má tôi.

*

Bà là người Trung Hoa, nhưng có dòng máu của dân Hồng Mao. Bà thường nhắc đến ông ngoại tôi một cách kính cẩn như nhắc đến một vị thần đầy quyền lực: "Ông ngoại con không phải là người phàm. Ông là con nhà quý tộc chớ không phải dân giang hồ tứ chiếng như cha con đâu".

"Má, con nhà quý tộc thì sao?" Tôi hỏi lại.

"Dân quý tộc không lấy con nhà thường dân".

"Vậy sao má chịu lấy cha?".

"Không biết! Đừng nhiều chuyện! Nhưng má thích tụi con ăn học đàng hoàng, hơn là lang bạt kỳ hồ".

Bà không muốn chúng tôi giống cái thời tuổi trẻ của cha. Ước muốn của bà, sau này, tôi thấy hình như không thành tựu được bao nhiêu.

Ông ngoại tôi người Bắc Kinh, con một gia đình quyền quý có chức phận, được gởi sang Anh du học. Ông lấy một phụ nữ người Anh và sinh ra má tôi. Không hiểu vì sao ông bỏ bà ở lại Luân Đôn, về nước chỉ mang theo cô con gái là má tôi. Nhưng rồi, ông cũng không nuôi

má tôi. Ông đem bà gửi cho một gia đình người Hoa khác ở Hương Cảng, cung cấp ít tiền bạc và thỉnh thoảng mới đến thăm bà. Cuộc tình duyên giữa má tôi và cha tôi ra sao, không ai trong đám con cái chúng tôi biết. Mà má tôi cũng không bao giờ hé môi nói rõ tại sao một thiếu nữ "con nhà quan xinh đẹp thế kia" (tôi vẫn luôn luôn nghĩ má tôi là người đàn bà đẹp nhất mà tôi đã gặp trong đời) lại đi phải lòng một người đàn ông giang hồ như cha tôi. Dù sao khi tôi bắt đầu nhận ra mình là đứa con của một gia đình đông đảo, tôi có thể nói má tôi là một phụ nữ Việt nam rất Việt Nam, theo cái nghĩa người đàn bà tần tảo lo cho chồng cho con trong cái xã hội bình thường của chúng ta. Quần quật suốt ngày với con cái nhà cửa, chạy ăn từng bữa, tất cả, ngược xuôi, đắp cái này, vá cái kia, chia cái nọ, nhưng không bao giờ thấy bà hé răng kêu một lời than thở. Về ngôn ngữ, tôi không biết nói sao cho đúng. Má tôi nói tiếng Tàu sõi như tiếng Việt , hay ngược lại bà nói tiếng Việt cũng thông suốt như tiếng Tàu. Phần tôi, tôi ăn cắp được của má tôi và cha tôi một chút chiều cao của thân thể , nhưng tiếc thay, tôi không lấy được một tí nào về sự chịu đựng lớn lao của bà và cái cang cường dũng cảm của cha.

Tuy vậy hình như tôi là một đứa con được bà nuông chiều quá đáng trong một gia đình đông đúc. Cha tôi lạnh lùng. Anh chị em tôi dứng dưng. Nhiều khi tôi có cảm tưởng như chẳng có sợi dây nào ràng buộc được chúng tôi lại với nhau.

Nói nào ngay, mấy ông anh bà chị tôi không ai ghét bỏ tôi, nhưng hình như cũng không ai ưa tôi. Riêng tôi, tôi nghĩ là mình căm thù tất cả mọi người, trừ một người, tất nhiên, đó là má tôi. Tôi đâu có cần gì phải là ra vẻ lạnh lùng. Tôi có thừa sự nhạt nhẽo để có thể chia xẻ cho tất cả mọi người. Cái phần ấm áp, tôi chỉ dành riêng cho mỗi một mình má tôi.

Thật ra, chị Thảo tôi, mà tôi có lần nói rất giống má tôi, là người mà tôi cũng yêu lắm, gần bằng tình yêu mà tôi đã dành cho má tôi. Nhưng giữa chị và tôi có một khoảng cách vô hình. Không bao giờ mà hai chị em nói với nhau quá câu thứ hai mà không cải nhau. Đúng với cái tên mà má tôi đã đặt cho chị, chị là một thứ cỏ hoang mọc lên trên một vùng đất khô cằn là cái gia đình tàn tạ của chúng tôi. Và cái sắc đẹp man dại của chị làm cho má tôi lo lắng buồn bã hơn là làm cho bà hãnh diện mừng vui. Chị Thảo là một kết hợp kỳ lạ giữa cha tôi và má tôi. Chị có cái nhan sắc của má tôi và cũng có cái lạnh lùng đôi khi tàn nhẫn của cha tôi.

Năm mười bảy tuổi, chị bị một tên thanh niên con nhà giàu trên tỉnh

theo đuổi. Hắn mang tặng chị hết món này đến thứ khác, toàn là loại đắt tiền. Lúc đầu chị cười cợt, coi như trò đùa. Về sau chị vất tất cả những thứ ấy ra cửa. Hắn tên là T. và theo chủ quan tôi, lúc ấy hắn là một thanh niên khá đẹp trai. Cao lớn, để ria mép, ăn mặc chải chuốt, hắn đẹp theo kiểu một công tử. Hắn khôn khéo, tìm mọi cách để chiều lòng mọi người trong nhà tôi. Kín đáo mang rượu đến cho cho cha tôi mỗi tuần, tặng vải vóc cho má tôi, đồ chơi cho riêng tôi, T. đi lòng vòng chung quanh trước khi chinh phục tâm điểm là chị Thảo tôi. Tôi có cảm tưởng như nếu bắt hắn phải quỳ xuống để xin xỏ chị Thảo chút tình yêu, chắc hắn cũng sẵn sàng không do dự. Nhưng chị Thảo nhất mực không hề cảm động hay thương hại hắn. Tôi không biết là lúc đó chị có đang yêu người nào không. Hình như là không. Thật ra tôi cũng không chắc lắm. Nhưng rõ ràng là chị vất cái thứ tình yêu đầy quỵ luỵ, say đắm và mù quáng của T. xuống cống rãnh. Nhiều buổi chiều, tôi thấy T. đứng bứt rứt bên kia đường, dưới gốc cây muồng hoa vàng nghệ, ngó chăm vào nhà tôi. Hắn đau khổ thấy rõ. Và thú thật tôi có thương hại hắn. Tôi thấy chị Thảo tàn nhẫn. Cha tôi không bao giờ uống một giọt rượu của T. Còn má tôi vào những ngày năm cùng tháng tận, cần mua sắm ít vải may quần áo mới cho chúng tôi, vậy mà bà cũng nhất quyết gói gửi trả hết cho .T. Một lần cha tôi cho gọi T. vào nhà, rót rượu cho hắn uống. T. nói không biết uống rượu. Cha tôi bảo "Nam vô tửu như kỳ vô phong", đàn ông không uống rượu như cờ không gió. Hắn nhìn cha tôi như cầu khẩn. Cha tôi cụng ly. T. bưng lên nốc cạn một hơi. "Khá!" cha tôi nói, và rót tiếp một ly thứ hai. Cứ thế hết ly này đến ly khác. Khi cha tôi đứng dậy, T. ói thóc ói tháo, đầu gục xuống bàn, mềm như sợi bún thiu.

Khi người Pháp trở lại Việt nam sau cuộc chiến, T. làm thông ngôn trong một tiểu đoàn Lê Dương. Hắn lúc bấy giờ nổi tiếng như một hung thần. Nhiều người đã chết dưới tay hắn. T. háo sắc đến độ gần như vùng nào mà tiểu đoàn hắn đi qua đều có vài ba thiếu nữ là nạn nhân của hắn. Đi bên cạnh T. luôn luôn có hai tên người Ma Rốc gạch mặt. Nhiều cô gái sau khi bị hãm hiếp, còn bị hai tên Ma Rốc dùng dao cắt vú và đâm nát cửa mình.

Thời gian này gia đình tôi đã tan thành nhiều mảnh. Tôi theo cha tôi chạy lên Hòn Lớn, một địa danh ở miền Trung, nằm dưới chân một ngọn núi khô cằn, nhà cửa giống như những căn chòi cất vội vàng trên một nền đất chưa được phẳng. Tiếng súng còn khá xa chỗ ở của cha con tôi.

Lúc đó, tiểu đoàn T. đang bố ráp càn quét ở một vùng quê khác, nơi

má tôi và chị Thảo đang ẩn náu. Sau này má tôi kể lại: Một buổi tối T. xông vào nhà với hai tên lính Ma Rốc gạch mặt. Hắn ung dung ngồi hút thuốc để hai tên Ma Rốc đè chị Thảo ra cột lên giường và trói má tôi chặt vào cột nhà. Ở thôn quê hồi đó, phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn chỉ là một. Má tôi hãi sợ lắm. Hắn hỏi chị Thảo:

"Em có bằng lòng lấy tôi không?"

"Không!" Chị trả lời.

"Tại sao?"

"Không tại sao gì cả".

"Chừng nào mới chịu lấy tôi?"

"Không chừng nào hết!"

"Sợ tôi không?"

"Tại sao phải sợ?" Chị Thảo hỏi lại ương ngạnh.

T. rút khẩu súng ngắn đeo ở thắt lưng ra, kê vào đầu chị, nhắc lại một lần nữa. Chị Thảo không nhìn hắn. Má tôi la lên, sợ T. bắn thật. Hắn tát vào mặt má tôi. Xong hắn xé quần áo chị Thảo ra, hãm hiếp chị ngay trước mắt chừng ấy con người. Lúc đó, má tôi nói, hắn như một con thú say mồi. Má tôi phát bệnh nặng sau khi chứng kiến cái cảnh tượng hãi hùng giáng xuống đời chị Thảo. Chị Thảo, sau tai nạn khủng khiếp kia, âm thầm bỏ má tôi đi biệt vô âm tín. Mặc dù chỉ nghe lời kể của má tôi về những hành động dã man của tên T, tôi không bao giờ quên hắn. Tôi sẽ nhắc hắn ở đoạn sau.

Phần tôi, kể từ khi bắt đầu va chạm cuộc sống, tôi khám phá ra rằng con người ta không thể nào sống mà thiếu người khác được. Tôi thấy tôi là một kẻ đói tình thương trong một gia đình thừa mứa những liên hệ ruột thịt. Nói giản dị, khi tôi nhận thấy mình cần một bà chị như kiểu chị Thảo để yêu mến thì chị ấy không còn trong gia đình nữa. Có lẽ là chị ấy vẫn còn sống đâu đó mà không muốn trở về với gia đình chăng, tôi không rõ.

Tôi giữ lại trong trái tim mình hai người anh. Một ông anh cả và một người anh kế.

*

Anh cả tôi bỏ nhà đi giang hồ khi mới mười bốn tuổi. Năm đó tôi chưa chào đời. Má tôi nói anh đi Sàigòn. Sau đó là Cà Mâu, Rạch Giá, Năm Căn, Cần Thơ, Châu Đốc...Có lần trong bữa cơm má tôi nói anh mày ở Viên Chian vừa gửi thư về và có cho má tiền. Lần khác trả lời câu hỏi của chị Thảo, má nói anh cả đang ở Savanakhet. Khi cha tôi bỏ trà, liệng lăn lóc cái Thố Hào Trản, là lúc ông nói anh đang ở đồn điền Chup bên Nam Vang. Nói chung tôi rất lơ mơ về nơi ăn

chốn ở của anh ấy. Còn mặt mũi của anh thì mãi lâu về sau tôi mới có dịp nhìn thấy.

*
* *

Người anh kế tôi, tuy cao lớn nhưng dáng người thanh tú. Ấy vậy mà khi vừa đậu xong cái bằng tú tài toán anh đã chọn đời lính, như một nghề nghiệp. Anh thi vào trường Võ Bị ĐaLạt, nhưng khi ra trường chuyển sang binh chủng Không quân. Khi Sàigòn thất thủ, anh đóng cấp trung tá, bị bắt đi học tập cải tạo và chết trong lao tù Cộng sản. Anh là người ưa văn chương chữ nghĩa. Anh có nhiều bạn là nhà văn nhà thơ, mặc dù anh không hề viết một truyện ngắn hay là làm một bài thơ nào. Sở dĩ tôi có biết mặt quen tên một ông nhà văn, một bà nhà thơ nào chẳng qua cũng là do ông anh tôi dắt về nhà thôi. Anh che chở cho một nhạc sĩ trốn lính, bỏ tiền trợ cấp cho một bà ca sĩ có bầu "với ai đó". Anh luôn luôn hào hoa rộng lượng. Tôi thích nhìn anh trong bộ đồ bay, chữ Tổ Quốc Không Gian trên ngực áo, chiếc nón lưỡi trai che ngang cặp kính Ray-Ban rất là thời thượng. Anh có nhiều bạn gái, phần lớn là ca sĩ phòng trà, và anh không yêu một cô nào quá lâu. Anh nói với tôi anh không có tình yêu. Mãi đến Năm Bảy Hai, sau mùa hè đỏ lửa, trước ngày má tôi qua đời, anh báo tin cho tôi biết là anh quyết định lấy vợ. Chị là một cô giáo dạy vạn vật và là người rất xa lạ với thế giới đầy buông thả của anh. Nếu cái vẻ hào hoa phong nhã của anh là thứ vũ khí sắc bén chinh phục các cô ca sĩ thì khi anh gặp chị, vũ khí ấy trở thành thừa thãi, vô hiệu. Chị nói chị lấy anh vì tánh thật thà của anh, chứ không phải vì cái mã bề ngoài đẹp trai của anh. Hôn nhân đã ép anh vào một khuôn khổ chắc nịch, không kẽ hở. Nhà cửa, vợ con, gia đình, hàng xóm đâu ra đấy. Anh không còn luông tuồng như xưa nữa. *"Tình yêu có thật!"*. Anh vẫn nói với tôi như vậy khi đã có với chị một đứa con. Tuy vậy mỗi khi có dịp về Sàigòn, anh như một con cá gặp nước. Bạn bè, ăn nhậu, nhẩy nhót như điên. Vũ nữ, ca sĩ, phòng trà, âm nhạc, rượu chè...anh sống vội vã như thể ngày mai trái đất này sẽ trở thành tro bụi. Tuy vậy có lần anh nghiêm chỉnh nói với tôi rằng không biết cuộc chiến tranh này rồi sẽ đi về đâu. Có nhiều điều anh không hiểu. Tình hình chính trị ngày càng xấu. Các thành phố lớn có vẽ như co rúm lại. Chiến tranh đâu chỉ có ở mặt trận, nó nằm cùng khắp đất nước thành thị, thôn quê, ruộng

vườn nhà cửa. Ngay trong hơi thở ta, trên da thịt ta, trong thành phố, chiến tranh cũng đầy chật. Anh nói đến những ánh đèn nhấp nháy của nhà cửa làng mạc, nói đến rừng núi sông ngòi...những nơi anh đã bay qua. Anh nói đến những đám mây như những tản bông trắng xốp, đến bầu trời xanh lơ mênh mông. Anh thích nhà văn phi công người Pháp, ông Saint Exupéry trong tác phẩm *Terre Des Hommes*. Và câu nói của một nhân vật trong cuốn sách này ám ảnh anh là: "Cái mà mình đã làm, mình nói thật, không một con vật nào làm được". Anh muốn có cơ hội thử thách điều đó.

Khi hay tin anh chết trong lao tù cải tạo nhớ đến lời nói của anh, tôi tự nghĩ không biết anh đã chiêm nghiệm ra điều ấy hay chưa.

Nghĩ cũng hay, một gia đình đông đảo đến là như thế, mà chiến tranh đến, chiến tranh đi, vô tình cướp mất của tôi lúc này một ít ông anh, lúc kia một ít bà chị, để rồi rút cục con rắn dài mười ba khúc chỉ còn lại có khúc đầu, khúc giữa và khúc đuôi.

Tôi muốn được giới thiệu về ông anh cả tôi trước khi nói tiếp về ông anh trung tá.

*

Cũng giống như cha tôi, anh cả tôi cao lớn vạm vỡ khác thường. Anh có một khuôn mặt bạnh, chân mày rậm xếch, mũi to, miệng rộng, cằm vuông, râu quai nón, đen sạm. Một vết sẹo dài chạy từ khóe mắt trái đến mang tai. Mắt anh không lớn nhưng lì lợm và dữ dằn như mắt cha tôi. Tóc anh xoắn chảy xuống gần phía ót một chùm mịn quăn tít. Cổ anh tròn cứng, vai ngang, hai bàn tay to lớn phốp pháp. Trên khuôn mặt anh, người ta có thể nhìn thấy một sự kết hợp kỳ lạ, mâu thuẫn đến tuyệt diệu giữa sự cứng rắn và mềm mại, dễ ghét và dễ thương, hận thù và thân ái...Tất cả những hình nét mà tôi có thể vẽ được về anh, chỉ là nhờ vào những tấm ảnh anh gửi về cho má tôi. Tôi còn nhớ Tết Nguyên Đán một năm nào đó, lần đầu tiên tôi giáp mặt anh. Tôi thấy những đường nét mà tôi đã hình dung về anh không sai là mấy. Hồi đó tôi mới bốn tuổi, má tôi bắt tôi ra mừng anh ở xa mới về. Tôi đứng nép bên má nhìn anh, thấy anh tưởng như một người đã quen nhau từ lâu lắm. Nhưng tôi không chào anh. Anh là người quen trong trí tưởng tôi, hơn là người anh có mặt trong đời sống thực tôi. Anh ở nhà không lâu và lại ra đi hồi nào tôi cũng không nhớ. Tôi chỉ

biết thời gian đó gia đình tôi tạm coi như sum họp nhất, mặc dù lạnh lẽo vẫn là khí hậu chính của mọi người. In hình như trong nhà ai cũng linh cảm sắp có một điều chi đó xảy ra, như chờ đợi một cơn bão vậy. Và tôi thấy người anh cả tôi lúc ấy rất quan tâm đến chị Thảo. Anh nói chuyện khá lâu với chị và loáng thoáng tôi nghe nhắc đến tên T., người thanh niên vẫn theo đuổi chị. Một buổi tối, cả nhà ngồi quanh bàn ăn, cha tôi gợi chuyện để anh cả tôi kể những biến cố đời anh. Anh cười, hàm râu quai nón giãn ra như một ông tây con. Anh nói ít, cũng như má tôi vậy, về nơi ăn chốn ở của anh: rừng cao su, những người phu được mộ từ miền Bắc, những tên chủ đồn điền người Pháp hách dịch phách lối, cách tra tấn dã man những người trốn việc mà bọn cai vẫn thường đối xử với đám phu phen... Anh kể chậm rãi về nhiều người, nhiều việc, nhưng không ai biết chút gì thêm về đời tư của anh. Khi anh đứng dậy thì thầm với chị Thảo điều gì đó, cha tôi tuyên bố một câu khó hiểu: "Thằng này giống tao!". Về sau tôi biết anh đã "làm thịt" một tên cai phu tàn ác vì hắn hành hạ dã man một người phu đồn điền.

Một năm sau, Cách mạng tháng Tám bùng nổ trên toàn quốc, anh tôi bị cơn lốc thời cuộc cuốn theo, thổi bay từ núi rừng này sang núi rừng khác, mặt trận, chiến khu, và biệt tích biệt tăm, cho đến sau tai nạn buồn thảm của chị Thảo tôi.

Tôi quên nói là sau khi trái lựu đạn nội hóa đầu tiên nổ tung trong một ngày mùa Thu ngay trước cửa nhà tôi thì gia đình tôi giống như một tổ ong bị vỡ. Chúng tôi, những con ong bay tán loạn, tơi tả, lạc loài, vô định. Má tôi và chị Thảo một đàng, các ông anh bà chị khác một ngõ. Chỉ có riêng mình tôi, theo cha chạy qua những làng xa tận cùng một chân núi. Tôi biết những cánh đồng xanh lá mạ, những vườn xoài vườn mận, những hệ thống dẫn thủy nhập điền thô lậu, những con sông dài phơi mình ngái ngủ giữa trưa hay trôi lặng lẽ dưới bóng trăng đêm... Tôi được thấy những đàn bò gậm cỏ buồn nản, những con trâu lười biếng trầm mình dưới đầm nước tù ngầu đục... Nhưng cuộc chiến ngày một đuổi nà những người thành phố. Tiếng súng lúc đầu còn xa, càng về sau càng gần hơn. Trước mặt chúng tôi là ruộng vườn, thôn xóm. Sau lưng chúng tôi là núi đá, rừng cây. Cùng đường rồi, chạy đi đâu nữa. Cha tôi nói như vậy. Và ông vừa làm tiều phu, vừa làm nhà nông. Cha tôi nói chỉ mồ hôi đổ xuống mới có quyền bưng bát cơm. Những kẻ lười biếng không thể tồn tại trên trái đất này. Đất đai chỉ nuôi sống che chở những ai yêu nó, sống với nó, làm việc cùng với nó. Cha tôi là một người tháo vát. Ông lao động một

cách thành thạo tất cả những việc mà một nhà nông phải làm, và đặc biệt ông làm có kết quả. Ông nói tận trong máu huyết của mỗi người Việt nam đều có chứa đựng dòng máu của một người làm ruộng. Đây là thời gian cho tôi trở lại với ấm trà và chén đất. Không còn cái Thố Hào Trản của thời Đại Tống Tiểu Tống gì đó, mà một ông bạn già của cha tôi nói. Chén đất nung thứ thiệt màu đỏ gạch cua, cha tôi làm lấy. Ông vẫn là người dậy sớm, nấu ấm trà. Và tôi trở thành người bạn hiền nhỏ bé đối ẩm cùng ông. Cuộc sống của hai cha con tôi nơi sơn cùng thủy tận hạnh phúc một cách bắt buộc. Cha tôi nhắc má tôi và chị Thảo ít hơn là nhắc đến hai ông anh tôi. Cho đến một hôm, một người liên lạc đến báo cho cha tôi biết anh cả tôi ở chiến khu về muốn gặp ông. Tôi mừng lắm. Nhưng cha tôi trầm ngâm không nói chi. Tôi còn nhớ cuộc gặp gỡ của chúng tôi diễn ra dưới chái hiên của căn chòi lợp lá phên. Buổi chiều ở núi lạnh tê. Anh tôi đứng trước sân căn chòi. Vẫn cao lớn, hơi gầy, râu cạo nhẵn, tóc vẫn xoăn tít bám sát da đầu. Vẫn vết sẹo dài từ khóe mắt trái đến mang tai. Cha tôi và tôi đứng dưới dàn bầu nậm. Tôi hết nhìn anh, lại nhìn cha. Anh gầy càng giống cha nhiều hơn. Hai người đàn ông đứng im sững như hai người thợ săn đang rình mồi, nhìn ngó nhau trân trân. Tôi thấy những đốm sáng cuối cùng của ngày lóng lánh trong đôi mắt anh. Sau cùng, tôi nghe thấy tiếng cha tôi kêu tên anh trai tôi. Tối hôm đó, ba chúng tôi ăn cơm chung bên bếp lửa. Cơm trộn bắp chan nước mắm bằng nước muối pha đường thẻ. Bửa cơm rất ngon miệng, mặc dù tôi đã quá ngấy với những hột bắp nhiều hơn gạo trong chén cơm. Anh ôm tôi vào lòng, lấy khẩu súng ngắn ở thắt lưng ra, tháo đạn, cho tôi mượn. Anh đọc cho tôi nghe một tác giả mà sau này tôi biết là Quang Dũng:

...

Mẹ tôi em có gặp đâu không
Những xác già nua ngập cánh đồng

...

Đó là những câu thơ mà tôi sẽ còn nhớ mãi. Một lúc, anh ngập ngừng nói với cha:

"Con đã gặp thằng T.!"

"Thằng T.?". Cha tôi hỏi gặng. "Mà ở đâu?"

"Ở Tân Hưng. Gần Gò Quít, cha nhớ không?"

"Nhớ. Rồi sao?"

"Con hỏi nó biết con là ai không? Nó nói biết. Con hỏi nó sợ không? Nó nói không..."

Anh ngừng lại, trầm ngâm.

"Cha biết con đã làm điều gì phải làm cho em Thảo".

Cha tôi im lặng rót trà vào chén đất, uống một hơi cạn.

Sáng hôm sau, khi tôi thức dậy, anh đã ra đi từ hồi nào. Cả cha tôi nữa, ông cũng đã vào rừng đốn cây làm thêm phên cửa, sửa vách và dành củi cho mùa đông.

Người anh sinh trước tôi vài năm, cũng như tôi, lớn lên khi cuộc chiến tranh Việt nam đi vào một khúc quanh khác. Người Pháp đã ra đi sau khi thất thủ Điện Biên Phủ. Người Mỹ vừa đến. Quốc Trưởng Bảo Đại bị truất phế. Tổng Thống Ngô Đình Diệm và nền Đệ Nhất Cộng Hoà thành lập. Gia đình mười ba anh em chúng tôi chỉ còn cô gái út ở nhà với má tôi. Anh cả tôi cũng như chị Thảo đều biệt tăm. Ông anh kế tôi theo học trường Võ Bị Quốc Gia Đàlạt. Sau đó tôi vào Quang Trung rồi đi Thủ Đức. Chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ. Các tướng lãnh thay nhau cầm quyền. Cha tôi qua đời đúng vào Tết Mậu Thân. Bốn năm sau má tôi cũng "đi theo", khi một tay nhà báo Pháp viết về "đại lộ kinh hoàng" ở Quảng Trị, nơi người bạn Thuỷ quân Lục chiến của tôi làm bài thơ Cổ Thành tặng tôi trước khi hy sinh. Cô em gái út nhà tôi lấy chồng. Ngôi nhà tôi ở đã bán. Tôi là người lính sống ở văn phòng nhiều hơn chiến trường. Tôi luôn luôn là kẻ được nuông chiều trong một xã hội không phải ai cũng may mắn được như thế. Ông anh Không quân của tôi tuy vẫn hào hoa bay bướm, nhưng là một người cha gương mẫu, một người chồng tốt. Anh được bạn bè đồng đội yêu mến và quả tình anh cũng rất yêu mến con đường anh đi. Một lần chúng tôi gặp nhau ở Sàigòn, anh nhắc tên người anh lớn và bà chị Thảo của chúng tôi. Không biết bây giờ anh chị ấy ở đâu, ra sao, sống chết thế nào. Anh nói chiến tranh ghê tởm và anh hỏi tôi nghĩ sao. Tôi nghĩ sao? Tôi là một người vô tích sự. Nhưng bây giờ hiểu ra, tôi yêu tất cả mọi người. Tôi không thù ghét ai. Người anh Không quân của tôi cũng nói vậy. Anh chờ đợi và mong muốn hoà bình. Anh nói anh không phải là một nhà chính trị, nhưng anh tin rằng anh chiến đấu cho tự do của dân tộc. Anh nói anh không hề mù quáng nghĩ rằng anh đang sống trong một xã hội tốt đẹp, nhưng anh tin rằng anh đang chiến đấu trong một xã hội để làm cho nó tốt đẹp hơn cái hiện có.

*

Tháng Tư Bảy Lăm, Sàigòn thất thủ, trong "những người chiến thắng" trở về có ông anh cả tôi, nay là một cán bộ chức sắc, một thứ

công thần. Anh có tìm gặp tôi trước ngày tôi bị gọi đi học tập cải tạo. Tôi thấy anh khác xưa nhiều. Vết sẹo trên mặt có vẻ như nhạt đi, những bắp thịt gân guốc đã mất. Anh gầy và trầm ngâm. Anh không gặp người anh Không quân của tôi. Tôi không nghe anh giải thích tại sao. Cô em út của chúng tôi đã theo chồng rời bỏ Sàigòn trong một ngày áp chót của cuộc chiến. Tôi không hiểu tại sao có phương tiện trong tay mà người anh Không quân của tôi không ra đi. Cũng như những sĩ quan thua trận cấp uý khác, tôi thu xếp ít quần áo và lương thực cho mười ngày học tập. Ba năm sau tôi được trở về, khi ông anh Không quân của tôi vẫn còn ở lại trong một trại cải tạo ngoài Bắc. Ra tù tôi sống lang bang, làm đủ thứ nghề, đi khắp mọi nơi, nhưng tôi vẫn không gặp và không nghe chút tin tức gì về chị Thảo tôi. Làm như chị là một người không có thực trong gia đình tôi.

Ông anh cả tôi sau đó có đến thăm tôi thêm một lần nữa, sau khi tôi vượt biên bị bắt ở Rạch Giá vừa được thả về. Ông nói đừng làm chuyện bá láp, vượt biên là phản quốc. Đó là thời gian chế độ mới đánh tư sản, đổi tiền. Ông nói học tập cải tạo là rất tốt cho những đầu óc vô tích sự như tôi. Phải như thế thì tôi mới "sáng mắt sáng lòng" ra được. Mãi đến năm thứ mười sau ngày Sàigòn thất thủ tôi mới vượt biên thông suốt. Tôi đến được Pulau Bidong, trong một chuyến đi không đến nỗi bi thảm như những người khác. Tôi luôn luôn là một người may mắn. Một năm sau nhờ sự bảo lãnh của cô em út, tôi được Mỹ nhận cho định cư.

Khi còn ở đảo tôi hay tin người anh lính Không quân đã chết trong trại giam. Ông anh cả tôi cũng không còn nữa. Một lá thư từ bên nhà gửi qua cho biết ông ấy chết hơi khác thường: tự tử bằng một viên đạn bắn vào đầu. Qua thư từ tôi biết thêm sau khi ông đi thăm người anh lính Không quân bị bệnh nặng nằm chờ chết trở về, ông đã chọn cái chết của mình như một cách nói lời tuyệt vọng. Mười năm sau khi lấn chiếm miền Nam, đất nước ngày càng tan nát, đời sống người dân ngày càng xuống thấp, trong khi máu mủ ruột thịt bỏ đi xa hay vẫn còn nằm trong lao tù của chế độ mà mình phục vụ, có lẽ đã là động cơ thúc đẩy họng súng quay về phía ông. Đôi khi tôi nghĩ cái lẽ sống mới quan trọng hơn là sự sống. Có phải vì thế mà ông anh cả tôi hành động kiểu đó chăng? Đó là tôi suy nghĩ vậy, chớ tôi không chắc lắm đâu.

Tôi bây giờ là một "tếch ních sơn" lương ba cọc ba đồng, sống qua ngày đoạn tháng.

Hôm qua tôi vừa được thư bà chị dâu từ Cabramatta Úc Đại Lợi gửi sang cho hay chị đã lập gia đình. Người chồng chị hiện nay cũng là

một người Việt nam. Hai vợ chồng mở một tiệm ăn. Cả hai mời tôi có dịp sang chơi, sẽ đài thọ vé máy bay và nơi ăn chốn ở.

Tôi không biên thư trả lời. Tôi gọi điện thoại viễn liên chúc mừng chị. Tôi nói muốn đón các cháu sang Mỹ chơi. Chị hứa

Đời sống Mỹ thật là tiện nghi. Tôi không giàu nhưng khôn thiếu thứ gì. Tuy nhiên vào những buổi sáng cuối tuần, đi bách bộ trong khu công viên Mile Square Park, tôi như thấy lại mình thời sống với cha ở một vùng núi miền Trung. Buổi sáng sớm rừng còn đầy sương mù, gió thổi luồn qua những vòm cây lạnh. Trên những ngọn cây cao, tôi nghe tiếng chim kêu từng hồi buồn bã. Giẫm trên những ngọn cỏ ướt sương, bập bập điếu thuốc lá chưa kịp khô, tôi thấy mình già hẳn. Như giờ đây, gần bốn mươi năm sau tôi thấy tôi mới già bằng thuở đó.

Nguyễn Xuân Hoàng

VŨ HUY QUANG

ĐƯỜNG LÊN TRỜI

tuyển tập dịch

XUÂN THU

Tuyển tập này nằm trong nỗ lực bảo tồn văn hóa Việt Nam mà Xuân Thu vẫn có từ trước đến nay. Bởi vì, có gìn giữ được cái cây dân tộc ngay trước mặt giờ mới cho phép chúng ta nhìn ra đến rừng văn hóa nhân loại ngay đằng sau.

MẤY SUY NGHĨ CUẢ NGƯỜI SÁNG TÁC

***Hoàng Khởi Phong* ghi**

Đây là phần chót được ghi lại qua buổi gặp gỡ của năm nhà văn Nhật Tiến, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Mộng Giác, Định Nguyên và Nguyễn Xuân Hoàng hồi cuối năm.

Với cuốn Bèo Giạt *của Nguyễn Mộng Giác và* Tự Truyện Của Một Người Vô Tích Sự *của Nguyễn Xuân Hoàng kết thúc buổi gặp gỡ này, Văn Học mong có dịp được tổ chức một phương thức tương tự với các tác giả khác trong những số tới nếu điều kiện cho phép.*

V.H.

Nguyễn Mộng Giác
Bèo Giạt: Giai đoạn Âu Ca
Tập 4 Mùa Biển Động

NGUYỄN MỘNG GIÁC: Giống như thông lệ ba tác phẩm trước. Tôi xin trình bày về quyển *Mùa Biển Động bốn* tức *Bèo Giạt* xuất bản năm 88. Trong dự định ban đầu khi viết *Mùa Biển Động* tôi chia bộ truyện làm hai phần. Cái mốc phân chia thời gian là vụ Mậu Thân Huế. Từ Mậu Thân trở về trước là tâm trạng của một thế hệ thanh niên lúc bấy giờ, có thiện chí, lý tưởng về xã hội và mù mờ về Cộng Sản, và cũng mù mờ với chính mình không biết chọn cái gì? làm cái gì? Từ Mậu Thân trở về sau họ đã có ý niệm rõ ràng hơn về Cộng Sản. Từ đó đi tìm một con đường và mãi đến cuối truyện mà con đường cũng còn gian nan lắm. Đó là phân bố khái quát của bộ truyện. Trong sự

phân bố nầy, trọn quyển ba viết về Mậu Thân, cuốn bốn này là một phần nhỏ của bộ truyện tạm có thể gọi là giai đoạn Âu ca, một giai đoạn ngắn ngủi trong đó con người thoát ra khỏi chính trị, thời sự để yêu, buồn, giận, hờn, hưởng một chút hạnh phúc, hưởng một chút bình an trong bốn năm ngắn ngủi từ 68 đến 72. Tất cả những cuộc tình, những cuộc dựng vợ gả chồng, những biến chuyển, phân tán, tìm một xê dịch mới, đều xảy ra trong quyển *Bèo Giạt* nầy. Đến cuốn thứ năm sẽ xong vào năm 1989 thì lại trở lại cái không khí bi đát, từ vụ sụp đổ của VNCH 75 một số người ra đi, kẻ ở lại thì chịu những đắng cay thảm họa và cái tên "Tha Hương" của tập cuối không phải là tả tâm trạng hay đời sống của những nhân vật chính ở hải ngoại. Đó là tâm trạng mà Định Nguyên có nhắc tới là tha hương ngay trên cái quê hương của mình. Cho nên từ đầu đến cuối khung cảnh của quyển truyện vẫn là ở Việt Nam, không phải ở hải ngoại. Khi viết cuốn bốn, cái tâm nguyện của tôi là làm sao chú trọng tới *"Con Người"* hơn là chú trọng tới vấn đề *"Lịch Sử"*, cho dù họ có trải qua những biến cố lịch sử quan trọng tôi cũng sẽ chỉ lướt qua những biến cố này, hay chỉ nhắc đến vài dòng để độc giả thấy lúc đó thời cuộc xảy ra cái gì? Hoặc là qua tâm trạng của nhân vật để độc giả thấy những biến cố đó. Tôi chú ý tới đời sống tình cảm của các nhân vật hơn, nếu cần tường thuật lại phong trào phản chiến của Mỹ thì tường thuật lại đời sống của Quỳnh Như và người chồng Mỹ. Có thể nhờ vậy cuốn này nó có vẻ ít quan tâm tới những sự kiện lịch sử, những thay đổi chính trị...như những cuốn trước. Tôi tự đọc thấy nó nhẹ hơn, dễ đọc hơn.

HOÀNG KHỞI PHONG: Tươi mát hơn

NGUYỄN XUÂN HOÀNG: Tôi xin tiếp anh Giác. Quả tình cuốn bốn này tôi đọc thấy dễ chịu hơn. Tính chất *dẫn người đọc nhập vào tiểu thuyết* rất rõ nét so với ba quyển trước. Đồng thời tôi vẫn có cảm giác khi viết bộ truyện này Nguyễn Mộng Giác vẫn lấy sự kiện lịch sử làm cái mốc, bởi anh Giác sử dụng các dữ kiện này một cách chặt chẽ. Nếu ba cuốn trước có đôi chỗ anh Giác lúng túng về mặt nhân vật và lịch sử thì cuốn bốn này anh không vấp phải. Nói tóm lại đây là cuốn tôi thích nhất trong số những quyển Giác đã in.

NHẬT TIẾN: Nó còn tùy thuộc theo quan điểm của người đọc. Bộ trường thiên tiểu thuyết phải phục hồi được một giai đoạn nào đó của quê hương. Thí dụ anh Giác viết về Phật giáo đấu tranh tôi rất thích vì nó soi sáng, phục hồi được nguyên cái cảm nghĩ, cả cái không khí sôi sục của một lớp sinh viên. Tôi thích đọc cái đó. Còn nếu đi vào một đời sống bình thường trong xã hội cũng có yêu, buồn, ghét, giận tôi nghĩ có cũng được không cũng chẳng sao. Có lẽ ở vào tuổi tôi thì tình

yêu nào cũng đại khái giống nhau. Nhưng để cho một tác phẩm ghi lại được cả một giai đoạn xã hội ít có người làm được. Tôi thích đoạn anh Giác viết gắn bó với những biến chuyển của quê hương, đất nước, nó soi sáng lại những tâm tình của cả một lứa người, từ những sôi động chính trị đến những thay đổi nội tâm...Nó tùy quan điểm của người đọc. Có cái điều tôi thắc mắc trong cuốn bốn của anh Giác, khi viết về thiếu nữ Huế. Tôi vẫn nhìn thiếu nữ Huế là những người kín đáo, trang nghiêm, tế nhị. Nhưng khi anh Giác dàn cái cảnh Diễm lúc gặp Ngữ (*ngập ngừng*)

HKP: Trong một cái công viên.

NT: (*cười*) Trong công viên, cô ấy cho hết. Tôi thấy hơi ngỡ ngàng (*Nhiều người cười, kể cả Nhật Tiến*) Tôi thấy vụ đó tới hai lần, lần trước cũng là một vụ làm tình trong không khí của đấu tranh.

HKP: Lần đầu là Tường với Nam.

NT: Như vậy không biết anh Giác có hiểu sai cái tính chất của các thiếu nữ Huế không? Hay là...thực sự nó như vậy (*Cười to*)

ĐỊNH NGUYÊN: Tôi chắc là không sai đâu vì ông Giác có vợ Huế mà.

NT: Cái đó tôi thấy "tiểu thuyết" quá. Theo cảm nghĩ của tôi cái đó "tiểu thuyết" quá. Đời sống chắc không phải thế?

ĐN: Tôi thấy gái Huế còn...hơn thế nữa

NXH: Tôi nghĩ thế là...vừa phải. Còn hơn thế nữa thì...thua (*Nhiều tiếng cười to*)

NT: Thế nầy các ông dám bị các cô gái Huế biểu tình

Ngôn ngữ chuẩn hay địa phương

NMG: Nhân tiện anh Nhật Tiến hỏi tôi xin trả lời luôn vấn đề Nguyễn Hưng Quốc có nêu ra: Viết về gái Huế, cái vẻ yểu điệu, nũng nịu không được nhắc tới. Tất cả nhân vật Huế, rõ hơn là các cô gái Huế, đều nói giọng Bắc pha Trung. Tôi xin giải thích chung là khi bắt đầu viết bộ truyện nầy, lấy khung cảnh Huế tôi đã nghĩ tới điều này, nhưng kẹt là cái quan tâm của tôi là muốn ghi lại một giai đoạn dài của lịch sử. Mà nếu chỉ chú ý tới cái đặc thù của ngôn ngữ Huế như mô tê răng rứa quá nhiều thì nó nói được cái đặc tính địa phương nhưng nó làm loãng những cái khác, đành phải bỏ những nét đặc biệt về ngôn ngữ địa phương mà dùng ngôn ngữ chuẩn, chứ không thể bắt một cô gái Huế, nói giọng Huế, một cô Quảng Ngãi nói giọng Quảng Ngãi, một người Nam nói giọng Nam. Tôi cho lối viết đó để viết tiểu thuyết phong tục thì cần thiết, truyện ngắn cũng cần thiết, nhưng với một bộ tiểu thuyết quá dài nó sẽ làm loãng không khí của cuốn truyện.

NT: Tôi đồng ý với anh Giác điều này.
NMG: Điểm thứ nhì về tính chất Huế, tâm tính của người Huế, tôi nghĩ là anh Nhật Tiến có một quan niệm hết sức đạo đức trong văn chương (*cười*). Cho nên đoạn nào hơi đi quá độ nghiêm nghị thì anh không đồng ý. Còn thực tế tôi nghĩ bất cứ ở đâu cũng vậy, những mối tình vội vã, những tham lam cuống quít, những đam mê...thì Sàigòn cũng như Huế, những nơi càng kín đáo bao nhiêu khi bộc phát lại càng mạnh bấy nhiêu.
NT: Cái đó không phải là quan niệm đạo đức, cái đó chỉ là một thắc mắc xem thực tế có như thế không? Tôi không có kinh nghiệm thực tế ở vùng đất đó.
NXH: Tôi muốn trở lại cái ý của anh Giác: anh nói về ngôn ngữ chuẩn. Huế thì phải nói tiếng Huế. Nam phải rõ là Nam, Quảng nói tiếng Quảng. Anh Giác nghĩ như thế nó sẽ làm loãng cái không khí của cuốn truyện. Loãng hay không loãng là cái kết cấu, là bố cục, là không khí của câu chuyện, chứ không phải vì ngôn ngữ của nhân vật. Tôi không thể để vào miệng một cô gái Huế hay một cô gái ở Hậu Giang cái ngôn ngữ chuẩn được. Bởi vì sự thật của tiểu thuyết và sự thật của đời sống mặc dầu *không nhất thiết phải là một*, nhưng đây là vấn đề mà người viết tiểu thuyết không thể bỏ qua.

Không thể nào để cho một nhân vật ở địa phương nói những tiếng có chữ R thành chữ G mà lại nói ngôn ngữ chuẩn được. Trong khi viết mình có thể sử dụng *ngôn ngữ chuẩn*, để diễn tả cá tính, suy nghĩ của nhân vật đó, nhưng đối thoại phải dùng ngôn ngữ của họ. Tất nhiên không nên lạm dụng.
HKP: Tôi đồng ý với Nguyễn Xuân Hoàng. Phải cho nhân vật sử dụng ngôn ngữ chính của nhân vật. Anh có thể mô tả hành động, dùng ngôn ngữ chuẩn lý luận để dẫn tới. Nhưng khi đối thoại, Bắc phải ra Bắc Nam rõ là Nam. Anh bắt một anh sinh đẻ ở Cần Giuộc, Chắc Cà Đao nói giọng Hà Nội thì "ép" anh đó quá. Đối thoại bằng tiếng địa phương không làm loãng tác phẩm chút nào hết. Tôi lại cho chính cái đó nó làm tăng thêm chất tiểu thuyết của quyển truyện.
NT: Tôi thấy là vấn đề nội dung của những cuộc đối thoại, cái chất chứa trong câu truyện nó quan trọng hơn là cái giọng nói lên bổng hay xuống trầm hay là những chữ *răng rứa* nó làm loãng mạch văn đi. Vấn đề ông sử dụng quá nhiều những *răng rứa* đó nó làm độc giả bị chia trí đi.
HKP: Không nhất thiết là câu nào cũng có những chữ đệm đó, nhưng mình phải làm nổi bật cái chất Huế cho ra Huế.
NT: Nếu ông muốn phục hồi đúng văn đối thoại nó phải vậy.

HKP: Tôi nghĩ khác, trong một đoạn năm, bảy câu đối thoại anh chỉ cần sử dụng một đôi lần những tiếng địa phương ngữ ấy chứ không nhất thiết câu nào cũng phải có. Vả lại đời sống quả là như thế. Không phải người ta khi nói truyện mỗi cuối câu đều có những chữ đệm này.
NT: Như vậy đâu có gì khác bởi lẽ ngoài những chữ đệm địa phương đó nội dung nó vẫn y như nhau. Loại đi thì nó trở thành ngôn ngữ chuẩn ngay bởi vì Bắc Trung Nam ngoại trừ cái giọng và vài tiếng đệm đặc biệt thì cái danh từ đều y như nhau. Do đó tôi thấy viết bình thường sẽ cho người đọc thoải mái không bị chia trí. Vấn đề là cái ý, cái nội dung của câu truyện, của cuộc nói truyện.
ĐN: Tôi có một ý kiến dung hòa, giống ý Hoàng Khởi Phong, nghĩa là dùng ngôn ngữ chuẩn để lý luận, dẫn dắt độc giả, nhưng đối thoại thì nên làm bật chất địa phương của nhân vật, một lúc nào đó trong hành động, trong đối thoại. Về địa phương có nhiều tiếng rất lạ lại văn chương nữa như hồi tôi xuống Trà Ôn, có một cô giáo hỏi tôi:

"Đại úy, đại úy *ném* về đâu đại úy?"

Tôi phải ngẫn người ra một chút mới hiểu cô ấy hỏi tôi sanh ở đâu? Họ dùng chữ *ném* và chỉ địa phương đó mới có chữ đó mà thôi. Tôi nghĩ nó rất hay. Anh *ném* về đâu? Có nghĩa là anh sanh đẻ ở đâu? Nó lạ mà có tính văn chương nữa.
NMG: Nếu mà đi rộng hơn nữa về kỹ thuật thì ngay cái ngôn ngữ đối thoại của văn chương có cái nguyên tắc riêng của nó. Nó không bắt buộc phải y như sự thật. Nếu đòi hỏi y như sự thật thì mọi ngôn ngữ đối thoại trong văn chương đều không đúng sự thật cả.
ĐN: Nó là ước lệ thôi.
NMG: Người mình nói truyện với nhau khác. Trừ những cuộc nói truyện với nhau như thế này, nó có đầu có đuôi, có lý luận, còn bình thường nói truyện với nhau lăng xẹt, không đầu không đuôi. Nó sai văn phạm, đôi khi thiếu chữ. Cho nên điều quan trọng là cái quan tâm của người viết hướng về đâu? Lấy ví dụ như về đối thoại và tâm lý thì tất cả đối thoại của Dostoievsky đều sai cả. Không bao giờ có một nhân vật nào của Dos mà nói dưới hai trang giấy. Từ ông già, bà cả, con nít, phụ nữ đều nói một giọng y chang nhau. Nhưng mình đọc mình không thấy ngượng. Cái quan tâm của Dos là quan tâm khác, không nằm trong đối thoại. Cho tới giờ tôi vẫn nghĩ nếu mình theo sát quá cái tính chất địa phương, gốc gác của nhân vật thì tôi sợ cái quan tâm của độc giả bị phân trí đi. Thành ra tôi có quan tâm khác khi viết bộ truyện này, tôi không chú trọng đến mô tả phong tục, ngôn ngữ của địa phương.
NT: Tôi thấy giữa kịch với tiểu thuyết có cái khác nhau. Đối thoại

trong kịch bắt buộc phải trung thực
HKP: Cái đó chắc chắn.
NT: Và như vậy thì đối thoại trong kịch và đối thoại trong tiểu thuyết có khác nhau. Tôi vẫn thấy cách của anh Giác có lý. Không cần thiết phải nhắc nhở người đó là Huế hay không?
HKP: Tôi vẫn nghiêng về cái ý kiến thỉnh thoảng nên để lộ chất địa phương của nhân vật, trong tác phẩm dài cả ngàn trang, nếu độc giả là một người vô tâm, bình thường đọc để mà đọc thì tiểu sử nhân vật ở hàng ngàn trang trước đôi lúc được nhắc lại bằng một nét, chỉ một chữ đệm cũng có thể cho người đọc vô tư kia nhớ hơn một chút về nhân vật. Đâu cần phải nói thật nhiều những chữ đó, nhưng thỉnh thoảng điểm một chữ tôi cho rằng sẽ làm mạch văn mạnh hơn. Tác giả sẽ làm cho người đọc có được cảm giác thật hơn, gần gụi hơn, chẳng những nó không bị loãng ra, nó còn quy chiếu vào nhân vật những nét rõ hơn về cá tính, gốc gác...Nó *focus* ngay vào nhân vật.
NXH: Tôi muốn bổ túc thêm cái ý của anh Hoàng Khởi Phong. Tôi muốn trở lại từ đầu. Theo tôi, tôi đồng ý ở điểm khi mình viết tiểu thuyết, mình không cần thiết phải chép y như cái gì đã nói ở đời vào trong quyển sách. Bởi vì như vậy thì để cái máy thu thanh có lẽ tốt hơn. Cũng vậy nếu người họa sĩ nói là tôi vẽ chân dung y như thật, thì tôi nghĩ cái máy ảnh xoàng xoàng nó làm chắc chắn giống hơn ông họa sĩ. Anh làm nghệ thuật mà anh vẽ như thật thì anh mua cái máy ảnh anh chụp đi. Tôi nghĩ viết văn cũng vậy. Khi tôi không chép y như cái điều họ nói, tôi chỉ ghi lại cái điều mà tôi muốn hướng độc giả tới. Ngay trong việc đó, tiếng nói địa phương vẫn phải tôn trọng vì trong tiếng nói địa phương ấy nó vẫn chứa đủ cái điều nhà văn muốn viết, chứ không phải chỉ dùng tiếng chuẩn mới nói đủ được cái điều nhà văn muốn viết.

Có lần anh Giác nói các độc giả ở Âu châu than phiền là các nhà văn ở Mỹ bây giờ viết văn cứ phang mấy câu tiếng Mỹ vào trong đó. Như trường hợp Nguyễn Hoàng Nam đôi khi đưa cả một câu dài tiếng Mỹ vào, người đọc khó chịu.

Tất nhiên khi viết như vậy, anh có làm độc giả hụt hẫng đi. Chẳng hạn như chữ "Độp", chữ đó bọn trẻ ở đây đọc hiểu liền, nhưng một độc giả ở Đức, ở Pháp sẽ không hiểu. Tuy nhiên đứng về mặt nhận định và phê bình văn học những cái đó lại là những cái mốc nhờ đó người ta có thể xác định một thời kỳ văn học. Thành ra cái ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật không thể không nói bằng cái ngôn ngữ địa phương của nhân vật. Mà ngôn ngữ ấy cũng không làm sai lạc chút nào con đường mà tác giả muốn đưa người đọc đi trong tác phẩm của

mình. Tất nhiên đừng *lạm dụng thái quá!*
HKP: Tôi cho rằng đôi lúc, trong đối thoại giữa các nhân vật, một câu nào đó trong một đoạn truyện anh cho tôi một chữ nào đó để độc giả nhìn ra ngay cái người đó là người Huế, là người Quảng nó cho độc giả cái cảm giác *thực*, cái cảm giác *sống* của các nhân vật. Vả lại trong ngôn ngữ Việt các tiếng địa phương không có nhiều tiếng Bắc, Trung, Nam không có khác biệt nhau xa, ngoài một số chữ, số từ hạn hẹp.
NXH: Nhân đây tôi có ý nghĩ về ngôn ngữ của cô gái Bắc vào Nam. Trong đời sống khi nói truyện với cô ấy, ta biết cô ấy là người Bắc di cư 54, hay người Bắc mới vào năm 75. Rõ ràng là ngôn ngữ họ có khác. Nói chuyện là biết ngay. Những cô gái Bắc di cư năm 54 mới năm, mười tuổi, năm 75 cô ấy hai mươi lăm, ba mươi tuổi mấy cô ấy nói tiếng Bắc giọng Nam. Nó rất lạ và hay, nó không còn là Bắc mà nó cũng chẳng phải là Nam. Mà đồng thời cái cách nói cũng tuyệt lắm. Nếu mình diễn tả một gia đình di cư vào Nam năm 54, mà mình diễn được cái ngôn ngữ ấy ra, mình mới thấy *ngôn ngữ* quả là có *biến chuyển,* nó xác định được gốc gác nhân vật phần nào
HKP: Đúng các ông nhớ vụ ông Nguyễn Văn Tâm thành lập chính phủ Nam Kỳ tự trị không? Vụ đó thực dân cũng xúi giục Nam Bắc chia rẽ, có những toán người Nam ở ngoài phố, chặn người qua lại bắt phát âm một chữ *Tân Sơn Nhứt* thôi. Nói *Tân Sơn Nhất* là ăn đòn rồi.
NXH: Thiệt ra thì ngôn ngữ Việt giữa Bắc Nam Trung đâu có khác nhau xa, chỉ có vài danh từ mình nên dùng những danh từ này để làm rõ nét các nhân vật, mà giống như Hoàng Khởi Phong nói đó, nó còn làm cho độc giả cảm được cái *thực* của đối thoại, cũng như cái chất *sống* của tác phẩm.
NMG: Như năm người ngồi đây cái ngôn ngữ nói chuyện hàng ngày trong lúc gặp mặt thì biết ông nào Bắc, ông nào Nam. Nhưng ngôn ngữ văn chương, và trên tác phẩm cũng khó biết ai Bắc Nam Trung lắm. Nó hòa đồng.

Văn chương có phải là trò chơi của một thiểu số không?

NT: Trở về với cuốn sách của anh Giác, tôi có ý kiến này. Tuy rằng anh Giác có nói đến giai đoạn Âu ca, tức là giai đoạn bình an của xã hội sau năm Mậu Thân và trước năm 72. Tôi nghĩ rằng tác phẩm chỉ nói được cho cái giai cấp trung lưu trong xã hội Việt Nam chứ giai đoạn âu ca đó không có thật cho những giai cấp khác đặc biệt như nông dân, lao động. Và hình như đặc tính này chung cho các nhà văn khác, mà nó đi đến cái kết luận cái sinh hoạt văn chương, tiểu thuyết nó chỉ có với giai cấp trung lưu trong thành phố, rời khỏi Saigon hay

những tỉnh trung ương như Huế, Đà Lạt, Nha Trang, Cần Thơ, Đà Nẵng, Mỹ Tho thì người ta không biết các nhà văn, những ông Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến, Hoàng Khởi Phong, Định Nguyên hay gì gì đó đi nữa họ không quan tâm đến. Như vậy *văn chương phải chăng là trò chơi* của một số nhỏ không?

NMG HKP: (*cả hai*) Câu này lớn. Nhưng tôi có cảm giác khác để phụ cho cái ý của anh Nhật Tiến: Cái trận chiến vừa rồi nó rải con người khắp mọi nơi, nó trộn lẫn những người trung lưu với giai cấp thấp hơn khắp hang cùng ngỏ hẻm nên nhờ vậy văn chương có địa bàn rộng hơn, và ông Nhật Tiến sẽ được người ta biết đến ở Hậu Giang, ở Phú Bổn....

NT: Tôi không lạc quan như vậy.

HKP: Nó như thế, đầu năm 63, tôi tới tỉnh Quảng Ngãi, có hai tiệm sách ở trong tỉnh. Năm năm sau có dịp ghé lại tôi thấy có năm tiệm sách. Năm 63 khi tôi làm việc ở Quảng Ngãi, học trò ở các quận như Sơn Tịnh, Đức Phổ, Mộ Đức phải ra tỉnh mới mua được sách. Năm 68 đi qua, tôi không ngừng lại trên xe nhìn xuống phố quận Bồng Sơn cũng có tiệm sách, tôi không nói tới sạp báo. Tôi nghĩ sinh hoạt chữ nghĩa cũng nhờ chiến tranh mà lan rộng ra hơn.

ĐN: Tôi quan niệm khác, tôi không đồng ý văn chương chỉ là trò chơi của một số người. Tôi cho rằng mọi diễn biến lớn nhất của lịch sử con người nó quyết định bởi tư tưởng, bởi những người có tư tưởng.

NT: Như vậy là ông độc quyền lịch sử rồi, lịch sử đâu phải chỉ là của những người có quyền. Còn đám đông?

ĐN: Tôi muốn nói về lãnh đạo. Tôi thấy rằng trong lịch sử nhân loại tất cả đều bị lãnh đạo bởi tư tưởng. Quần chúng không có tư tưởng hoặc có thì cũng không đủ trình độ.

NT: Như vậy là ông đi sang một chuyện khác. Nếu đi sang chính trị thì tập thể quần chúng chỉ là đàn cừu mà thôi. Hitler có nói quần chúng càng đông đảo bao nhiêu thì trình độ càng thấp bấy nhiêu.

HKP: Vấn đề anh Nhật Tiến đề cập tôi xin bổ túc thêm: Nếu ở đây có ai đi nhiều hơn tôi may ra có anh Định Nguyên, tôi có thể nói với anh ở miền Nam đời sống họ bình dị, trong sáng hơn bởi đời sống họ dễ dàng hơn, họ ít để ý đến vấn đề văn học. Nhưng ở ngoài Trung, từ Quảng Trị đổ xuống tới Nha Trang suốt giải đất đó không phải chỉ có những người trung lưu mới để ý tới văn chương chữ nghĩa. Tôi gặp một trường trung học tư thục nghèo nàn ở quận Đức Phổ học trò thích đọc *Văn*,cả *Sáng Tạo* nữa.

NT: Tôi cho là con số đó ít căn cứ vào số sách báo bán.

HKP: Nếu nói tới số báo bán ra thì tôi e rằng ngoài lòng yêu mến văn chương chúng ta lại bước sang vấn đề kinh tế nữa? Dân nghèo lo cái ăn cái mặc còn khó nói chi tới truyện mua sách, mua báo. Nhưng có ai cấm họ đi mượn đâu. Mình có tiệm cho thuê sách mà.

NT: Ít nhất cái số lượng bán đó cho ta biết độc giả của mình bao nhiêu?

NMG: Tôi thấy thứ nhất: Câu trả lời nó thiết thân đến từng người viết. Như năm người mình ở đây mỗi người có kinh nghiệm ở một giới nào đó trong xã hội. Mình nghĩ là mình chỉ thoải mái khi nói, nghĩ, viết đối với một giới nào đó thôi. Không hẳn đó là cái giới mình sống với, mình thuộc về. Đó là cái giới mình nghĩ mình có khả năng viết về họ. Thí dụ như Nguyễn Đức Lập viết về giới bình dân trong Nam rất hay, nhưng mà chưa chắc Nguyễn Đức Lập có thể viết hay về giới luật sư của anh. Cái đó nó do bản tính, thiên kiến của từng người. Mỗi người viết về một thế giới nào đó, một giai tầng nào đó do sự chọn lựa của chính họ với giai tầng nào họ thoải mái nhất. Quả tình tôi chỉ thấy thoải mái trong giới tôi biết rõ cho nên không dám viết về nông dân, về quần chúng lao động. Bởi vì nếu viết về họ cũng chỉ là viết gượng mà thôi.

NT: Như vậy phải chăng sự đánh giá của anh là giai đoạn 68 — 72 là giai đoạn ổn định để người ta có thể nghĩ đến dựng vợ gả chồng chỉ đúng với một thành phần nào đó chứ không đúng với cả quê hương Việt Nam.

NMG: Về điểm đó thì tôi xin trả lời: Một cuốn truyện mà nói được hết thân phận của mọi lớp người, của mọi giới, thì cái đó quá khó mình chỉ chọn được một giai tầng mà mình hiểu. Ngay cả trong giai tầng đó mình cũng chỉ chọn được một số những nhân vật mà mình cho là gần gụi. Muốn nói hết thì chắc không ai làm nổi.

Thứ hai, vấn đề văn chương phổ cập hay không phổ cập. Giả sử anh Nhật Tiến viết một quyển truyện, nói đến thân phận, cảm nghĩ của người nông dân, chưa chắc nông dân đã đọc. Bởi vì họ đọc Thạch Sanh Lý Thông, họ nghe cải lương họ thấy gần gũi với họ hơn là đọc sách của Nhật Tiến. Nói như vậy không có nghĩa là mình không viết gì được, vẫn phải có một mẫu số chung.

NT: Điều đó tôi thấy rõ, nhưng tôi muốn thu hẹp phần đánh giá chia cái cuốn *"Mùa Biển Động"* ra làm nhiều tập, nhiều giai đoạn. 68 — 72 anh cho là tương đối ổn định tôi thấy sự ổn định đó cũng chỉ cái vỏ đúng cho một lớp nào đó thôi chứ không phải là một tình trạng bình yên thật sự như anh dùng chữ Âu ca cho thời kỳ đó. Tôi nghĩ chữ Âu ca này không thể áp dụng hết cho mọi giới. Ngay trong Saigon cũng

đã có những hoàn cảnh khác nhau quá cách biệt.

HKP: Tôi muốn trở lại câu hỏi của anh Nhật Tiến về vấn đề thưởng ngoạn văn chương. Tôi cho là nó còn bị chi phối bởi tình trạng dân trí. Vào năm anh Nhật Tiến viết quyển *Thềm Hoang* một năm chúng ta có thêm vài ngàn cô Tú, cậu Tú, nhưng đến năm 74, Tú Tài IBM đậu hơn 100,000 người. Trong một trăm ngàn này làm gì chẳng có thêm năm mười ngàn độc giả. Như thế sự thưởng ngoạn văn chương cũng còn do sự thông hiểu ngôn ngữ của độc giả.

NT: Nhiều khi tôi vẫn băn khoăn và chẳng tin vào văn chương. In một quyển sách ra cả năm bán vài ngàn cuốn, nhìn lại chỉ có một thiểu số trí thức để ý đến, còn đa số quần chúng 80o/o không đọc sách. Vậy nhà văn là cái gì trong cái tập thể đó? Như thế phải chăng tính chất của văn chương là tiêu biểu cho tinh hoa của cái dân tộc đó chăng chứ nó không tiêu biểu cho cả dân tộc đó?

NMG, HKP, NXH: Cái này lại lớn nữa.

ĐN: Tôi vẫn nghĩ ngay cả những người không đọc sách họ vẫn có thể bị văn chương tư tưởng chi phối. Thí dụ nếu không có Marx thì không có chủ nghĩa xã hội, anh có đọc Marx hay không cũng không quan hệ anh vẫn bị ảnh hưởng bởi Marx.

NXH: Tôi muốn trở lại ý kiến anh Nhật Tiến. Ý kiến rất hay, khi anh dựng một cuốn tiểu thuyết anh đâu có thể nào cùng một lúc dựng được cái thế giới của anh, đồng lúc với cái thế giới phức tạp xung quanh của những tầng lớp khác. May ra chỉ có cuốn *Chiến Tranh và Hòa Bình* của Tolstoi đã xây dựng được một tác phẩm lớn lao dường ấy. Chứ bình thường một quyển sách hai, ba trăm trang chứa vài ba nhân vật vẽ lại một tầng lớp con người nào đó trong xã hội là cùng.

Hồi còn sống có lần cha tôi đọc cuốn sách tôi viết. Đọc xong, ông cười vất trả lại và nói: "Mày viết lăng nhăng toàn mấy cái thằng bạn của mày không à? Sao mày không xuống Cầu Ông Lãnh, chợ Tân Định coi bao nhiêu điều ghê gớm xảy ra hàng ngày, mà mày viết cái gì đâu vậy?". Tôi hỏi lại ổng: "Thế theo ba viết như thế nào mới là văn chương?" Ổng trả lời: "Ít nhất như truyện Kiều ấy nó mới là văn chương, ai cũng hiểu được" Tôi nghĩ tôi đâu phải là Nguyễn Du thành ra ba tôi đòi hỏi một cái điều khó quá.

NT: Như vậy ông Hoàng tách nhà văn ra thành từng người một, không nói văn chương ngoại quốc, ngay trong văn chương Việt Nam. Ông thử gom tất cả từ 54 — 75, tất cả mọi nhà văn đã phục vụ được bao nhiêu cho độc giả? Chưa nói xé lẻ, kể cả mọi người cộng lại, nhà văn chúng ta được bao nhiêu phần trăm trong đám đông? Chúng ta có tiêu biểu không? Từ đó phải nhìn văn chương là sinh hoạt của một

thiểu số tinh hoa của dân tộc và người ta đánh giá dân tộc qua những sinh hoạt văn hóa của lớp tinh hoa tiêu biểu này?
ĐN: Nếu nói như vậy anh Nhật Tiến cho là văn chương không ảnh hưởng gì tới đời sống thì tôi không đồng ý. Dù quần chúng không đọc anh họ vẫn có thể biết đến anh, qua những mẩu tin trên báo, hay họ nghe người này, người kia họ biết rằng à ông Nhật Tiến là nhà văn, ông ấy mới viết quyển sách gì đó hay lắm.
NT: Tôi nghĩ không đọc thì không ảnh hưởng được, trừ khi có những tên nó là cán bộ của những điều ông viết, họ đọc xong và lùa mọi người ta đi. Cái đó thì Cộng Sản làm.
ĐN: Không nhất thiết phải là cán bộ, một người nào đó đã đọc anh và yêu mến anh. Thí dụ như tôi đã gặp một người không đọc anh nhưng họ nói với tôi là có người nói với họ là quyển *"Chim hót trong lồng"* của ông Nhật Tiến hay lắm. Như thế là họ có ấn tượng về ông Nhật Tiến ông viết hay lắm. Tôi vẫn nghĩ là có tầng lớp trung gian để ảnh hưởng.
NT: Thế là ông nhìn văn chương quá lạc quan và cho vai trò của nó quá lớn. Tôi thấy nó không lớn.
NMG: Tôi thấy anh Nhật Tiến mâu thuẫn, khi thì anh đặt quá nặng cái sứ mệnh của văn chương, bây giờ thì anh lại bi quan. Nếu nói về đám đông thì mình làm sao quan trọng bằng Hùng Cường, Chế Linh được.
NT: Tôi nói điều đó để đi đến cái kết luận: đồng ý văn chương có tác dụng, nhưng nó không có tác dụng trực tiếp vào xã hội.
ĐN: Tuy không trực tiếp nhưng có tác dụng
NT: Nó có tác dụng với một tầng lớp nào đó, và tầng lớp này tác dụng với quần chúng.
NXH: Theo tôi làm văn chương cũng như làm thợ mộc, thợ hồ, át xăm ly, tếch nich sân...Văn chương có tác động trên quần chúng và ngược lại.
HKP: Tôi bổ túc ý của Nguyễn Xuân Hoàng. Lấy quyển *Căn Lều của Chú Tom*. Quyển sách này là nguyên nhân gián tiếp gây nên trận chiến tranh Nam Bắc Mỹ. Quyển này đâu phải có ai cũng đọc được nó đâu, ngay cả số ấn loát cũng hạn hẹp, và ngay chính tác giả khi viết bà ta cũng không thể tưởng tượng ra cái ảnh hưởng ghê gớm trong chữ nghĩa của bà ta.
NT: Cái đó đúng, rất rõ.
NXH: Chúng ta chưa có tác phẩm cỡ đó, mặc dù cuộc chiến tranh của chúng ta lớn quá. Khi viết *Căn lều của chú Tom* có lẽ bà Harriet Beecher Stowe, không ngờ tác phẩm của mình tác động ghê gớm đến

thế! Tôi nghĩ vậy. Sau ngày mất Saigon, tôi nhớ có đọc ở đâu đó một bài viết của Nguyễn Đình Thi một nhà văn miền Bắc, ông viết đại khái trong 30 năm qua chúng ta (Hà Nội) không có tác phẩm lớn bởi vì nền văn chương ấy chỉ nói tới chiến thắng mà chưa dám nói tới sự thất bại. Bao lâu còn một nền văn chương như thế thì văn chương ấy có lẽ chỉ để dành cho nhi đồng mà thôi. Đại khái cái ý là như vậy. Nói theo kiểu Hoàng Khởi Phong thì văn chương Hà Nội chẳng qua chỉ là những tờ truyền đơn, bích chương được tiểu thuyết hóa. Nó không nói thật. Hay nói theo kiểu Hoàng Ngọc Hiến, một nhà phê bình văn học Hà Nội, nó chỉ là văn chương phải đạo. Còn chúng ta, chúng ta có đang theo một nền văn chương phải đạo hay không?

ĐN: Nói cho cùng thì sáng tác chẳng qua chỉ là một sự khắc khoải, nhưng sự khắc khoải này có tác dụng với đám đông, với quần chúng.

NT: Từ nẩy tới giờ các anh nêu tác phẩm cỡ *"Căn lều của chú Tom"* hay *"Bác sĩ Jhivago"*. Trở lại với Việt Nam, anh thử nêu một tác phẩm nào ảnh hưởng, tác động mạnh tới quần chúng.

HKP: Anh Hoàng có nói chúng ta chưa có tác phẩm lớn.

NXH: Chúng ta có Nguyễn Du và truyện *Kiều*.

NT: Nếu chúng ta chưa có tác phẩm lớn thì rõ ràng văn chương chỉ là chúng ta sinh hoạt với nhau thôi.

NMG: Cái đó cũng quá ép người sáng tác.

NT: (*cười lớn*)

NMG: Tác phẩm lớn hay không còn tùy sự may rủi của lịch sử cũng như cơ duyên của nhà văn. Tôi không nghĩ là đem những hoàn cảnh lịch sử và xã hội tương tự để đòi hỏi nhà văn có tác phẩm lớn. Thiên tài quả thật là những sự may rủi khó có thể giải thích được. Thí dụ như văn chương cận đại Nga, tự nhiên nẩy ra một loạt những nhà văn lớn, vĩ đại. Sau nầy không có và trước kia cũng không có. Không giải thích một cách đơn giản được.

NT: Thật ra nếu nói về về tác phẩm văn nghệ mà ảnh hưởng rõ nét nhất tôi nghĩ là có lẽ mình chỉ có nhạc của Trịnh Công Sơn, nó gây ra cái tâm lý phản chiến, còn tác phẩm văn, thơ của chúng ta nó chỉ bàng bạc thôi.

ĐN: Tôi cho là nhạc Trịnh Công Sơn chỉ có ảnh hưởng tới thời sự thôi.

NT: Không, nó đi thẳng vào đời sống chứ.

HKP: Tôi lại nghĩ cái đó do cái cách chọn lựa phương thức sáng tác, cái này tùy vào khả năng thiên phú của mỗi người. Riêng với nhạc Trịnh Công Sơn, tôi nghĩ có đi thẳng vào lòng người. Dường như

chúng ta đã đi xa quá.
NT: Hãy trở lại sách của anh Giác đi.

Bèo Giạt nhiều chất tiểu thuyết

ĐN: Theo tôi, cuốn *Bèo Giạt*, có nhiều tính chất tiểu thuyết nhất vì nó mang ít nét lịch sử. Có lẽ tại khoảng thời gian 68 — ít những biến động lớn, ngay cả chiến sự cũng im ả bớt đi, vả lại có lẽ có những điều anh Giác cũng như anh Nhật Tiến né bớt đi vì những lý do tế nhị như *"Con Tem"* chẳng hạn.
NT: (*cười*) Bị thấm đòn ba cuốn trước rồi.
HKP: Nếu viết mà cứ để ý đến "Con Tem" thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ có tác phẩm lớn.
NT: Nhưng đó là thực tế mình không chối cãi được
ĐN: Quyển *"Bèo Giạt"* theo tôi thành công trên phương diện tiểu thuyết.
NT: Như vậy là nó thua ba cuốn trước về phương diện vẽ lại cái bối cảnh xã hội và lịch sử. Bởi vì sự ổn định tạm bợ 68 — 72 đưa miền Nam đến sự băng hoại vì ổn định mới bắt đầu tham nhũng thối nát, mua quan bán tước...Rồi xì ke, ma túy. Tất cả những cái đó gián tiếp đưa tới 75. Nó không biến động chính trị ở mặt nổi, nhưng nó biến động xã hội ở chiều sâu. Nhìn dưới khía cạnh tiểu thuyết anh Giác đã tách cái xã hội tiểu thuyết của anh và xã hội thực tế bên ngoài bởi vì con người chỉ sống với suy tư thầm kín của mình, trong khi đó là thời kỳ biến động, biến động sâu của xã hội. Mọi tệ trạng đều cực đại ở thời điểm này, nhưng anh Giác chưa bật được ra hết.

Đó chính là khuyết điểm của cuốn *"Bèo Giạt"* nó chỉ vẽ lại được cái bề ngoài của xã hội, và vẽ thật rõ những xao động của mọi nhân vật chính, nhưng nó không đưa ra được cái biến động bề sâu của xã hội. Do đó tôi thích mấy cuốn kia, nó gắn bó với lịch sử, nó bừng bừng, cuốn này nó chìm chìm. Không biết ý của anh Giác thế nào?

Không thoải mái khi viết cái xấu

NMG: Có thể là do khả năng của từng người viết, tôi thú thật là tôi không thoải mái khi phải viết về những cái xấu xa, nhất là tả chân tôi chỉ lướt qua. Đó là khuyết điểm của tôi, tôi cho nhân vật của tôi nếu không đáng yêu thì cũng đáng thương chứ không đáng ghét, tôi không hận thù đến độ viết tàn nhẫn. Ngay cả những tay tham nhũng tôi cũng chỉ lướt qua cái tham nhũng chứ không khai thác. Tôi không có khả năng để viết rõ về cái bần tiện, bẩn thỉu, bỉ ổi của những tay tham nhũng này. Do đó tôi chỉ mô tả được biến động của xã hội trên

bề mặt.
NT: Không cần phải viết độc, nhưng có lẽ tại ông chọn bối cảnh chính là mấy tỉnh miền Trung nên sự thay đổi chiều sâu của xã hội ít lộ ra hơn thủ đô Saigon. Saigon nó biến động kinh khủng, nó gây nên sự sụp đổ của biết bao gia đình.
NMG: Nếu nói về biến động xã hội khi Mỹ vừa qua, thì miền Trung bi đát và đậm hơn nhiều.

Tha hương trong lòng quê hương

NT: Thôi anh Giác cho biết sơ qua nội dung cuốn tới để độc giả có thể được sửa soạn trước tâm lý đi vào cuốn kết thúc không?
NMG: Cuốn cuối viết về sụp đổ của VNCH. Nếu miền Nam đứng được năm năm nữa, qua vài nhân vật đã giới thiệu trong cuốn bốn. Lớp người đó mà nắm được quyền thì miền Nam chưa đến nỗi. Nhưng sụp đổ mau quá, những kẻ lãnh đạo làm hư đại cuộc, đã cao bay xa chạy, cái thành phần dính liền với đất nước cho tới phút chót thì chịu mọi cảnh lao tù, đổi đời. Thêm một điều quan trọng không biết tôi có viết nổi không là sự va chạm, tiếp xúc, đoàn tụ giữa Nam Bắc. Tâm tình của hai phe gặp nhau. Trong tâm trạng đó, những nhân vật chính còn lại ở miền Nam là thấy mình khiếp sợ, lạc lõng cái quê hương của chính mình. Đó là không khí của cuốn này và tôi cũng chưa dám đưa ra một lối kết nào hơn là thả lửng. Nhân vật chính chết ngay trên quê hương, chứ không đưa các nhân vật này ra hải ngoại bởi vì đời sống hải ngoại quá phức tạp và cũng chưa đi về đâu. Tôi thấy nhân vật chính phải chết trên quê hương của mình.
NT: Như vậy sẽ chấm dứt ở thời điểm nào?
NMG: Năm 1981
ĐN: Nếu anh cần kinh nghiệm về đoàn tụ Bắc Nam tôi giúp anh được bởi vì ông bố tôi, ông anh tôi ở Bắc vào.
HKP: Như vậy cuốn này ông viết cho giai đoạn 75 — 81, ông đặt tên là *"Tha Hương"* nhưng thật ra là "Tha hương ngay trong lòng quê hương" phải không. Quyển này như vậy sẽ có nhiều vấn đề lắm.

Nguyễn Xuân Hoàng
Tự Truyện Của Một Người Vô Tích Sự

Phần tôi xin được nói sau cùng bởi vì trước hết sách của tôi hiện chưa in xong. Có hai cuốn. Một là truyện dài *"Sa Mạc"* do nhà xuất bản Xuân Thu in, và hai là tập truyện *"Ngôi Nhà Ngói Đỏ"* hiện do nhà Văn Nghệ của ông Võ Thắng Tiết in.

Thoạt đầu, tôi định chọn tên của tập sách là *"Tự Truyện Của Một Người Vô Tích Sự"*. Nay theo đề nghị của ông Giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ sẽ lấy tên là *Ngôi Nhà Ngói Đỏ*. Đây là một cuốn sách gồm nhiều thể loại truyện ngắn, tùy bút, tạp ghi và có cả một bài thơ nữa, nhưng nội dung gởi gấm thì nó nằm tất cả trong cái truyện ngắn: *"Tự Truyện..."* này. Với truyện này tôi muốn đưa ra một cái nhìn về một khía cạnh trong sự sụp đổ hay xâu xé của đất nước chúng ta ngay trong một gia đình, giữa cha mẹ, anh em, con cái và anh em ruột thịt. Tình thương, thù hận chia cách, đoàn tụ..., quan niệm, cách xử lý sự kiện..., nói chung là nó tan nát ngay từ trong một gia đình, một tế bào nhỏ nhất của xã hội.

Từ cái tự truyện này, có lúc tôi cũng nghĩ thảm cảnh đất nước phải được viết một bộ truyện dài như anh Giác mới chuyên chở hết. Nhưng trong khả năng và hoàn cảnh hiện tại của tôi, tôi chưa làm được. Vả lại nhiều lúc tôi cũng có suy nghĩ là làm thế nào trong một số chữ giới hạn mình có thể nói lên điều đó? Tôi thử. Trong cuốn sách này ngoài "Tự truyện..." ra, tôi viết về những vùng đất ở quê nhà như Nha Trang, Đà Lạt, Huế...hoặc xứ người (như Springfield, Virginia, Hoa Thịnh Đốn, Cali...) về con người (Bình Nguyên Lộc, Vũ Khắc Khoan). Nhân đây xin nhắc lại lúc nảy mình bàn thêm về cái ý là truyện có được người đọc không? Ngay trong rừng U Minh, một cái anh chẳng có dính dự gì tới văn chương đã nói về Bình Nguyên Lộc qua truyện *Rừng Mắm* sâu sắc như thế nào? Điều đó cho thấy phát biểu của Định Nguyên, Hoàng Khởi Phong là đúng: Có những người đọc âm thầm nếu tác phẩm ấy đụng được trái tim họ.

Về những tên sách của Nguyễn Xuân Hoàng

NMG: Câu hỏi đầu tiên của tôi về cách đặt nhan đề các truyện của anh Hoàng phần nhiều có tính tự đồng hoá mình hay "giả vờ" tự đồng hóa mình là *"Kẻ Tà Đạo"* là *"Người Đi Trên Mây"* là *"Một người vô tích sự"* những cái đó anh định nói gì? Cho đọc giả biết cái gì?

NXH: Đương nhiên chọn tựa sách là hoàn toàn cố ý. Khi tôi để cho nhân vật chính ở *"ngôi thứ nhất, số ít"*, tôi muốn trình bày với người đọc điều này: Cái tôi của nhà văn không có gì ghê gớm cả. Đó chỉ là một con người tầm thường, bình thường như mọi sự bình thường tầm thường khác. Chẳng hạn khi tôi dùng chữ "Tà Đạo" không có nghĩa là tôi nói tên đó đi đường sai, mà chữ "Tà Đạo" tôi dùng có nghĩa là còn đường hắn ta đi có thể khác với con đường mọi người đi, do đó dưới mắt người khác nó bị coi là Tà, nhưng chính hắn, hắn thấy là đúng, không tà một chút nào cả. *"Người đi trên mây"*, lấy lý luận

mà nói: Nếu anh đi trên mây mà anh biết là anh đi trên mây thì chính anh không phải là người đi trên mây, và như vậy khi anh nói anh "vô tích sự", trong một đám đông, trải qua một giai đoạn lịch sử nào đó, anh cũng như đám đông, không làm được gì cả thì đó cũng chỉ là "đám đông vô tích sự". Và như thế tôi không thể nói ông A, ông B, ông C nên tôi dùng chữ tôi, chứ tôi đây không phải là chính tôi (mặc dù tôi có dự phần vào đó), mà là có những người như tôi trong đám đông ấy, tất nhiên là có cả tôi.

Vả lại, do *khả năng sống*, tôi chỉ có thể viết về một số người nào đó mà tôi có mặt trong lớp người đó. Tôi miêu tả, thuật lại, kể lể và phê phán những người đó trong đó có tôi, chớ tôi không nghĩ rằng mình đại diện hay nhân danh cho một số người nào đó.

Cái kinh nghiệm mà anh Hoàng Khởi Phong, Định Nguyên có trong chiến đấu gian khổ kề cận cái chết, tôi không có. Tôi nghĩ sống và viết không thể tách rời ra được. Người ta chỉ viết những gì người ta sống, nếu không, nó "sương" lắm.

NT: Tôi không nghĩ cái này là tiểu thuyết. Nó thiếu một cái không khí của truyện, nó thiếu hơi thở, nó phải có thiên nhiên, tâm tình của mọi nhân vật. Tôi vẫn thích Barbara hơn. Cái này nó quá chặt. Tôi nhắc lại: chưa kịp xúc động vì biến cố ghê gớm này, đã bị dẫn đến một biến cố khác cũng ghê gớm tương tự.

HKP: Tôi thấy khác, nó đầy xúc động đến độ nghẹt thở vì những chất sống trong này. Từ lúc mở đầu truyện đến câu kết Nguyễn Xuân Hoàng viết "Mãi tới bây giờ tôi mới thấy tôi gần già bằng hồi đó". Bây giờ là lúc tác giả 50 tuổi và hồi ấy là lúc hơn 10 tuổi. Bây giờ là một người lưu vong thuê nhà ở gần công viên và ra dạo chơi ở công viên, còn hồi ấy là chạy loạn ở giữa rừng với ông bố giang hồ, lãnh đạm. Cái khoảng gần 40 năm đó trải ra biết bao biến cố nội trong một mái nhà giữa các anh em, cũng như xã hội tác động đến, chiến tranh đè xuống. Bao biến cố của đời, bao thảm cảnh của người dồn lại trong 10 trang này thì hiển nhiên là con người thở gấp đến độ ngộp thở. Khi tôi đọc đến chữ cuối cùng, cái đầu tôi quay trở ngược lại ngay và những hình ảnh, nhân vật như muốn hiển hiện trước mắt và tự hỏi: "Làm thế nào mà phải hơn bốn mươi năm sau, bao biến cố mới có thể già bằng hồi đó, cái hồi hơn 10 tuổi đó?" Cái đó nó kinh hoàng. Cho nên với tôi kỹ thuật truyện này thật cao, và truyện này chính là cái muốn thay đổi của Nguyễn Xuân Hoàng trong văn chương, và chữ nghĩa.

Có cá tính, cô đọng, súc tích, già dặn

NT: Lấy cái truyện tiêu biểu anh vừa đề cập đến, kể từ một ông bố

giang hồ năm châu bốn biển, những sự pha trộn chủng tộc Anh, Tàu, Pháp, Việt đó cho tới lúc ở công viên "Mile Square Park" ở Mỹ đó. Trong khoảng thời gian đó nó chứa đựng quá nhiều biến cố, và những nhân vật trong này quá sắc nét, tuy rằng chỉ một hai giòng thôi nhưng tôi có thể hình dung đâu ra đó, có cá tính, hình ảnh rất cô đọng. Nhưng mà tôi có cảm tưởng đây là bản tóm tắt của một truyện dài, đầy những biến cố trong đó hơn là một truyện ngắn. Nếu như chất liệu này mà viết hẳn một quyển truyện dài như của anh Giác tôi cho là sẽ hay, và nhiều thú vị, nhưng vì nó cô đọng, súc tích quá, tất nhiên là với bút pháp quá già dặn, súc tích vậy, cô đọng vậy mà vẫn đủ, nó quá chắc nên tôi vẫn cảm thấy đây là bản tóm lược của một cuốn truyện dài hơn là một truyện ngắn. Anh có thể giải thích thêm cho độc giả điểm này không? Có lẽ tôi thèm đọc nên tôi nghĩ nếu dãn cái này ra sẽ là một truyện dài rất hay. Vì nó quá cô đọng nên không thỏa mãn, những chi tiết kinh hoàng chỉ được thoáng qua. Nó không thỏa mãn như truyện dài, nhưng nó rõ là không có tính chất của truyện ngắn. NXH: Thật ra gần giống với nhận xét của anh Nhật Tiến, anh Hoàng Khởi Phong có lần nói với tôi khi đọc bản thảo *Tự Truyện*..., là nếu anh tóm tắt lại cái truyện này cho bài viết của anh cho người đọc hiểu đủ chi tiết thì có lẽ cái tóm tắt của anh sẽ dài hơn nguyên bản. Trong thâm tâm tôi khi viết tự truyện này tôi không nghĩ đến khai thác thành một truyện dài, nhưng khi tôi viết xong, tôi cũng có thoáng ý nghĩ là nếu có thể được và có thời gian tôi sẽ viết một truyện dài. Tuy nhiên suy nghĩ đó chỉ có sau khi tôi đã viết, chứ trước đó tôi chưa hề nghĩ. ĐN: Tôi có ý kiến về truyện của anh Hoàng, tôi đọc kỹ và trước hết tôi không coi đây là truyện ngắn của Nguyễn Xuân Hoàng. Tôi coi đó là một truyện kể bởi vì tôi quan niệm truyện ngắn và truyện kể khác nhau. Và đây là một truyện kể tuyệt vời. Khác hẳn với những truyện của Nguyễn Xuân Hoàng trước đây. Đối với tôi đó là một điều ngạc nhiên, bởi vì tôi đọc Nguyễn Xuân Hoàng nhiều lắm từ *"Khu Rừng Hực Lửa"* đến *"Kẻ Tà Đạo"*, *"Người Đi Trên Mây"* và bây giờ là tập này.

Từ *"Khu Rừng Hực Lửa"*, đến *"Tự Truyện..."* này Nguyễn Xuân Hoàng đã đi hẳn một hướng khác. Đây là truyện kể tuyệt vời, về mọi phương diện: bút pháp, nhân vật...lại nhiều chất văn chương và có những cái lạnh lùng, tàn bạo. Cái này khác hẳn những nhân vật của Nguyễn Xuân Hoàng trước đây. Tôi thích bởi vì trước đây những nhân vật của Nguyễn Xuân Hoàng đôi khi có hơi làm dáng. Truyện này thì nhân vật đâu ra đấy, rất người. *Tự Truyện Của Một Người Vô Tích Sự* là một thành công lớn của Nguyễn Xuân Hoàng. Và tôi cũng

đồng ý với anh Nhật Tiến nếu truyện này được viết như một truyện kể dài hơi thì tới hơn nữa, giữ nó ở dạng truyện ngắn thì uổng. Đây phải là truyện dài.

HKP: Tôi có ý kiến khác. Đầu tiên đọc xong, tôi thấy tôi gặp một Nguyễn Xuân Hoàng khác, những nhân vật cũ chỉ là những nét mờ nhạt, riêng về truyện này, mỗi nhân vật chỉ được tả có vài ba giòng thôi, nhưng mà nó rõ đến độ ta có thể sờ được, hình dung ra trước mặt được. Về kỹ thuật thì Nguyễn Xuân Hoàng đi một bước thật là xa, chỉ trong mười trang giấy, Nguyễn Xuân Hoàng đưa ra bảy, tám nhân vật mà không một người nào bị lẫn vào nhau, tách bạch hẳn ra, rồi trộn lẫn với bao nghịch cảnh. Thật là khó có thể chuyên chở bấy nhiêu điều vào trong chừng ấy trang giấy.

Barbara xúc động hơn

NT: Tôi nghĩ mình phải bàn sâu về tập truyện nầy. Nói về sự xúc động thì tôi thấy truyện Barbara tôi xúc động hơn. Tại sao? Vì nó có nhiều chi tiết, đủ thời gian để độc giả ngấm và xúc động thực với những kỷ niệm với cô người yêu về sau lấy tên là Barbara. Nó xúc động vì có yếu tố thời gian dẫn dắt người đọc cộng với không khí bên ngoài anh tạo ra, những kỷ niệm cũ...Còn đây nó cô đọng quá, chi tiết này dồn chi tiết khác, chưa kịp xúc động đã qua chi tiết khác. Đó chỉ là sự kiện thôi, mà nói về sự kiện thì ở Việt Nam có biết bao sự kiện còn kinh hoàng hơn thế. Do đó tôi không thấy xúc động trong truyện này. Tôi vẫn thấy cần phải có những tình tiết phụ lực xung quanh. Do nó quá cô đọng nên nó mất tính tiểu thuyết. Một hai nét khắc tạo một nhân vật thì nó có thừa kỹ thuật, nhưng vẫn thiếu cái nội dung, có lẽ nói cho đúng thì anh xiết chặt quá chăng?

NMG: Cái khác của Nguyễn Xuân Hoàng ở đây và những truyện trước, cái mà Định Nguyên dùng chữ làm dáng tôi cho nó không chính xác. Tôi muốn hỏi thêm anh Hoàng là: Thường thường Nguyễn Xuân Hoàng dựng nên những nhân vật trí thức, và trong đối thoại từ *"Kẻ Tà Đạo"* viết ở Saigon đến bây giờ, của *Sa Mạc*, Nguyễn Xuân Hoàng hay cho ngay vấn đề thời sự của cái lúc đang viết vào trong truyện của anh, nó nóng hổi hàng ngày, đến nỗi quá nhiều, khiến độc giả có thấy những vấn đề thời sự liên quan tới nhận vật hiển lộ rõ ràng quá và nhiều tính chất địa phương của sự kiện, nên độc giả ở nơi khác thường không hiểu và bị hụt. Cái khuynh hướng bung ra với những vấn đề thời sự này ngay như trong truyện này, từ những gốc rễ của nhân vật mang hai, ba giòng máu lai Anh, Tầu v.v...anh có thể giải thích cho độc giả biết thêm không?

NXH: Có lẽ tôi sẽ không giải thích trực tiếp vấn đề anh Giác vừa nêu lên. Tôi muốn nói thế này: Khi tôi viết một truyện, tôi móc từ một sự kiện có thật ngoài đời, và tôi cho tính thời sự không phải là điểm chính, nhưng nó là cái thực của đời sống và hơi thở của tác phẩm. Vấn đề là làm thế nào để đưa những cái thực của đời sống vào văn chương, vào tiểu thuyết một cách nhuần nhuyễn. Nếu chưa làm được là lỗi ở tôi, chứ không phải cái đó là một quan niệm riêng gì. Rộng ra nữa, tôi muốn thế này: *Không có một thứ văn chương nào bắt đầu bằng hư vô*. Thực sự đời sống còn phong phú hơn *tưởng tượng* của *nhà văn* nhiều.

Nguyễn Xuân Hoàng "tây" quá

NMG: Nguyễn Xuân Hoàng nghĩ sao và trả lời như thế nào khi Nguyễn Bá Trạc và Vũ Huy Quang nói đùa là Nguyễn Xuân Hoàng tây quá.

NXH: Vẫn là câu trả lời cũ. Có lẽ tôi thiếu khả năng ngôn ngữ hoặc kỹ thuật chưa nhuyễn trong việc xây dựng nhân vật, bố cục của mình. Không phải vì mình Tây đâu, mà là vì mình chưa làm bật đủ tính Việt Nam ra thôi.

HKP: Các anh chơi chữ nhiều rồi đó.

NXH: Quan trọng là người đọc. Họ thẩm định cái gì, điều gì qua tác phẩm của nhà văn. Nếu họ chưa cảm nhận được điều nhà văn muốn nói, đó là lỗi của nhà văn.

ĐN: Tôi cho là qua những tác phẩm cũ của Nguyễn Xuân Hoàng thì nhận xét của Nguyễn Bá Trạc và Vũ Huy Quang có phần nào đúng. Nhân vật cũ của Nguyễn Xuân Hoàng quả là có hơi Tây một chút. Truyện này thì khác hẳn nó là một hướng mới, thật mới.

NMG: Còn một câu hỏi tại sao nữa (*Mọi người cười*). Điều này có từ những quyển cũ và vẫn còn trong tập truyện này: Đó là Nguyễn Xuân Hoàng rất bi quan khi viết về hạnh phúc gia đình khi mô tả tuổi ấu thơ, bất cứ truyện nào cũng vậy vẫn có cái dáng của sự tàn nhẫn, lạnh lẽo, đổ vỡ. Dường như nó ám ảnh thường trực suốt một giai đoạn viết văn của Nguyễn Xuân Hoàng.

NXH: Câu hỏi của anh Giác tôi xin trả lời thẳng là đúng. Cái đó hoàn toàn đúng.

ĐN: Có lẽ cái tuổi ấu thơ nó tác động mạnh trên mọi người cầm bút. Như tôi chẳng hạn tôi đề cập tới tuổi thơ của tôi thì cũng đầy bất hạnh.

Người thật hay tiểu thuyết

NT: Đọc xong cái tự truyện của Nguyễn Xuân Hoàng tôi chú ý nhất

tới một chi tiết mà tôi giật mình. Đó là chi tiết ông anh đi thăm em ở trại học tập cải tạo về thì bắn vào họng tự tử. Mà ông anh lớn này lại là một nhân vật giang hồ, cách mạng. Tôi tự hỏi:

Động lực nào đưa đến cho ông anh hành vi tự sát.

Chi tiết đó được tiểu thuyết hóa hay một chi tiết có thật? (*Nhiều người cười*)

NXH: Anh Nhật Tiến hỏi thế này thì tôi thua.

NMG: Tôi thấy anh Nhật Tiến đặt câu hỏi hay bị ám ảnh bởi nhu cầu chính trị. Tôi nghĩ anh hỏi nhiều câu khó quá (*Tất cả đều cười*)

NXH: Cả năm người chúng ta đều cầm bút, câu hỏi của anh Tiến khó trả lời vì đáng lẽ nó không phải do một người trong chúng ta hỏi thì đúng hơn. Cái khó ở chỗ đó. Tôi bị nhiều người hỏi tôi về cuốn *Người Đi Trên Mây*: Ông Phan này là cha nào vậy? Phải ông Phan Huy Quát không? Hay là Nguyễn Văn Thiệu? Tôi sẽ trả lời anh Tiến về vụ ông anh tự sát khi đi thăm em về...

NT: Không, ông để tôi giải thích thêm: Sở dĩ tôi nêu câu hỏi đó ở đây vì nó là "tự truyện", còn những truyện khác tôi cho nó là hư cấu. Nhưng cái không khí của truyện này nó mang đến những dấu tích của quê hương có thật, tôi hiểu nó là truyện, nó là tiểu thuyết, nhưng nó có quá nhiều điều thực đã xảy ra. Đối với tôi chi tiết một người thăm trại học tập cải tạo về và tự tử nó vô cùng quan trọng đối với tôi. Từ đó nó mở ra nhiều thắc mắc khác, những nghi vấn khác của quê hương mình. Bởi một nửa nước bên kia theo Cộng Sản và họ đã đấu tranh, gian khổ bao nhiêu năm như nhân vật của Nguyễn Xuân Hoàng, đưa đến hành động đó với tôi nó vô cùng quan trọng, nó có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi vì như các anh nói tôi vẫn bị ám ảnh bởi chính trị, nó là một cái chìa khóa cho những biến động sắp tới của đấu tranh chính trị với Cộng Sản.

NMG: Anh nghĩ bọn nhà văn mình nắm được chìa khóa à? (*cả bọn cười*)

NT: Dù gì thì nó cũng là sự thực và nó là cái chìa khóa, ai sử dụng chìa khóa thì chưa biết nhưng nó là cái chìa khóa để mở cái cánh cửa tranh chấp hiện tại cũng như tương lai.

NXH: Với tư cách người sáng tạo ra nhân vật đó, tôi cho ông ta không thể sống bởi vì nhân vật đó cứng rắn quá mạnh bạo quá. Anh ta nghĩ rằng tranh đấu cho một xã hội tốt đẹp hơn nhưng anh thấy gì khi mà anh đã đạt đến mục đích đó. Gia đình tan nát, em thì đưa bỏ đi, đưa tù tội. Gần mười năm sau, những người ruột thịt kẻ bỏ đi, người chết trong lao tù. Và bên ngoài là một xã hội mục rã. Tất cả sống không còn, ông ta chỉ còn cái chết.

NT: Trong kinh nghiệm đời sống thực tế cũng như tiểu thuyết tôi thấy dẫn đến cái chết đó là vô lý. Có hai điểm. Nếu con người đó là con người giang hồ, đội trời đạp đất có bản lĩnh, họ sẽ phản ứng khác chứ không tự tử, nó chưa phải bế tắc. Vì truyện ngắn không đủ dài nên chưa thấy sự bế tắc. Thành ra một anh yếu đuối thì có thể tự tử, nhưng anh có bản lĩnh thì sẽ đi theo ông Năm Tỏa (Năm Tỏa là nhân vật của *Mồ Hôi Của Đá* truyện của Nhật Tiến) - (*Mọi người cười*)

Thứ hai, thấy bị phản bội khi chỉ đi thăm cải tạo thôi thì chưa đủ, nhiều khi trên thực tế người được đào luyện trong chế độ Cộng Sản họ luôn nghĩ là học tập cải tạo là đúng. Nó không đủ yếu tố để độc giả thấy bị phản bội.

Đó cũng là lý do tôi thấy nó quá cô đọng khiến độc giả không bắt được ý của cái truyện.

NMG: Tôi không đồng ý với anh Nhật Tiến về việc này. Một là người ta không phải lúc nào cũng hành động theo luận lý cả. Có những quyết định lớn được suy nghĩ chỉ trong một chớp mắt, nó không luận lý, không hợp lý. Ngay cả những quyết định nó thay đổi cả cuộc đời mình và thân nhân, như vượt biên chẳng hạn, khi quyết định đó tôi thấy nhẹ nhàng như quyết định mua món hàng chứ không trằn trọc, xoay trở, và sau đó những hoàn cảnh xảy ra, bị lừa đảo, bị bắt giữ, nhưng không làm thay đổi được ý nghĩ ban đầu, nó chỉ làm mạnh hơn. Cho nên hành động theo luận lý để dẫn cho hợp lý thì chính nó lại không hợp lý. Hành động tự vận nó xảy ra cũng như vậy, nó có vẻ vô lý nhưng lại hợp lý. Còn nếu kịp thời suy nghĩ thì tôi e rằng con số tự tử thấp lắm, thấp hơn thực tế nhiều.

NT: Tôi cho quan niệm đó chỉ đúng với tuổi trẻ, còn những người lăn lội, đào luyện trong môi trường Cộng Sản thì khác.

HKP: Riêng tôi, tôi chấp nhận cho nhân vật đó tự tử, nó có lý do của nó, bởi vì những con người như vậy, một khi phát hiện được sự đóng góp của họ là đóng góp cho mức độ kinh hoàng đó, cho sự phi nhân ghê khiếp nhất, họ có tinh thần tự trách mạnh lắm, khó tưởng tượng được. Nhưng đồng thời tôi cũng thấy anh Nhật Tiến có lý khi đòi hỏi có thêm vài chi tiết phụ thuộc nữa, đẩy cho việc tự tử có những lý do xác đáng hơn, cho rõ hơn thì độc giả sẽ bắt được dễ dàng hơn.

NT: Nhưng tôi vẫn thấy nó tiểu thuyết quá, thực tế khó xảy ra vì con người Cộng Sản nó tôi luyện kinh lắm, ngoài mức suy nghĩ bình thường của mình. Cái nhân vật này phản ứng nhiều tính chất tiểu tư sản hơn là Cộng Sản bởi nó nhiều cảm ứng.

NMG: Nảy giờ anh Nhật Tiến hay nhắc đến chữ tiểu tư sản, điểm này tôi cũng lại không đồng ý. Tôi nghĩ anh Nhật Tiến nhắc đến giai cấp

này giống như một lớp người thiếu thực tế.

NT: Không! Không! Tôi nhắc đến những người tiểu tư sản với ý nghĩ của một tầng lớp người giàu tình cảm và chịu ảnh hưởng của văn chương, có những mơ ước cao hơn đám đông bên ngoài và có thể có những cái nhìn xa hơn quần chúng hay đôi khi sống một cái thế giới không hiện thực. Đó là con người tiểu tư sản để so sánh với con người Cộng Sản là những con người không bao giờ xa thực tế, và luôn gắn chặt với lý luận, nó lạnh lùng, khô khan. Khi một người tiểu tư sản vào thăm ông em ra về, tâm tình nó khác. Thí dụ một người xuất thân tiểu tư sản ở ngoài Bắc, kẹt lại ở ngoài Bắc nhưng không bị lôi cuốn bởi cái giòng sống ngoài Bắc, không dính dự gì đến đảng, chính quyền, họ là tiểu tư sản thuần túy, nhưng sinh sống tại miền Bắc khi ông đó đến thăm trại cải tạo về ông thấy bất mãn và có thể đưa đến chỗ tự tử. Nhưng cái anh đã sống trong chế độ Cộng Sản được đào luyện và trưởng thành trong sắt máu, anh ta sẽ không làm cái vụ tự tử đó. Đó là ý nghĩ về tiểu tư sản của tôi nằm trong cái ý nghĩ đó, chứ không phải như ý anh Giác hiểu.

ĐN: Tôi có ý kiến về vụ ông anh cả tự tử trong truyện ngắn của anh Nguyễn Xuân Hoàng. Tôi đưa ra hai điểm

1/ Về kỹ thuật văn chương thì hay, nó hay vì nó đột ngột đưa súng bắn vào đầu, chẳng có lý do giải thích gì cả. Kỹ thuật đó tôi cho là đạt, chứ còn đưa ra cả chục lý do thì nó không còn là truyện ngắn nữa. Để đọc giả tự hiểu lấy.

2/ Nói về việc tự tử không mà thôi, nó do cảm tính của mỗi con người. Ai cũng thèm sống hết, tôi thí dụ bằng bản thân tôi. Lúc tôi bị giam giữ lâu quá, bệnh tật, ghẻ lở sống không được, chết cũng chẳng xong, rõ ràng chết là sự giải thoát thế mà tôi sợ không dám nghĩ tới nó, không có can đảm để tự tử, và cũng không biết lấy gì để tự tử. Nhưng mỗi khi lên giường tôi đều mơ ước sáng mai không trở dậy. Tôi thèm chết, nhưng rõ ràng không dám tự tử. Do đó nó không có lý luận gì về vụ này.

HKP: Tôi bổ túc ý của Định Nguyên. Trong quyển *Ngày N+*...tôi có đề cập tới vụ này. Súng ống đầy quanh người nhưng tôi biết chắc tử suy nghĩ đến khi đưa súng vào màng tang bóp cò nó khó lắm. Tôi cũng biết bị bắt có khi còn tệ hơn chết, nên tôi dự định sẽ ép những kẻ đến bắt tôi khai hỏa. Điều này dễ, cũng là cái chết đó thôi. Nhưng ép cho địch bắn mình dễ hơn là đưa súng vào đầu mình bóp cò. Cái đó có lý luận về sống chết nhưng mà lý luận nửa vời, cái đó là tính toán cách chết chứ không phải lý luận với cái chết.

NT: Tôi đưa thắc mắc đó vì qua truyện ngắn này nó như vẽ lại cái

thảm cảnh của quê hương, mỗi nhân vật như đại diện cho một lớp người, người con cả chính là tiêu biểu cho lớp người đi theo cách mạng, rõ hơn là đi theo Cộng Sản, đào tạo trong đấu tranh, nó khác lớp người khác với lớp người của chúng ta. Ngay cả cô Thảo, phần số đặc biệt của cô ta, tuy riêng rẽ nhưng nó vẫn là một nét rõ của những người thiệt thòi trong chiến tranh. Nhưng tôi vẫn nhìn mỗi nhận vật đại biểu cho một lớp người trong giai đoạn lịch sử vừa qua và do đó tôi vẫn đòi hỏi giải thích. Nếu đây là hồi ký riêng của Nguyễn Xuân Hoàng thì không nói làm gì. Nhưng đây nó là truyện, văn chương do đó nhải giải thích

NXH: (*Cười*) Tôi thấy anh Nhật Tiến đòi hỏi ở văn chương quá nhiều.

ĐN: Tôi thấy anh Nhật Tiến bị ám ảnh quá nặng về nhu cầu chính trị, anh viết tiểu thuyết luận đề nên anh đòi hỏi luận lý.

NT: Nếu bây giờ giả sử mình đang sống ở miền Bắc nghe một ông cách mạng kiểu Cộng Sản đi thăm em ở trại học tập về mà tự tử. Cái đó rúng động chứ đâu có dỡn. Đó là biến cố chấn động vì nó tiêu biểu cho hoàn cảnh của nhiều gia đình y như vậy. Nó là một chi tiết thật quan trọng với tôi.

NMG: Riêng tôi, tôi thấy ai bỏ lên vai tôi nhiều trách nhiệm là tôi ớn (*Mọi người đều cười*)

NXH: Tôi muốn trở lại vấn đề này, đó là một truyện kể như anh Định Nguyên nghĩ cũng được, một truyện ngắn cũng được, một tùy bút cũng chả sao. Và là gì thì sự thật của nó không phải là 100o/o. Phần anh Nhật Tiến anh muốn đem một sự thật của tiểu thuyết đặt vào một sự thực đời sống để giải thích một sự thật lịch sử, chính trị. Điều đó theo tôi bất khả.

NT: Cái đó đúng là ý tôi muốn nói (*nhiều tiếng cười ha hả*)

NXH: Tôi không làm cái công việc đó.

NMG: Tôi vẫn thấy đặt văn chương lên trên hay ra ngoài chính trị thì nó có vẻ đơn giản quá. Nhưng tôi vẫn thấy nhiệm vụ văn chương nó có gì khác, mình nói cao xa thì các giới khác họ không bằng lòng.

NT: Đúng văn chương nó có tầm vóc của nó, vả lại nó tùy giai đoạn, như giai đoạn này văn chương phải gắn bó với chính trị.

ĐN: Tôi quan niệm đối tượng của văn chương là con người, do đó nó phục vụ con người, chứ không phải xã hội hay chính trị...

NT: Tôi kết luận một câu như thế nầy: Bề gì tiểu thuyết có đứng trong hay ngoài xã hội thì cũng phải phản ảnh phần nào thời đại, cũng như xã hội, cũng như thực tế. Mà trong thực tế chuyện tự tử "kém" (*cả làng cười*)

NXH: Văn học nghệ thuật có phản ảnh thời đại của nó. Đúng. Nhưng vấn đề chọn cái chết trong đời sống hoặc trong tiểu thuyết là một vấn đề khác. Có dịp chúng ta sẽ bàn rộng chuyện này chăng?
Hoàng Khởi Phong ghi

THÔNG BÁO CỦA UCI LIBRARY VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE

Sau một thời gian chuẩn vị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này . Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo .

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hằng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm .

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN/ĐNA, xin liên lạc với:

Anna Frank
UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive
The University Library
PO Box 19557
Irvine, California, 92713

GỬI BẰNG HỮU MIỀN ĐÔNG

Nguyễn Mạnh Trinh

gửi Bùi Bảo Trúc

gửi cho tôi, gửi một trời tuyết trắng
để nhớ tôi thành kè đá đóng băng
hàng cây phong có còn phơi sáng nắng
hay rủ tôi về thơm ngõ hoàng lan
gửi cho tôi, gửi canh khuya lộng gió
chuyện văn chuyện võ hết cả đêm thâu
bếp sưởi than hồng ấm lòng tương ngộ
yêu thơ yêu hoa nào hiểu vì sao?
gửi cho tôi, gửi những giờ thư viện
chữ in ngát hương còn dấu biển trời
trang sách giở ra mộng mơ vừa hiện
chỗ này, người xưa ghế cả đã ngồi
gửi cho tôi, gửi theo dòng sông rộng
lòng đã hoàng hôn nên chiều lênh đênh
ở lúc bỗng nhiên tấm lòng bỏ trống
tâm tư xuôi trôi chảy mấy thác ghềnh?
gửi cho tôi, gửi cánh diều đang thả
cho hoa niên vào vô tận thiết tha
đời cứ thong dong việc gì vội vã
có phải miền đông gần với quê nhà?
và hãy để tôi lười ngày chủ nhật
nằm nướng trên giường gọi bạn phương xa
có một lúc đất trời sao cũng chật
nguồn nước nào không cửa biển ghé qua?

Mùa Lụt Ở Thủ Thừa, 1980

gửi Phan Ni Tấn

Sáng nước đổ nguồn như biển máu
trôi theo uất hận với gieo neo
đất váng chua phèn thân ở đậu
nhớ ơi, mộng cũ có còn treo?
Mùa lụt không gian lênh láng nước
rễ tràm củi ướt khói mênh mang
sầu tôi đã sẵn trong xuôi ngược
những tiếng than van đã ngút ngàn
muốn nhắc cô em đi ngang bến
hãy diện giùm tôi chiếc áo hồng
lỡ mai tình có còn hò hẹn
cũng làm ấm được chút lòng không.
ngồi nhìn mưa giọt đời thu hẹp
thời thế đẩy ta đến chốn này
từ khi súng gẫy đành tội nghiệp
thủy tận sơn cùng chiếc lá bay
mai mốt mang cây đàn phủ bụi
tình tang xừ líu bản sang sông
để con chim lạc bay về núi
lục huyền òa vỡ giữa mênh mông
Ơi tiếng gọi đó sao buồn quá.
mù gió hanh buồn buổi ngút sương
vỗ về ấm lạnh trên mái rạ
dòng kinh sao tưởng lạc đường truông?

NGHĨ VỀ THƠ

Cảnh trong thơ và màu sắc trong cảnh.

Nguyễn Hưng Quốc

Khen *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là *'lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu'* như ai đó, có lẽ chỉ là cách nói hơi hơi cường điệu. Thật ra, trong Truyện Kiều, đứng về phương diện văn chương thuần túy, không phải lúc nào, ở đâu, cũng là châu ngọc và hoa gấm. Bình tâm mà xét, hẳn người ta sẽ công nhận, trong *Truyện Kiều*, có những câu thơ tuyệt hay, có những câu thơ hay, có những câu thơ bình thường và thậm chí, thỉnh thoảng, có cả những câu thơ khá dở.

Dở chủ yếu là vì tính chất công thức trong miêu tả. Thúy Vân: *'Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang'*. Thúy Kiều: *'Làn thu thủy, nét xuân sơn'*. Những câu thơ rất ít sức gợi. Bình thường, ai làm cũng được, là những câu thơ nghị luận suông, chay tịnh, trần trụi: *'Ngẫm hay muôn sự tại trời. Trời kia đã bắt làm người có thân'*... Hay, là những câu thơ tả hành động, sự việc lúc Kiều phải bán mình, lúc Kiều ở lầu xanh, lúc Kiều bị Hoạn Thư hành hạ... Và tuyệt hay, không ai sánh nổi, là những câu thơ tả tình của Nguyễn Du, đặc biệt khi những tình cảm ấy được gửi gấm vào trong những cảnh sắc giàu có của thiên nhiên. Khi Kiều gặp gỡ Kim Trọng: *'Dưới cầu nước chảy trong veo'*... Khi Kiều bị Mã Giám Sinh dẫn đi: *'Dặm khuya ngất tạnh mù khơi'*... Khi Kiều ở lầu xanh: *'Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng'*... Khi Kiều giã biệt Thúc Sinh: *'Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san'*...

Một điều cần nhấn mạnh: trong *Truyện Kiều*, những câu tuyệt hay nhiều hơn những câu hay; những câu hay nhiều hơn những câu

bình thường và những câu bình thường nhiều hơn những câu dở. Do đó, tuy bị một vài nét chênh vênh, khuôn sáo, nhìn chung, *Truyện Kiều* vẫn là một tác phẩm toàn bích, một áng 'thiên cổ kỳ văn' của đất nước.

Tôi không định phê bình *Truyện Kiều*. Tôi chỉ muốn, từ *Truyện Kiều*, rút ra một số kinh nghiệm cần thiết cho việc làm thơ. Một: thơ là để ký thác tâm tình. Triết lý, nếu có, phải được hoà tan trong cái tâm tình ấy. Hai: những tâm tình được ký thác trong thơ phải được thể hiện thông qua cảnh vật và sự việc cụ thể.

Một bài thơ hay là một bài thơ trong đó cảnh và tình cân đối với nhau. Một nền thơ lớn là một nền thơ tính chất cân đối ấy được phát triển một cách viên mãn. Có hai giai đoạn nguy nga nhất trong lịch sử thi ca Việt Nam: giai đoạn đầu từ giữa thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19 với những đỉnh núi chọc trời như *Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Hoa Tiên, Truyện Kiều*...và giai đoạn thứ hai từ 1930 đến 1945 với phong trào Thơ Mới. Ở cả hai giai đoạn, cảm xúc của con người đều mênh mông và hình tượng trong thơ đều cực kỳ lộng lẫy.

Cảnh vật trong thơ không phải là cảnh vật trong thiên nhiên. Cảnh vật trong thơ là cảnh vật trong thiên nhiên được ảo hóa và được nội tâm hoá bằng cái nhìn lung linh chất mộng và bằng tấm lòng dạt dào cảm xúc của nhà thơ. Nói cách khác, cảnh vật trong thơ là sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố: hình sắc trong thiên nhiên và những rung cảm thẩm mỹ của nhà thơ. Không có hình ảnh cảnh vật nào gọi là đẹp mà lại thiếu một trong hai yếu tố trên. Thiếu những hình sắc trong thiên nhiên: thơ khô. Thiếu những rung cảm của nhà thơ: thơ nhạt.

Nhà thơ có thể khai thác cảnh sắc thiên nhiên để biểu hiện tâm trạng theo hai hướng: tương đồng và tương phản. Tương đồng, khi cảnh và tình hòa điệu với nhau, cùng một màu sắc, cái này hỗ trợ cái kia theo kiểu '*Nhân diện đào hoa tương ánh hồng*' (Mặt người và hoa đào tỏa sắc hồng lên nhau). Tương phản, khi thiên nhiên hờ hững trước cảm xúc. Biện pháp tương phản thường được sử dụng để cực tả những nỗi niềm bơ vơ, cô độc, những tâm trạng day dứt, nhức nhối, không dễ dàng nguôi khuây. '*Đình thụ, bất tri nhân khứ tận. Xuân lạ hoàn phát cựu thời hoa*' (Cây già chẳng biết người đi hết. Mỗi độ xuân về lại nở hoa).

Nguyễn Du, trong *Truyện Kiều*, thường sử dụng biện pháp tương đồng khi mô tả những tình cảm trong sáng, ấm áp và ngược lại, sử dụng biện pháp tương phản để mô tả những trạng thái tâm lý buốt nhói, quằn quại. Hình ảnh nhành liễu thướt tha bên cầu, dưới nắng chiều vàng vọt là sự tương đồng với niềm bâng khuâng trong tâm trạng của Kiều lúc bắt đầu xôn xao biết yêu. Cái cảnh cửa bể chiều hôm với chiếc thuyền thấp thoáng, với hoa trôi man mác, với nội cỏ dầu dầu, với chân mây xanh biếc, với những tiếng sóng ầm ầm...tất cả những hình ảnh rộng ngợp ấy đều là sự tương phản với hoàn cảnh yếu

ớt, nhỏ nhoi, ngập ngụa trong đau khổ và trong tủi nhục của Thúy Kiều lúc bị giam trong lầu Ngưng Bích.

Trong cảnh vật, cần lưu ý đến màu sắc. Màu trắng của những đóa hoa lê. *'Cành lê trắng điểm một vài bông hoa'.* Màu xanh của cỏ. *'Cỏ non xanh rợn chân trời'.* Màu vàng của mùa thu. *'Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san'.* Màu đỏ của hoa lựu. *'Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông'.*

Thời trước, các nhà thơ thường chuộng nhiều màu sắc nhất trong một đoạn văn có lẽ là trong *Giấc mộng con* của Tản Đà: *'Được một người bạn nam nhi là cố nhân để những khi lá hồng gió thu, đêm đông đèn biếc, thời lại mượn tờ giấy trắng, giọt mực đen, chiếc tem đỏ, để tả tấm gan vàng, mà đưa người mắt xanh'.* Đậm đặc đến những 7 màu trong một câu văn chỉ có 42 chữ!

Xuân Diệu, thời tiền chiến, cũng có hai câu thơ ngồn ngộn màu sắc:

Thu biếc tỏ, hè nâu thơm vị quế
Xuân ngát hồng, đông xám cũng đầy mơ.

Hình như Huyền Kiêu bắt chước Xuân Diệu trong cách sử dụng màu sắc trong bài thơ *Bốn mùa*. Bài thơ chia làm bốn đoạn. Mỗi đoạn mở đầu bằng một mùa và một màu sắc khác nhau:

Xuân hồng, có chàng đến hỏi....
Hạ đỏ, có chàng đến hỏi....
Thu biếc, có chàng đến hỏi...
Đông xám, có chàng đến hỏi....

Trong một bài thơ đăng báo gần đây, Luân Hoán cũng có vẻ cố ý chơi màu:

Tắt đèn nằm đợi trăng lên
hiu hiu gió thổi nhớ em áo hồng
chống cằm ngồi nghĩ lông bông
Thiu thiu chợt nhớ áo bông thuở nào
hết nơi đi, dạo quanh rào
vu vơ nhớ áo trắng vào trắng ra
tình cờ dừng cạnh ngã ba
nhớ em áo tím hoa cà ngày xưa
hiên người đốt thuốc núp mưa
nhớ em áo lụa vàng đưa võng cười
tìm thuê gác trọ quê người
bừng bừng nhớ áo đỏ lui tới hoài
cuối tuần thả bộ lai rai
áo xanh ngày nọ choàng vai đi cùng
cầm ly rượu nghĩ lung tung
thoáng nghe nhịp bước áo nhung đến tìm.

Cả thảy 8 kiểu áo và 6 màu!

Chế Lan Viên có lần cũng chơi màu như thế:

Hạnh phúc màu hoa huệ
Nhớ nhung màu hoa lau
Biệt ly màu đau xé
Lãng quên đâu có màu?

Tập trung nhiều màu sắc trong một bài thơ thường chỉ là một cách...đùa. Những bài thơ hay nhất thường kén chọn màu sắc rất kỹ. Thơ Hàn Mặc Tử có bao nhiêu màu? Vô vàn. Nhưng cái màu trắng này thì thật bâng khuâng:

Áo em trắng quá nhìn không ra

Màu trắng trong thơ Nguyễn Bính tang tóc, lạnh lẽo đến ghê rợn:

Có một chiếc xe màu trắng đục
Hai con ngựa trắng xếp hàng đôi
Đem theo một chiếc quan tài trắng
Và những vòng hoa trắng lạnh người
Theo bước những người khăn áo trắng
Khóc hồn trinh trắng mãi không thôi.

Được chuộng nhất trong thơ có lẽ là màu vàng. Có màu vàng ấm áp trong thơ Hàn Mặc Tử:

Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.

Có màu vàng rất thơ trong thơ Lưu Trọng Lư:

con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô.

Có màu vàng buồn lạnh trong thơ Vũ Đình Liên:

Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay.

Rực rỡ hơn cả có lẽ là màu vàng của hoa cúc trong thơ Xuân Diệu:

Gió thu hoa cúc vàng lưng giậu
Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên.

Màu xanh cũng được khai thác nhiều. Điệp điệp màu xanh là trong *Chinh phụ ngâm:*

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

Chỉ ít nét nhưng kéo dài vô tận là màu xanh trong *Truyện Kiều* ở câu đã dẫn:

Cỏ non xanh rợn chân trời.

Cũng đẹp, màu xanh thăm thẳm trong thơ Thanh Tâm Tuyền:

Trời cao biêng biếc ngọc lên nước.

Thời 54-75, ở miền Nam, Nguyên Sa có đoạn thơ nhiều màu sắc, được nhiều người nhớ:

Áo nàng vàng, anh về yêu hoa cúc
Áo nàng xanh, anh mến lá sân trường

Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu thương
Anh thay mực cho vừa màu áo tím.

Trần Dạ Từ cũng có hai câu thơ rực rỡ màu sắc và hay:

Trưa vàng, cỏ biếc, vườn xanh
Môi ai chín đỏ đầu cành phượng xưa.

Một số nhà thơ đổi mới màu sắc bằng cách kéo màu sắc gần hơn với tâm trạng. Chế Lan Viên: '*Trắng màu chuông giáo đường*'. Tế Hanh: '*Hoa cúc vàng như nỗi nhớ dây dưa*'. Lưu Quang Vũ, người viết kịch nổi tiếng ở miền Bắc, nghe nói vừa mới chết, cũng có câu thơ đầy tìm tòi: '*Cây bàng lên búp nhỏ. Xanh như là thương nhau*'.

Tôi định dẫn ra nhiều hơn những câu thơ tả cảnh đẹp cũng như những câu thơ có màu sắc gây ấn tượng mạnh mẽ từ nền thơ hải ngoại. Nhưng, tôi lại phát hiện một điều: hiếm quá. Thơ chúng ta có một ưu điểm lớn là giàu chất suy tưởng nhưng lại vấp phải một khuyết điểm lớn là nghèo chất tạo hình. Không biết do đâu, các nhà thơ thường có thói quen bày tỏ tâm trạng một cách trực tiếp. Trong thơ, ý chồng lên ý. Cảnh sắc thường nhạt nhòa. Do đó, thơ khó bám vào trí nhớ. Thơ mỗi lúc một xa họa. Có lẽ các nhà thơ có lý do riêng của họ. Tuy nhiên, theo tôi, dù sao đó cũng là điều đáng tiếc.

Bài viết này được hình thành từ nỗi tiếc nuối ấy.

NGUYỄN HƯNG QUỐC

NHA Y SĨ
DƯ THỊ MỸ LAN

GENERAL DENTISTRY

Chữa bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
(714) 898-6449

Giờ làm việc:
Ngày thường: từ 10Am đến 7PM
Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM
Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

ĐÂU CẦN ĐỢI HIỆP BA

Nguyễn Ý Thuần

Đối với chàng các khoa tử vi, bói toán, coi tướng số...là phét lác. Làm sao mà tin nổi ? Sống hay không là do mình, thành hay bại cũng là do mình. Làm gì có một thứ số mệnh nào buộc lấy kiếp người. Đôi lần chàng còn bày trò ra để tự đùa giỡn với cái gọi là *Nhất ẩm, nhất trác giai do tiền định.* bằng mọi cách. Như đang đi trên đường bình thường, chàng co chân nhảy lò cò hoặc giả vào quán chàng ngồi chồm hổm trên ghế, mặc mọi người chung quanh với cái nhìn kỳ dị ném về. Để vui vẻ gạt phăng cái số mệnh nào đó mà trời (nếu có) buộc cho mình. Làm gì có thứ số mệnh bắt chàng lò cò giữa đường với số tuổi ba mươi sáu? Lại làm gì có việc định sẵn việc chàng sẽ ngồi chồm hổm trong một quán ăn giữa xứ sở văn minh nhất thế giới? Chàng đã thản nhiên giỡn mặt với số mệnh tự năm mười bốn tuổi lúc mới biết yêu lần đầu, và coi các khoa bói toán, tử vi, tướng số như pha.

Tưởng thế, nhưng mọi quan niệm đều thay đổi, từ lúc vợ một người bạn bảo:

— Anh tuổi con rắn, cô ấy tuổi con rồng. *Rồng rắn lên mây* là tốt lắm ấy. Lại nữa lỗ mũi của anh bị hở, có đồng nào thì hết đồng ấy, nếu lấy cô ấy thì càng tốt hơn bởi lỗ mũi cô ấy...Kín! Chẳng phải lo tiền rơi ra ngoài.

Chẳng biết vợ người bạn học khoa tử vi và tướng số ở đâu và thực tình có câu "Rồng rắn lên mây, có cây lúc lắc... trong khoa tử vi hay không, chàng vẫn khoái chí, và nghĩ lỗ mũi của mình hở thật và lỗ mũi của nàng cũng kín mít. Chàng chạy vào buồng tắm ngay lập tức. Nghếch mặt lên, nhìn vào trong gương một lúc lâu. Ngoài những sợi lông mũi đan nhau, chẳng có gì chứng minh là mình không hở...mũi.

Chàng hít một hơi dài. Động tác hô hấp bình thường đột nhiên mạnh hơn. Quả tình là mũi mình hở. Rồi vui về hình dung gương mặt của nàng, cố nhớ, cố nhớ lỗ mũi của nàng. Nhưng ác thay, điều muốn nhớ mất tăm. Chàng không thể nào nhớ được lỗ mũi của nàng thế nào trong lúc này. Kín là thế nào? chàng nhìn lỗ mũi theo lời vợ người bạn là mũi hở của mình — để tưởng tượng đến một loại mũi được gọi là kín theo khoa tướng số. Nhưng đành chịu, bởi dù kín đến độ nào thì cũng phải hở, để thở, để — ắt xì chứ ? Chàng chán nản bỏ ra ngoài dù hình ảnh cái mũi của nàng chưa nhớ ra được.

— Này chị, lỗ mũi kín là thế nào?

— Kín là kín chứ sao? anh không học tướng số làm sao biết được? Giải thích thì dài lắm.

Chàng bối rối ra mặt, không thể nào chỉ hai lỗ mũi kín và hở lại đủ để giải quyết những chuyện rắc rối của hai người. Nhất là với chàng một người thường chê những điều mơ hồ và tin những điều trước mắt — mà lỗ mũi của nàng thì chưa hình dung được là kín thế nào?

— Sao chị biết tụi này hợp với nhau?

— Hợp chứ sao không? tướng hai người cũng "na ná" như nhau. Hiền hậu, lành tính...

Chàng chợt thấy mình hiền lành hơn. Vợ người bạn tiếp.

— Để xem con rồng mạng "hoả", con rắn mạng "thủy".

Chàng giật thót mình. Bỏ mẹ! "Thủy" với "hỏa" xung khắc là cái chắc. Lấy gì mà hợp được. Chàng láu táu cắt ngang.

— Không tốt hả chị? Nước với lửa đầu gần nhau được. Các cụ chả dạy "xung khắc như nước với lửa" đó sao?

— Không phải vậy đâu. Anh là "Thủy" mà là "Trường lưu thủy", còn cô ấy "hỏa' nhưng "Phú đăng hỏa", nghĩa là lửa đèn, có gì mà khắc? Không chừng lại là ngọn lửa làm ấm lòng anh trên đường đời nữa.

Ấm là cái chắc! Còn gì hơn nếu có nàng đi bên cạnh, trong cuộc sống, Đó là điều chàng đang mơ ước và cố gắng dành lại nàng từ tay một người có uy quyền nhất: Chúa!

Cuộc chiến — hãy tạm gọi thế — giữa chàng và Chúa xảy ra từ lúc mới gặp nàng. Đừng vội nghĩ chàng là kiêu căng, hỗn xược hay khinh bạc, lớn lối... hay bằng một từ ngữ không đẹp nào đó. Thật tình mà nói, chẳng bao giờ chàng nghĩ mình sẽ lao vào "cuộc chiến" với bất cứ người nào, huống chi là Chúa? Luôn luôn chàng tỏ ra dễ dãi và hiền hậu. Phải thế, bởi sau lần mất nước, sau tháng ngày lao tù, sau những hiểm nguy của lần vượt thoát chàng đâm ra yêu đời và yêu người.

Trong cái nhìn của chàng chẳng có ai đáng ghét cả, tất cả đều là "người". Chữ người đúng nghĩa như chàng hằng nghĩ. Nên tất cả đều đáng yêu, đáng thương thì có chi phải lôi nhau vào "cuộc chiến"? Vậy tiếng "cuộc chiến" ở đây chỉ có nghĩa tượng trưng. Không bằng những thứ tiếng xấu xa dành cho một cuộc chiến bình thường khác như: thù hận, oán hờn, chém giết, "pặc co" v.v.. Mà ngược lại, những tiếng dành cho "cuộc chiến" này thật tốt đẹp như điều mong ước của chàng — cho nàng, cho chàng và cả đối thủ nữa! Đó là những tiếng bắt nguồn từ cái nền thương yêu.

Họ gặp nhau trong một buổi sinh nhật của một người bạn của cả hai người. Sau màn giới thiệu, chàng cảm thấy đời mình bắt đầu vào khúc rẽ kỳ cục. Cảm tình với cô gái vừa gặp đến thật nhanh. Dễ thương, hiền lành, lễ phép là điểm chàng tìm thấy nơi nàng. Đúng như lời người bạn đã nói với chàng cách đó khoảng tuần lễ trước.

— Để bữa sinh nhật tao giới thiệu cho mày con em nuôi.

— Mày cũng có em nuôi? Vợ mày không ghen chắc?

Chàng hồ nghi hỏi lại bạn. Người bạn cười cười.

— Em nuôi chứ sao. Nhưng đó là em nuôi của vợ tao. Dễ thương, hiền hậu lắm, rất thích văn nghệ lại học giỏi nữa...

Chàng ngạc nhiên sau câu nói của bạn. Làm quái gì còn thứ con gái kỳ cục đếm thế trên đất Mỹ. Bằng tất cả sự thận trọng, chàng hỏi thêm.

— Mày... mày nói rõ ràng xem sao?

— Dễ thương, hiền hậu và thích văn nghệ, sang Mỹ được vài năm.

— Mẹ kiếp! Đừng phịa nữa. Dễ thương mà ở Mỹ thì bị "đớp" tại chỗ. Thì giờ đâu mà văn nghệ, văn gừng. Vả lại mười cô khoái văn nghệ hết tám chín cô...

— Đừng nói bậy. Người bạn ngắt lời. Mày chỉ được cái vơ đũa cả nắm. Con em tao lạ lắm. Khối thằng theo mà vẫn ra rìa. Nó sống giản dị và còn nguyên tính Việt Nam. Lại còn đòi đi tu nữa...

Lần này chàng ngạc nhiên vì thái độ nghiêm nghị của người bạn. Rồi liên tưởng đến một người con gái với đầy đủ tính chất người bạn vừa nói mà lại đòi đi tu. Kỳ cục hết chỗ nói. Chàng không thể hình dung được nàng. Sau cùng đành kết luận: chỉ có những cô gái... *man mát* mới thế!

Nhưng mát đâu chả thấy, chỉ thấy chàng tự trách mình sao quá nghèo nàn trong khi tưởng tượng. Đừng nói bấy nhiêu tính chất người bạn vừa kể mà nhân cho mười lần nàng vẫn có. Và điều đi tu quả tình là có thật. Đức tin trong nàng quá mạnh. Đức tin có từ lời

cầu xin của lần đoàn tụ. Lớn dần, lớn dần đến độ nàng đã có quyết định đó.

— Cháu có chuyện gì buồn mà định đi tu?

— Đâu cần có chuyện buồn mới đi tu được chú?

Đó là câu thứ mười một và mười hai của họ. Bắt đầu là hai câu chào sau lời giới thiệu của người bạn. Nàng mở đầu câu thứ ba.

— Em có được đọc truyện của anh viết.

Chàng nghiêm mặt hỏi câu thứ tư một cách vô duyên.

— Cô tuổi con gì!

— Con rồng anh ạ:

Sau một con tính được làm thật nhanh trong đầu, chàng tiếp tục câu thứ sáu, lại càng vô duyên hơn.

— Cô biết tôi tuổi con gì không?

— Con gì ạ?

— Con rắn! Tôi hơn cô 11 tuổi. Cô phải gọi tôi là chú.

— Vâng!

Nàng dịu dàng trả lời trước cái ngang chướng của gã đàng ông vừa quen. Chàng khoái chí buông thêm một câu thứ mười.

— Tốt, từ rày cháu đừng xưng em nữa nhé!

Nàng suýt nữa bật cười vì thái độ tàng tàng của gã đàn ông vừa quen. Cứ tỉnh bơ xưng hô chú cháu, làm như quen biết tự thủa nào. Nếu gặp người con gái khác hẳn đã phải bực dọc và thấy chướng mắt. Nhưng như đã nói, nàng vốn dĩ hiền lành nên chỉ mỉm cười đồng ý. "Chú" hay "anh' thì cũng vậy. Có ảnh hưởng gì đến cuộc sống và con đường mình đã chọn chứ? Nàng thản nhiên trước sự "áp đảo" của chàng.

Còn chàng cứ tỉnh queo ăn nói. Nhưng cái sự tỉnh queo này chỉ mình chàng biết rõ, đó chỉ là bề mặt. Bên trong là tình cảm đang lớn dần. Cố gái trước mặt thật lạ lùng, khó có thể diễn tả bằng bút mực hay lời nói được. Chỉ biết là hiền hơn tiếng hiền, dịu dàng hơn tiếng dịu dàng, dễ thương hơn tiếng dễ thương...Nghĩa là một cô gái bình thường nhưng tính nết hơn những chữ tốt đẹp bình thường đã diễn tả.

Nàng không đẹp. Đúng! Mọi người đều bảo thế và chàng cũng thấy thế. Còn thấy rõ hơn nữa bởi họ được xếp hai chỗ ngồi cạnh nhau trong bàn tiệc. Chàng đã ngơ ngẩn *nghe* để *thấy* cái đẹp theo chàng nghĩ. Ở đây cái đẹp không còn nghĩa bình thường nữa rồi. Cái đẹp là thái độ, là tiếng nói, là cử chỉ...Chàng lan man suy nghĩ và sau cùng kết luận: *Cái nết đánh chết cái đẹp* là câu tục ngữ đúng nhất.

— Cháu lạ lắm.

— Sao chú?

— À..à.. chú chẳng biết biết nữa.

Nàng mỉm cười tự nhiên, chàng thấy hai tay của mình trở nên thừa thãi và cái lưỡi cứng ngắc trong khi óc đặc lại, nặn không ra một chữ để nói.

— Cháu...cháu...

— Sao ạ ?

Nàng vẫn dịu dàng nói. Lần này chàng thấy hai tai mình nóng bừng. Bưng ly rượu lên, chàng uống một hơi cạn sạch. Chất men chạy vòng vòng trong cơ thể làm cái ngượng biến mất tiêu. Họ lại bắt đầu câu chuyện một cách tự nhiên hơn. Bàn tiệc hơn mười người bấy giờ như cất hẳn một góc cho hai người. Nàng hỏi chàng về những truyện ngắn đã viết. Như lân gặp pháo, chàng ba hoa xích thố tùm lum. Kể lan man hết điều này đến điều khác. Hành động này chúng ta thường gọi là "cướp mirco" của người trước mặt. Nhưng lúc đó chàng đâu cần gì nữa, *rượu vào lời ra* mà! Và màng vẫn kiên nhẫn, mở to mắt với nụ cười hiền lành nghe gã nhà văn say rượu nói chuyện. Cuối cùng chàng kết luận.

— Vậy đó, ai cũng có thể trở thành... nhà văn được cả.

— Chú nói vậy, chứ cháu thấy viết khó thí mồ.

— Khó gì mà khó! Có bao giờ cháu viết cái gì chưa?

— Chưa chú ạ

Chàng trầm ngẫm nhìn nàng một lúc rồi bảo.

— Chú nghĩ nếu cháu viết hẳn hay lắm.

— ! !

— Tin chú đi...

— Nhưng viết để làm gì chứ?

Chàng im lặng. Rượu dù đã uống nhiều nhưng cũng không nên nói bậy trong vấn đề này. Chàng lẩm nhẩm trong đầu rồi lái sang chuyện khác.

— Cháu viết thử xem.

— Cháu không muốn làm nhà văn.

— ! !

— Mà có muốn cũng không được. Đâu dễ dàng như chú nghĩ... Nếu dễ thì tất cả mọi người đều cầm viết rồi, đâu đến lượt cháu phải không chú?

Chàng ú ớ thật tình.

— Nhưng... nhưng...

— Nhưng sao chú?

— ! !

— Cháu đã quyết định đi tu chú à!

Nàng quả quyết buông câu nói và câu chuyện chấm dứt. Chàng đốt một điếu thuốc, nhìn nàng đang cúi xuống bàn ăn với chiếc bánh tôm trên tay mà rầu rĩ. Một cô gái đáng... yêu như vậy mà đi tu sao đành hả trời? Chàng cảm thấy có cái gì lấn cấn trong lòng mình nhưng không tiện nói ra.

Đó là hiệp một của "cuộc chiến" giữa chàng và Chúa. Chàng thua với quả đấm dịu dàng nhưng quyết liệt từ nàng.

Hiệp thứ hai bắt đầu gay cấn từ lúc chàng được vợ người bạn nói về tướng và mạng. Nói thế có nghĩa là hiệp hai được diễn ra trước khi chàng tin vào số mạng. Nửa phần đầu của hiệp này dĩ nhiên chàng bị nốc ao dài dài. Lần nào cũng thế, câu chuyện qua phone với nàng đều bị chấm dứt bởi nỗi buồn có từ hình ảnh của chúa. Chàng bắt đầu mất tin tưởng vào mình. Bết quá là bết mà! Ăn nói thì ấp a, ấp úng như những ngày vừa lớn, chàng đã bị những lần "ngọng cấp tính" Khi nói chuyện với nàng. Bao nhiêu ý nghĩ sắp đặt trong đầu biến mất tiêu, đầu óc rỗng tuếch và tuôn ra những câu nói nhạt phèo. Chẳng đâu vào đâu cả, hẳn nàng cũng bực mình vì bị quấy rầy hoài. Đã có lần chàng nghĩ thế sau một lần đối thoại.

— Hello.

— Hello. chú đó hả.

Nàng bắt đầu... quen giọng nói của chàng, chàng nghĩ thế với cảm giác an tâm.

— Cháu ngủ chưa?

Chàng nhập đề một cách vô duyên và quên hẳn nàng đang *thức* để nói chuyện với mình. Nàng sau câu nói ngớ ngẩn của chàng, cố nén tiếng cười đang muốn bật ra.

— Chưa chú ạ!

— Mai cháu có đi học chứ?

— Có chú ạ, cháu có hai lớp vào sáng mai.

— Sao không ngủ sớm đi?

Chúa ơi! Suýt nữa nàng phì cười vì câu hỏi của chàng. Rõ ràng là chả có chuyện gì để nói... Nhưng ...nhưng không có chuyện gì để nói sao chàng lại gọi. Nàng kiên nhẫn, nhắc khéo.

— Cháu còn cầu nguyện và đang... nói chuyện với chú.

— Ừ nhỉ!

— Có chuyện gì không chú?

— ! ! Nàng im lặng chờ chàng nói. Chàng cũng im lặng chờ chính mình nói.

Biết nhập đề để đưa câu chuyện muốn nói cách nào bây giờ? Bao nhiêu ý tưởng đã sắp sẵn trong đầu biến đi đâu mất tiêu. Chàng ấp úng một lúc. Rồi lại quay về với những mẩu chuyện không đầu, không đuôi như mọi khi. Nàng đôi lúc cũng hơi bực mình vì những câu chuyện ấm ớ đó. Nhưng chỉ hơi thôi, rồi nàng vẫn nói chuyện trong thái độ dịu dàng. Cứ thế, mỗi lần gọi cho nhau cả tiếng đồng hồ mà gom lại đối thoại chỉ chừng một phần ba. Hai phần ba còn lại là khoảng trống. Khoảng — trống — nghẹn — ngào với những ngụm nước bọt nuốt vội của chàng. Khoảng — trống — tội — nghiệp với từng lần kiên nhẫn của nàng. Họ áp máy vào tai đến độ vành tai phát đau, phải đổi sang tai khác. Nhưng vẫn giữ máy, bởi chẳng ai nỡ thôi trước. Nàng vì bản chất hiền lành, thương người nên chẳng muốn làm ai buồn và không nỡ ngưng ngang câu chuyện nhạt phèo. Còn chàng, tất nhiên là...Ráng giữ máy, lý do thì đâu cần phải giải thích thêm là gì? Để cuối cùng, sau những khoảng trống và các mẩu chuyện vẫn vơ là câu nói với sự tiếc nuối của chàng.

— Thôi, cháu ngủ đi... Mai còn đi học.

— Vâng. Đọc kinh xong cháu sẽ ngủ liền

— Thôi nghe cháu!

— Vâng, chào chú.

Chàng buồn rầu buông máy trong khi nàng quay lại với lần cầu nguyện. Bây giờ là đức tin, bây giờ là hình ảnh của Chúa nhân từ. Nàng an tâm với chính mình khi trở về với bài kinh mỗi tối, nên mọi câu chuyện vừa nói chẳng còn *dư âm* gì cả. Người đàn ông đó đâu có ảnh hưởng và liên quan đến con đường mình chọn. Nàng đã nghĩ thế trong khi chàng nghĩ ngược lại. Nàng đã chiếm một khoảng lớn trong những lần suy nghĩ của chàng. Và với chàng, sau mỗi lần buông máy chàng *tưởng tượng* như mình là một võ sĩ vừa bị *đấm bồi* thêm một cú, tại hiệp hai. Cú đấm nhẹ nhưng có tính chất quyết liệt, bởi chàng võ sĩ đó vừa bị "nốc ao" tại hiệp một.

Nhưng dù trái đấm tung ra có quyết liệt đến đâu chăng nữa nàng cũng phải nghĩ lại, bởi bản tính hiền lành, hay thương người của nàng. Chỉ cần hình dung đến khuôn mặt rầu rầu của anh chàng là nàng cảm thấy... *thương thương*. Hai chữ "thương thương" này được in nghiêng với mục đích để ai nghĩ sao thì nghĩ. Còn với nàng, bây giờ, rõ ràng là tội nghiệp anh chàng. Cảm tình của anh chàng đối với nàng đã

được biểu lộ rõ ràng. Ngay từ hôm đầu tiên gặp gỡ. Ngoài những câu nói ngang ngang *lúc có rượu*, còn lại là những thái độ ân cần. Rất thân mật và gần gũi, anh chàng tự nhiên trong mọi hành động đó từ lúc vừa ngồi vào bàn ăn. Rót một ly nước, lấy mảnh giấy lau tay...Anh chàng đã làm với từng cử chỉ ung dung cho nàng — người nhận — đột nhiên thành thân quen. Rồi đột nhiên câu chuyện ngưng ngang từ lúc nàng nói về quyết định của mình. Mặt anh chàng ngẩn ra, tay phải kẹp điếu thuốc, tay trái bưng ly rượu. Uống tỉ tỉ và câm như hến cho đến lúc tàn tiệc thì say mèm. Đã đi không nổi mà cứ nằng nặc đòi đưa nàng về. Nàng mỉm cười nghĩ lại lúc anh chàng lạng quạng mở cửa cho nàng, tay bật mãi mà không mở được chốt cửa. Để sau cùng chính nàng lại là người giúp anh chàng mở cửa. Chưa hết! Rất tự nhiên — trong cơn say — anh chàng dúi vào tay nàng xấp bản thảo mới nhất. Chẳng biết quê là gì cả. Không hiểu sao nàng lại cầm? Để an ủi anh chàng chăng? Không được, có gì mà phải an ủi. Sợ anh chàng quê? Lại càng không được, người ta với mình có gì đâu mà sợ dùm? Vả lại cầm mới là quê chứ, biết anh chàng.. nhét cái gì vào trong đó thì sao? Một lá thơ, một... Hay tại...tại mình...Nàng bối rối đưa tay làm dấu và đọc một đoạn kinh. Xua đuổi hình ảnh anh chàng ra khỏi trí.

Rồi tiếp theo là những cú phone của anh chàng. Lúc đầu nàng hơi ngạc nhiên vì không ngờ anh chàng lại gọi. Sau phút ngạc nhiên là có thoáng mừng rỡ kỳ cục dấy lên trong lòng. Thoáng mừng mà nàng không thể giải thích được với chính mình. Chỉ biết là có — chắc chắn là có trong lòng... Nhưng chỉ thế, rồi tất ngấm đi sự ngạc nhiên và mừng rỡ. Anh chàng nói toàn những chuyện ấm ớ, không đầu không đuôi. Mất thì giờ và mất tiền cho công ty điện thoại một cách vô ích. Từ San Jose đến Sacramento mỗi phút đều được tính bằng tiền mà anh chàng thì lại nghèo kiết xác. Vậy mà cứ gọi, gọi liên tục. Nàng thấy *tội tội* anh chàng qua hành động biểu lộ tình cảm này. Rõ ràng là anh chàng có điều muốn nói. Điều gì? Nàng cảm thấy hai má mình nóng ran và lại đưa tay làm dấu. Đừng nghĩ vẩn vơ nữa, cuối năm nay mình sẽ vào nhà dòng. Cái hẹn với...Chúa năm hai mươi lăm tuổi đã đến.

Ba năm trước ngày sang Mỹ mẹ nàng nhận được lá thư của ông cụ từ Sacramento gởi về. Trong thơ, ngoài những điều thường viết về gia đình, ông cụ báo một tin làm cả nhà phải suy nghĩ."... *Tôi bắt đầu tin tưởng vào đấng thiêng liêng mẹ nó ạ! Tin tưởng vào Chúa trong những lần cầu nguyện làm hy vọng đoàn tụ ngày càng rực rỡ hơn. Tôi đã làm phép rửa tội, và chọn thiên chúa là đấng toàn năng. Mẹ nó nghĩ*

sao? Ông bà, tổ tiên ta vẫn thờ phượng, chẳng việc gì mà quan ngại..." Nguyên văn là thế, mẹ nàng ban đầu nhận được thư hơi sửng sốt vì ông chồng gốc nhà binh chẳng theo tôn giáo nào ngoài việc thờ phụng ông bà, tổ tiên. Một buổi họp gia đình được diễn ra giữa bà mẹ và chín đứa con gái.

— Chúng mày nghĩ sao Cả chín cô đều im lặng.

— Nhà mình bao nhiêu đời có đạo đâu mà bố mày lại làm thế tao chịu, không thể hiểu được bố mày.

Chín cô con gái vẫn im lặng.

— Chúng mày nghĩ sao?

Bà cụ nhắc lại với thái độ ngạc nhiên trước sự im lặng của lũ con. Với cả chín cô, chuyện theo đạo này hay đạo kia đâu có gì là quan trọng? Cái quan trọng nhất là... lấy chồng! Đời sống Sàigòn sau 75 quả tình là nát bét, nhìn quanh khó kiếm thấy một ai *đường được* theo ý các cô. Bên phải: bộ đội. Bên trái: du kích. Đằng trước: Công An. Sau lưng: công nhân viên. Toàn là những đấng đàn ông không thích hợp với tâm trạng của các cô gái Sài gòn. Đúng ra cũng có những chàng trai thuộc về Sài gòn. Nhưng hầu hết, những người này đều nhấp nhổm bỏ đi. Chín cô con gái đã bốn cô đến tuổi lấy chồng mà vẫn trong tình trạng độc thân. Cũng buồn chứ? Và họ cùng chờ ngày được ông bố bảo lãnh sang Mỹ, rồi sẽ tính. Còn vượt biên? Chao ơi! Bọn hải tặc ghê thí mồ...

Thế đấy! Hoàn cảnh gia đình là thế, nên chín cô im lặng là đúng. Một mình bố không lo kịp ODP thì chúa...giúp sức càng tốt chứ sao. Họ lần lượt rửa tội và vô đạo khi những lá thư của ông bố gởi về bắt đầu làm xiêu lòng bà mẹ. Năm ấy nàng vừa mười tám tuổi và đó là năm đầu tiên nàng theo bốn bà chị đến nhà thờ.

Mười tám tuổi mà chưa có bồ hay người yêu thì kể ra cũng kỳ, nếu so với các cô gái khác cùng tuổi. Nhưng với nàng thì chả có điều gì là kỳ cả. Bắt buộc phải thế, bởi bản chất hiền lành, dịu dàng nàng không thích se xua, làm dáng nên khó lòng nổi bật trong đám chị em nên sự chú ý từ bên ngoài thường không nhắm vào nàng (chàng đã cảm ơn chúa về điều này!). Cũng bởi bản chất hiền lành nên nàng đâm ra *chóng mặt* khi nhìn thấy cuộc sống chung quanh. Gần như là rụt rè, sợ hãi. Nàng khép lại giữa đám chị em bằng tình thương. Sống giữa cái hỗn độn, ồn ào, lừa lọc của Sài gòn sau 75 nàng như con chiên nhỏ lạc lõng giữa bầy sói.

Chúa đưa tay đón nàng trong tâm trạng đó. Ban đầu nàng đến nhà thờ không bằng đức tin. Chỉ theo chị em trong nhà và muốn làm ông

bố hài lòng. Nhưng không khí nhà thờ đã quyến rũ nàng. Trong cái u mặc, thiêng liêng và trang trọng của không khí đó, nàng cảm thấy gần gũi và thoải mái. Đức tin lớn dần và cuối cùng nàng là người ngoan đạo nhất nhà.

Sang Mỹ, cái ồn ào, náo nhiệt của cuộc sống đã làm nàng, *chóng mặt* lại càng chóng mặt hơn. Đức tin cũng thế. Đã lớn lại càng lớn hơn. Chúa đã nhìn xuống gia đình nàng bằng lần đoàn tụ. Lời nguyện cầu hằng đêm đã được chứng giám. Bố nàng và gia đình càng tin vào Chúa hơn. Những ngày đầu, ông là người nhắc nhở vợ con nhiều nhất về đức tin. Cuối cùng là một buổi tối, sau lần sinh nhật thứ hai mươi hai của nàng. Ông cụ đang ngồi xem truyền hình, nàng rón rén đến ngồi cạnh ông.

— Bố

— Gì thế con

— Con muốn thưa với bố một chuyện.

Ông cụ xoa đầu con con gái ngoan hiền nhất nhà, cười dễ dãi.

— Nói đi con gái cưng của bố

— Con muốn xin phép bố mẹ cho đi tu.

— Tu?

— Vâng ạ!

Trên môi ông cụ cái cười biến mất tiêu. Như không tin vào tai mình, ông cụ hỏi lại con gái.B — Tu? Con muốn đi tu?

— Vâng ạ!

— Sao...sao...

Nàng bắt đầu thuyết phục bố bằng tất cả niềm tin của mình. Lần đầu tiên ông cụ ngại ngần vì có đứa con ngoan đạo, nhưng chẳng biết nói sao hơn ngoài câu:

— Để bố bàn với mẹ xem sao. Mà con quyết định rồi...mà mà... con suy nghĩ kỹ chưa?

— Con đã nghĩ kỹ rồi bố ạ.

Đêm đó, sau câu chuyện bà cụ làm mặt giận ông cụ. Ôi! Chúa nhân từ thêm lần nữa phải ngó xuống gia đình nàng. Không khí trong nhà không còn được vui vẻ như mọi ngày. Sáng sau mẹ nàng đăm đăm nhìn con gái, cố gắng tìm ra lý do nào đó khiến con bé dễ thương thế kia lại quyết định đi tu Hay nó...Bà cụ vội vàng đưa tay làm dấu, đuổi nhanh ý nghĩ không đẹp vừa thoáng trong tai dành cho con gái.

— Có chuyện gì không con?

— Dạ đâu có gì mẹ, con muốn đi tu mẹ à. Chẳng có gì buồn cả...Con muốn tìm đến chúa.

Bà cụ thở dài trong khi nàng đưa ra những lý do hệt như đã nói với ông cụ. Cuối cùng, sau những lần "thảo luận", hai ông bà thấy khó lòng lay chuyển con gái, đành phải nhượng bộ.

— Thôi được! Con đã quyết định thì bố mẹ cũng không dám cản. Nhưng hoàn cảnh nhà ta thế này...con ở lại với bố mẹ vài năm nữa được chứ?

Dĩ nhiên, một cô gái như nàng đã không làm buồn lòng người ngoài bao giờ cả, thì đối với bố mẹ cũng không đành. Nàng đồng ý ở lại nhà thêm ba năm và sẽ vào dòng tu năm hai mươi lăm tuổi.

Bây giờ cái hẹn với Chúa chỉ còn vài tháng nữa là đến thì anh chàng xuất hiện. Đối với nàng, chú hay anh thì cũng vậy, đâu có gì cần phải suy nghĩ. Ba năm vừa qua đã khối người theo đuổi nàng nhưng ý tưởng đi tu luôn luôn thắng. Hà— cớ — chi anh chàng này là mối "nguy hiểm". Lại nữa, qua những cú phone, nàng thấy rõ ràng anh chàng đôn hậu và ngớ ngẩn đến độ chỉ nói vòng vòng, loanh quanh những câu chuyện ấm ớ hội tề. Chẳng lúc nào dạn dĩ đến độ nàng phải e ngại. Tình cảm— nếu có— chỉ là những điều nàng cảm thấy chứ chưa hiểu lộ rõ ràng thì có chi phải sợ. Quen thì quen đã sao đâu? Nói chuyện thì nói chuyện có hề gì? Mất chút thì giờ chứ mấy. Mất chút ít thì giờ để giao thiệp với một anh chàng cũng cả đẫn, hiền lành như mình cũng là điều tốt... Chỉ tội nghiệp cho anh chàng, đã nghèo kiết xác mà ham nói dai. Cuối tháng bill điện thoại về chắc mặt anh chàng tội lắm. Lại tội! "Tội" và "tội nghiệp", hai tiếng này luôn luôn hiện ra trong trí nàng mỗi khi nghĩ đến anh chàng. Nàng mỉm cười mỗi khi nhớ lại những mẩu đối thoại với anh chàng với *niềm vui nhè nhẹ*—... Rồi cũng qua đi! Nàng tự như thế. Nhưng Chúa ơi! Nàng quên mất một điều quan trọng nhất là những niềm vui nhè nhẹ đó đã thường xuyên về với nàng trong mọi sinh hoạt. Và những cái phone lúc mười giờ đêm của chàng đã thành quen thuộc đến độ có lần tự nhiên đến cạnh chiếc phone lúc chín giờ năm mươi chín phút. Một phút trôi qua. Chuông vẫn im. Năm phút nữa. Vẫn chẳng có gì. Mười lăm phút thêm vào. Nàng kiên nhẫn ngồi đợi với những câu hỏi được đặt ra. Có gì xảy ra cho anh chàng chăng? Hơi lo âu, nàng nhìn lên mặt đồng hồ. Đã trễ giờ gọi đến hai mươi phút. Những ý tưởng bất an chợt kéo đến, nàng hết nhìn đồng hồ lại nhìn cái phone. Mỗi phút tưởng như kéo dài hơn với hình ảnh anh chàng hiện lên thật rõ ràng trong đầu. Cuối cùng thì chuông reng lúc mười một giờ bảy phút.

— Hello.

— Hello! Cháu đó hả?

— Vâng. Cháu đây, sao chú gọi trễ thế!

— Chú xin lỗi.

Cả hai đều mặc nhiên công nhận mười giờ là giờ hẹn. Nàng cảm thấy chàng có vẻ tự nhiên và mạnh dạn hơn khi nói. Rất hồn nhiên chàng khoe.

— Chú mới đi coi... bói về.

— Coi bói?

— Ừ! Hay lắm! Tụi mình hạp nhau lắm...

— !!

— Ngay chóc à, cháu ơi...

— Ai coi vậy chú?

Nàng nghe chàng nhắc đến tên vợ người bạn, trong khi chính nàng cũng không ngờ mình bị cuốn vào câu chuyện kỳ cục.

— Chị ấy bảo hai đứa mình hợp nhau lắm. "Rồng rắn lên mây, có cây lúc lắc..." Mạng chú là "trường lưu thủy", mạng cháu là "Phú đăng hỏa", cháu sẽ sưởi ấm lòng chú trên đường đời... Tử vi bảo thế!

Nàng ngẩn ngơ và buồn cười vì những chữ kỳ cục của chàng gọi là "Tử vi bảo" với thái độ bạo dạn lạ lùng của chàng. Cũng tàng tàng như hôm đầu gặp. Nàng mỉm cười, áp chiếc phone vào tai chặt hơn. Bên kia giây nói chàng vẫn tỉnh bơ kéo nàng từ "Tử vi" sang "tướng số":

— Chưa hết đâu cháu! Chị ấy còn bảo lỗ mũi của cháu giúp lỗ mũi chú nhiều lắm...

Lần này thì thật tình kỳ quái! Nàng bật cười.

— Cái gì mà lỗ mũi hả chú?

Chàng giải thích rõ ràng hơn, đúng y hệt vợ người bạn nói, không sai một chữ và cuối cùng là câu.

— Cháu thấy không? Tử vi cũng bảo mà tướng số cũng nói...

Dứt tiếng cười, nàng dịu dàng bảo.

— Thì có gì đâu chú?

— Có chứ?

— Có gì chú nói xem...

Chàng im lặng. Biết nói thế nào bây giờ? Chả lẽ lại thòng thêm câu "Bọn mình lấy nhau thì tốt lắm?" Cái mạnh dạn ban đầu biến mất tiêu, chàng ngập ngừng, suy nghĩ thật nhanh rồi chế ra câu đoán cho khoa tử vi.

— Là... là nếu cháu viết văn, thì hai đứa mình "hỗ trợ" cho nhau!

Nàng, bây giờ, biết lòng chàng muốn nói gì. Nhưng! Chúa ơi! Chúa hãy tha thứ cho những tiếng "Nhưng" loại này. Nhưng thay vì nói một

câu có giá trị như cú đấm làm chàng bị nốc ao ở hiệp một, thì nàng lại nói bằng giọng nói dịu dàng nhất của hai mươi lăm năm làm người.

— Tối nay cháu sẽ viết!

Đoản văn đầu tiên trong đời của nàng được đăng vào một tuần báo mà chàng đang cộng tác. Và bài viết được sự chú ý, khen ngợi của những người quen. Tự nhiên nàng thấy chàng nói thật đúng. Chẳng cần phải qua một trường lớp nào cả, người ta vẫn có thể viết được, nếu có tấm lòng. Nàng tin vậy và tiếp tục viết những điều mình đã nghĩ. Sự đón nhận của mọi người chung quanh làm nàng thấy cuộc đời bớt xa lạ thân quen, thân quen hơn với những người như... chàng bên cạnh.

Bây giờ những cú phone lúc mười giờ đêm đã thành quen thuộc với gia đình nàng. Bố mẹ và các chị em của nàng đều thích thú theo dõi sự thay đổi của đứa con gái định đi tu. Tên của chàng đã được nhắc đến trong những câu đùa bỡn nàng, tại gia đình. Lúc ăn cơm hay đang xem ti vi, hoặc đi chợ... thỉnh thoảng chàng vẫn được nhắc đến. Ban đầu là sự cố tình của mọi người để... dò xét, sau thành quen, rồi thành tự nhiên như chàng là một người trong gia đình dù chưa một lần xuất hiện.

Nàng cũng thôi mắc cở khi bị chúng ghẹo mà lại thấy có cai gì đó dìu dịu trong lòng khi nghe nhắc đến chàng. Nhiều lúc nàng hồn nhiên kể về chàng cho lũ em nghe. Dĩ nhiên chỉ gọn lại trong những câu chuyện qua phone. Và cũng dĩ nhiên những câu chuyện qua phone không còn nằm trong vòng vẩn vơ hay ấm ớ hội tề nữa. Đã có "vấn đề" hẳn hoi. Như một lần bàn cãi về việc "đi tu" hay "viết văn" tốt hơn (chàng bây giờ không còn sợ nốc ao về việc này nữa). Nàng kết luận.

— Đi tu cháu vẫn làm việc cho người khác được, làm việc tông đồ chẳng hạn.

— Nhưng chú vẫn thấy làm nhà văn là hơn.

Chàng không chịu thua. Nàng cũng bướng bỉnh không kém.

— Làm nhà văn là ích kỷ. Viết là viết cho mình...

— Cháu sai bét. Viết cho mọi người đọc chứ bộ.

Nàng suy nghĩ một tí, rồi có vẻ nhượng bộ.

— Thì viết cho người khác cũng được đi, nhưng đi tu, nếu làm việc tông đồ thì cũng cho người khác vậy...

— Nhưng hạn hẹp hơn.

— Sao lại hạn hẹp?

Nàng thôi nhượng bộ, bắt đầu bướng bỉnh (ý của chàng). Chàng tự nhiên nổi sùng và lôi cụ Nguyễn Công Trứ vào.

— Nhập thế tốt hơn xuất thế.

— !!

— Các cụ ngày xưa ai cũng bảo thế. Này nhé...

Chàng kể ra một loạt tên từ cụ Nguyễn Công Trứ đến cụ Phan Bội Châu v..v... Nàng im lặng theo dõi, chẳng bàn cãi thêm tí nào. Ít nhất lần này nàng cũng thấy chàng có lý.

— Thì... thì cháu nghe lời chú đã viết đấy thay...

— Tối nay cháu viết tiếp đi. Viết liền đi...

Chàng làm tới. Nàng, bây giờ, đâu muốn giận chàng làm chi? Nhưng cũng ra điều kiện. Hệt như hai phe khi ngưng bắn phải có điều kiện không dành cho nhau.

— Thì cháu viết, nhưng chú phải hứa một điều.

— Điều gì chú cũng hứa tuốt hết!

Nàng bật cười sau cau nói của chàng.

— Chắc không chú?

— Chắc chứ.

— Chú phải nghe lời cháu cầu nguyện mỗi đêm!

— Cầu nguyện?

— Vâng!

Chàng giật mình sau tiếng "vâng" của nàng. Trời ơi! Cầu nguyện là cái gì vậy cà? Từ nhỏ đến giờ chàng đâu có biết. Giữa chàng và Chúa chỉ có liên hệ từ lúc quen nàng thôi mà... Chàng ấp úng, rồi thú thật.

— Chú đâu biết cầu nguyện ra sao.

— Cháu sẽ bày chú.

Và nàng bắt đầu bài học đầu tiên cho con chiên chưa hiểu thế nào là đạo. Chàng nghe chăm chú, xong lấy giấy viết ghi lại đoạn kinh phải đọc. Chàng giữ lời hứa với nàng. Phần nàng, cũng giữ lời hứa với chàng, sau khi bỏ phone xuống nàng lấy giấy bút ra viết.

Hiệp hai chấm dứt tại đây. Huề. Giữa chàng và Chúa không ai thắng ai trong hiệp này cả. Bởi đêm đó, nàng không viết một đoản văn hay một bài thơ hoặc một truyện ngắn như chàng muốn mà lại là một lá thư cho mẹ bề trên tại dòng tu nơi nàng định đến. Lá thư viết rất dài, nhưng có một câu mà nàng cho là khó viết nhất và cũng quan trọng nhất "... *Mẹ cho con xin hoãn lại năm năm để giúp đỡ gia đình.*"

Hạn tuổi vào dòng tu là hai mươi lăm tuổi. Mẹ bề trên có chấp thuận yêu cầu của nàng hay không ai mà biết được? Bởi lá thư mới được nàng viết tối hôm qua.

Như thế, hiệp ba có thể xảy ra trong vòng vài tháng nữa khi nàng tròn hai mươi lăm tuổi. Cũng có thể xảy ra trong vòng năm năm nữa

khi nàng ba mươi tuổi. Và cũng có thể... chẳng bao giờ xảy ra cả. Nhưng dù sao chàng cũng phải chuẩn bị trước cho để lên "võ đài yêu thương" lần cuối cùng. Chàng đang hồi hộp? Đúng! Chàng đang lo lắng? Cũng đúng ! Nhưng có hồi hộp hay lo lắng cũng mặc xác chàng. Bởi chàng là người trong cuộc, làm sao thấy được vấn đề rõ ràng.

Còn chúng ta, những người đứng ngoài, dĩ nhiên là tỉnh táo hơn. Với cái nhìn khách quan chúng ta chẳng cần phải đợi đến hiệp ba xảy ra mới biết được kết quả. Chàng sẽ thắng. Phải thắng. Vì Chúa sẽ nhường chàng trong hiệp cuối cùng này. Chúa nhân từ đã cứu vớt bao nhiêu người, không lý lại bỏ rơi chàng? Một con chiên vừa mon men đến cổng nhà thờ, nhưng rất siêng năng trong việc cầu nguyện hằng đêm, dù câu cầu nguyện chàng có lỡ thêm vào một đoạn: Lạy chúa cho nàng đừng đi tu! Chúa sẽ thương yêu và cứu giúp chàng, để cuộc sống thêm vào một mảnh đời hạnh phúc. Và nàng, chưa kịp làm việc tông đồ để giúp đỡ mọi người mà đã làm khổ một người sao đành? Nhất là người đó lại là chàng, ông *chú* hiền lành như nàng hằng nghĩ. Phải thế không?

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN

M.D., F.A.C.S.

*** Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát (American Board of Surgery).**

*** Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).**

*** Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ (Fellow, American College of Surgeons).**

*** Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).**

CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU

** Các bệnh trĩ và mạch lương bằng tia laser ít đau, mau bình phục*

** Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột*

** Sạn túi mật, vàng da, đau bụng*

** Tầm ung thư ở vú và ngực*

** Các loại bướu ở đầu và cổ*

** Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác*

** Tiểu giải phẫu : Cắt qu. đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,*

** Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá*

** Soi đường ruột.*

MAGNOLIA CLINIC

14571 Magnolia St, Suite 207, Westminster CA 92683

By Appointment Only : (714) 898.1177

BUỒN KHÚC

Nguyễn Tất Nhiên

buồn ơi...
tôi bỏ tôi chìm đắm
trong tiếng làm thinh của ghế bàn
ghế bàn không sẻ chia sầu thảm
nhưng biết làm thinh lặng cảm thông
bàn ghế đâu như người vui nhảm
tọc mạch đời nhau để miệng mồm
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
chịu đựng đời không biết thở than
buồn ơi...
tôi bỏ tôi tàn lụn
lạy đời xin một bận ngó lơ
lần té nặng này tôi muốn giữ
cho tim đừng hối hận trèo cao
lần té nặng nầy tôi muốn sống
buồn ơi, tôi muốn hôn đời sống
dù môi nhầu nứt nẻ thương đau
buồn ơi...
tôi bỏ tôi ngây dại
có phải thu bồn chở tóc ai
có phải lần run tay vuốt đại
là lần đời biết thứ tha tôi
có phải lần xin tay nắm...đại
là lần té gập dưới bàn tay?
buồn ơi, tôi muốn dâng đời sống
một đóa hồng đau đớn tuyệt vời!
buồn ơi...
tôi bỏ tôi rời rã

bất lực làm sao trước cuộc đời
ừ nhỉ, trước giờ tôi chiến đấu
cho niềm bất lực buổi hôm nay!
ừ nhỉ, bây giờ tôi mới biết
ghế bàn nên kính trọng như thầy
bàn ghế dạy tôi điều nhẫn nhục
dạy tôi bình thản thứ tha đời
bàn ghế có bao giờ bất lực
có bao giờ biết đợi trông chi
buồn ơi, tôi muốn như bàn ghế
thương đời như thể bỉ khinh thôi!
buồn ơi...
tôi bỏ tôi gần chết
tay đời bít lối chẳng ngưng tay
u đầu sứt trán lao vào vách
tội tình tôi sao nặng thế này?
buồn ơi...
trong đám đông tàn nhẫn
một người chứng kiến đủ cho tôi
nhờ ai, tôi đã thành tâm nhẫn nhờ ai,
tôi phục dưới chân đời
buồn ơi, tôi muốn như dòng lệ
cay đời như kẻ thích ăn cay!
buồn ơi...
tôi có tôi-bàn-ghế
nguyện hiến dâng cho đời một tấm lưng

Nguyễn Tất Nhiên
(Westminster, 13-01-88)
trong tập *Tâm Dung*, Người Việt xuất bản

TỪ BỐN MƯƠI NĂM TRƯỚC

Nguyễn Đức Lập

Bà Giáo Thể, ngồi ở hàng ba, lau lá chuối, chuẩn bị gói bánh ít. Đây là một công việc dễ dàng và đơn giản, nhưng bà làm một cách chăm chú và cẩn thận. Bà ngồi trên một cái ghế đòn, xây lưng vô vách. Trước mặt bà là một cái vịm nước nhỏ. Phía tay mặt bà là một xấp lá chuối xanh mướt. Xấp lá chuối nầy, bà đã cặm cụi rọc suốt buổi chiều hôm qua, bên vườn cô hai Xiêm. Bà lấy một miếng lá chuối, để lên một tấm ván nhỏ. Bà nhúng miếng giẻ màu trắng vô vịm nước. Bà vắt miếng giẻ cho ráo nước. Bà lau miếng lá nhẹ nhàng nhưng kỹ lưỡng. Lau xong một mặt, bà lật miếng lá lại, lau mặt bên kia.

Ngày mai là ngày giỗ đầu tiên của ông Giáo Thể. Hồi còn sinh tiền, ông Giáo Thể ưa ăn bánh ít khoai mì nhưn dừa. Ông rất khó tính, đòi hỏi phải làm sao khi lột lớp lá ra, cái bánh phải có màu nâu lợt, sáng trong và lớp nhưn phải trắng bong. Ông ghét nhất là những cái xơ khoai mì còn lợn cợn trong bánh.

"Đám giỗ đầu của ổng, thiếu cái gì thì thiếu, nhưng không thể thiếu món bánh ít khoai mì...ờ, mà cũng không thể thiếu mấy chùm mận trắng được..."

Bà Giáo Thể, vừa nghĩ tới đó, vừa ngó lên cây mận trước sân. Bà hài lòng khi thấy mấy chùm mận, trái nào trái nấy no tròn, vẫn còn nguyên. Mấy chùm mận nầy, bà đã phải theo giữ kè kè suốt cả tuần nay.

"Đám con của con Hai mà nhập với đám con của thằng Ba, thiệt là một lũ "quỉ phá nhà chay". Mỗi lần mà tụi nó tụ lại, cây trái trong

vườn khốn khổ liền một khi. Rầy thét bắt mở miệng. Nhưng, nghĩ cho cùng, rầy tụi nó làm chi cho tội nghiệp. Con nít mà, đứa nào lại không phá. Làm sao mà bắt tụi nó khoanh tay ngồi im một chỗ như hình cây tượng đá cho được. Lại nữa, thời buổi nầy, tụi nó đâu còn cái gì để mà chơi. Miếng ăn miếng uống lo cho tụi nó còn chưa đủ...Chỉ có đám con của thằng Tư là mủ mỉ mù mì. Nhưng, tụi nầy giống con gái mẹ nó, "lụt lịt mà một chín một mười", chớ không phải là cái thứ "hay nói hay cười mà trợt lớt trờn lơn". Đám con thằng Tư, đã không ra tay thì thôi, một khi đã ra tay, thì thiệt là thần sầu quỉ khốc. Ai dè được tụi nó lấy dây thun ràng vô mỏ của con chó Lulu. Con chó bông xù, sợi dây thun nằm sâu dưới lớp bông, không ai thấy được. Con chó ngồi ngó dĩa xương cá vụn, chảy nước mắt, kêu ư ử trong cổ họng. Không ai biết tại sao con chó lại bỏ ăn. Còn tụi nó hả? Tụi nó vỗ tay cười..."

Bà Giáo Thể lại nhìn ra cây mận một lần nữa. *"Cây mận nầy do một tay ổng ươn hột, rồi hạ thổ đây mà. Ổng chết một năm rồi, nó mới chịu ra trái chín. Cũng may là trái chín kịp vô ngày đám giỗ của ổng. Ngó thấy mấy trái mận, chắc ổng cũng được vui lòng nơi chín suối..."*

Cô Hai Ngọc Sương ngồi bào dừa kế một bên bà Giáo Thể. Cô hơi ái ngại khi thấy mẹ, tuy vẫn đều tay lau lá chuối, mà hồn vía coi bộ để tận ở đâu đâu. Cô độ chừng trong bụng rằng mẹ cô vừa làm việc vừa nhớ đến những kỷ niệm đối với người cha quá cố của cô. Cô tằng hắng một tiếng lớn rồi kiếm điều gợi chuyện với mẹ:

- Coi bộ mấy cái lá chuối hồi nầy không được tốt mấy, phải không má? Tàu nào tàu nấy te tua như áo rách, khó kiếm được một miếng lành lặn đặng gói cho trọn cái bánh.

Bà Giáo Thể lắc đầu một cái. Bà định thần một chút để nhớ kỹ coi cô Hai Ngọc Sương vừa nói cái gì. Bà bâng quơ:

- Con nói cái gì...mấy tàu lá chuối?

Cô Hai Ngọc Sương cười nửa miệng:

- Dạ, cái nào cũng rách te tua.

Bà Giáo Thể chắt lưỡi:

- Thì nhằm mùa gió mà, con. Người ta nói "gió đưa bụi chuối te tàu" mà. May mà đám chuối của cô Hai Xiêm nằm ở chỗ khuất gió nên mình còn rọc được ba mớ.

Bà bỗng thở dài ngang, rồi chép miệng:

- Nghĩ cho ba con cũng ngộ. Ổng khoái mùa gió, vậy mà ổng trúng gió chết không kịp cứu.

Nghe mẹ nhắc tới cha, cô Hai Ngọc Sương vội lái qua chuyện khác:

- Ngày mai, má có mời cô Hai Xiêm không vậy?

Bà Giáo Thể thở dài một lần nữa:

- Có cao lương mỹ vị, mâm cao cỗ đầy gì đâu mà mời, con.

Cô Hai Ngọc Sương coi bộ muốn làm tài khôn:

- Ai mình không mời được, chớ cô Hai Xiêm dù không có tiếng mời, thế nào cũng chạy qua. Thà là mình có tiếng nói trước để cho cổ khỏi mích lòng.

Bà Giáo Thể gật gù:

- Cổ đâu có để cho mình kịp mời. Hồi sớm mơi, mới gặp mặt má, cổ đã nói rồi. Cổ nói cổ sẽ làm một, hai món gì đó đặng đem qua cúng cha con.

Giọng bà Giáo Thể bỗng trở nên ngậm ngùi:

- Nghĩ cho cùng, ông Trời cũng thiệt là bất công. Hiền lành, tốt bụng như cô Hai Xiêm cớ sao lại lận đận tình duyên, gia đạo không tròn?

Bà Giáo Thể nói tới đây, khiến cho cô Hai Ngọc Sương động lòng. Nói theo cái điệu của bà, chắc mấy người đờn bà mà lận đận tình duyên, gia đạo không tròn, phải là cái thứ dữ dằn, "thả chiếu trôi lên, thả mền trôi xuống"...và, cái đám con, dâu nhà nầy đều là cái thứ dữ dằn như vậy hết. Chồng của cô, hai em trai của cô đều bị bắt đi cải tạo hết ráo, hơn tám năm có lẻ vẫn chưa thấy ngày về. Không phải là gia đạo không tròn thì là cái gì? Cô và hai cô em dâu, "đêm nằm một bụng thở dài" suốt chừng bấy tháng năm, có chồng mà cũng như ở giá, không phải tình duyên lận đận thì là cái gì?

Cô có vẻ hậm hực:

- Chắc chị em tụi con bị trời trả báo.

Bà Giáo Thể liếc qua cô Hai Ngọc Sương. Ngó thấy bộ mặt cau có của cô, bà mỉm cười. *"Nói chuyện thiên hạ, sao tự nhiên lại động tới mối thương tâm của nó làm chi vậy kìa? Thiệt thấy tụi nó cũng tội nghiệp, một đứa con ruột, hai đứa con dâu, đứa nào đứa nấy cũng còn xuân mơn mởn, vậy mà chồng một nơi, vợ một nẻo"*

Bà Giáo Thể cúi mặt xuống,làm bộ quan sát tỉ mỉ tấm lá chuối. *"Cũng may, đứa nào đứa nấy đều biết giữ cái đạo vợ nghĩa chồng. Không có đứa nào lộn nòi tháo ống, đánh đôi đánh đọ đi ngang về tắt, hốt tro hốt trấu vải vô bàn thờ ông già tụi nó".*

Bà cất giọng hiền hòa:

- Hai à, má nói đây là nói cho hoàn cảnh của cô Hai Xiêm, chớ má khôn có ý xiêng xẹo gì tới con hết. Con đừng có tự nhiên mà quơ vô mình rồi sinh buồn, sanh giận.

Cô Hai Ngọc Sương chưa kịp nói gì thì chợt nghe một tiếng cười lớn ở sau lưng.

Cô Tư Tùng, con dâu út của bà Giáo Thể, một tay bưng rổ khoai mì, một tay cầm cái bàn bào, xăng xái bước tới. Cô ngồi xuống bên cạnh bà Giáo Thể, giọng cô có hơi chua, chớ không được thanh thao như giọng cô Hai Ngọc Sương:

- Thấy má với chị Hai ngồi ngoài nầy, con cũng xách ra đây làm cho vui.

Bà Giáo Thể vui vẻ:

- Ừ, mài khoai mì con phải để ý một chút. Ba con ổng không ưa mấy cái xơ khoai mì còn lợn cợn trong bánh.

Cô Tư Tùng dạ một tiếng nhỏ, rồi cặm cụi mài khoai. Cô nói là "ra đây làm cho vui", nhưng cô làm thinh làm thế, bậm môi trợn mắt đẩy củ khoai mì tới lui trên cái bàn bào. Cô vô vốn ít nói.

Bà Giáo Thể, dường như, chợt nhớ ra một điều gì:

- Ở, ngày mai dám có chú Năm mấy con về dự đám giỗ...

Cô Tư Tùng ngưng tay. Cô Hai Ngọc Sương hỏi mau:

- Sao má biết?

Bà Giáo Thể trả lời hưởn đãi:

- Chú Năm có viết thơ cho má. Má tính nói cho mấy con biết, nhưng lụi hụi cứ quên hoài.

Hai mắt cô Hai Ngọc Sương quắc lên. Cô cười lạt một tiếng, rồi gay gắt:

- Chú về đây làm gì? Chú vô trong nầy, ngồi ở địa vị cao lúc ba còn sống. Năm, sáu năm trời, chú không bước chưn về cho ba thấy mặt. Bây giờ, ba chết rồi, chú còn trời đầu về đây làm gì? Tình nghĩa gì đó mà về? Anh em ruột mà cư xử với nhau đâu khác thể người dưng...

Bà Giáo Thể cau mày. Bà hít một hơi dài. Bà tính sẽ giải thích dài dòng cho cô Hai, nhưng không biết nghĩ sao, bà nói gọn:

- Con đừng có giận dỗi quá mà sanh ra nóng nảy, nói một hồi thành ra hổn. Chuyện nầy là chuyện của người lớn. Ba con chết rồi, còn có má. Tuy là đờn bà nhưng má cũng biết phải day trở ra sao.

Cô Hai Ngọc Sương vẫn còn tức bực:

- Chuyện gì giữa ba với chú Năm, con không cần biết tới. Nhưng, chú đã không ngó ba. Tới chừng ba chết, chú cũng không thèm về dòm cái quan tài của ba, ném cho ba một cục đất. Bây giờ, mắc mớ gì mà về?

Bà Giáo Thể dõng dạc:

- Má cũng muốn gặp mặt chú Năm một lần...

Cô Tư Tùng chớp mắt. Cô nhỏ nhẹ, nhưng giọng cô vốn đã chua, lại trở nên chua hơn:

- Con là con dâu. Cái chuyện gút mắc trong gia đình nhà chồng, con không có quyền bàn xen vô...Con chỉ xin má có một điều...

Bà Giáo Thể chận lại:

- Từ trước tới nay, má vẫn con con như con gái của má. Chị Hai vẫn coi con như em ruột. Con dâu phải người ngoài mà không có quyền bàn chuyện gia đình.

Cô Tư Tùng không để ý tới lời của mẹ chồng. Cô nói tiếp những điều còn lở dở:

- Con chỉ xin một điều...là....tiếp chú Năm là chuyện của má. Má đừng kêu con ra chào hỏi chú làm chi. Chồng con còn ở tù. Cha của mấy đứa con của con còn ở tù. Con không chào hỏi chú được.

Giọng cô trở nên chắc nịch:

- Lẽ ra, có mặt chú trong nhà, con không nên dắt tụi nhỏ về đây. Nhưng, đám giỗ đầu của ba mà con không về thì thiệt là lỗi đạo...

Bà Giáo Thể nhìn sững đứa con dâu. *"Thiệt đúng là cóc mở miệng. Ngoài mặt nó coi bộ hiền lành mà sao trong bụng nó chắc như vậy kìa? Mà làm sao trách nó được. Chồng nó bị bắt đi cải tạo, mà bây giờ bắt nó ra chào hỏi, xưng con xưng cháu với cán bộ cấp cao, làm sao nó vừa dạ. Tuy nó là dâu con, nhưng làm sao ép bụng nó được..."*

Bà Giáo Thể thở dài:

— Các con muốn sao, má để mặc tình mặc ý các con. Nhà mình, hồi trước tới giờ, trên kính dưới nhường đã quen. Má có cái ý của má. Má không thể đem cái ý riêng ra mà rúng ép các con được....

*

* *

Người đàn ông khựng lại khi bà Giáo Thể nói:

- Chú cũng nên vô thắp cho anh chú một cây nhang.

Bà Giáo Thể nói bằng thái độ hết sức nghiêm trang. Mặt bà lạnh lẽo, hai mắt bà sáng rực. Cái vẻ niềm nở, vui vẻ mới rồi của bà đã biến đâu mất tiêu. Bà nhắc lại như ra lịnh:

- Chú Năm, chú vô thắp cho anh chú một cây nhang.

Năm Lâm, tên người đàn ông, em ruột của ông Giáo Thể, riu ríu bước tới trước bàn thờ anh.

Bà Giáo Thể đứng bên góc bàn thờ, bà rút một cây nhang, đưa lên ngọn đèn cầy đang cháy sáng. Bà lấy tay quạt tắt ngọn lửa trên đầu cây nhang rồi mới đưa cho Năm Lâm.

Năm Lâm cầm lấy cây nhang, hơi ngần ngừ một chút. Lão tính xá

qua loa lấy lệ, nhưng ánh mắt của bà Giáo Thể làm lão rùng mình. Lão xá ba xá, cúi đầu thiệt thấp.

Lão vừa ngước mặt lên, bà Giáo Thể chỉ tay vô bàn thờ cha chồng. Giọng bà sắc lạnh:

- Gần bốn chục năm rồi, chú chưa thắp cho ba một cây nhang. Hồi ba nằm xuống, chú ở cách có một con sông, vậy mà dây rơm mũ bạc của chú không có người đội.

Năm Lâm cúi mặt. Lão có cảm tưởng như bà Giáo Thể đang thay mặt những người đã chết trong gia đình lão mà trách cứ lão.

Lão bước lại bàn thờ cha như một cái máy. Lần nầy, tự tay lão lấy nhang...

Bà Giáo Thể ra ngồi ở trên cái di-van. Bà chỉ tay mời chú Năm Lâm ngồi vào cái ghế cạnh bàn nước.

Năm Lâm nhìn một vòng quanh nhà. Lão ngạc nhiên khi thấy nhà cửa vắng hoe. Lão ngập ngừng:

- Bữa nay đám giỗ của ảnh mà sao tụi nhỏ không có đứa nào về?

Bà Giáo Thể dõng dạc:

- Tui đuổi tụi nó về hết rồi. Bữa nay, chú về đây. Chuyện của người lớn, không nên để tụi nó biết làm gì.

Thiệt ra, bà Giáo Thể vừa nói láo. Cô Hai Ngọc Sương, sau khi bàn thảo với cô Ba Hòa và cô Tư Tùng, đã đề nghị với bà Giáo Thể là nên cúng sớm. Sau đó, cả ba cô đã dắt hết đám con, dọn hết thức ăn qua nhà cô Hai Xiêm...

Năm Lâm nói nhỏ:

- Tôi về đây là để cúng anh và thăm chị với mấy cháu.

Bà Giáo Thể cười lạt:

- Cám ơn chú. Tiếc rằng anh chú đã không còn.

Giọng bà mỉa mai, cay đắng:

- Chú đợi tới ngày giờ nầy mới về là phải lắm rồi.

Năm Lâm có vẻ bối rối:

- Bộ chị muốn nhắc lại chuyện xưa...

Bà Giáo Thể chậm rãi:

- Tui già rồi, lại là phận đờn bà, chuyện thời thế bây giờ, tui biết gì mà nói. Vã lại, tui với chú, gần bốn chục năm không gặp, không nhắc chuyện cũ để nói với nhau thì nói chuyện gì bây giờ?

Năm Lâm bỗng trở nên tức bực ngang xương. Sắc mặt của lão chợt tái lại. Gã đứng dậy, đi qua đi lại, hầm hừ:

- Người cần nhắc tới chuyện cũ là tôi đây nè, chớ không phải là chị. Chị sướng quá mà. Cái nhà hương hỏa từ đường nầy, chị ở từ hồi mới

bước chưn về làm vợ anh Hai, cho tới ngày giờ nầy. Chị có bị đánh đuổi ra khỏi nhà như con chó như tui vậy đâu. Chị có bị cấm chỉ bước chưn léng phéng về tới hàng rào như tui vậy đâu.

Bà Giáo Thể cười nhẹ:

- Đó, chú thấy chưa? Nỗi hậm hực còn ấp lẫm trong bụng chú. Tui không nhắc lại chuyện cũ làm sao mà chú nói ra cho hết được.

Giọng bà trở nên ngậm ngùi:

- Hồi đó, tóc chú đen mướt rậm rì, chớ đâu có cùi cục mà bạc trắng như bây giờ. Da dẻ chú cũng vậy, hồng hào láng lẫy chớ đâu có mét chằng mét ưởng như vầy.

Năm Lâm quắc mắt:

- Chị nói như vậy là có ý gì? Bộ chị muốn nói rằng tui đem cái thân tàn ma dại về mà triển lãm trước mắt chị đây sao? Bộ chị quên rằng tuy không được thảnh thơi ngồi một chỗ, hưởng nhàn suốt mấy chục năm như anh chị, nhưng tui đã làm được những điều mà tui muốn sao? Chỉ vì những điều mong muốn đó mà tui đã bị anh Hai đánh đuổi ra khỏi nhà. Lại còn bị ba hùa theo anh Hai mà cấm tui không được bén mảng về tới hàng rào.

Năm Lâm càng nói càng giận dỗi kịch liệt. Lão vung tay giậm cẳng đùng đùng. Bà Giáo Thể vẫn điềm tỉnh. Mặt bà không lộ một chút xúc động nào. Bà còn lấy một miếng trầu, bỏ vô miệng, nhai chóp chép.

Năm Lâm chỉ vô mặt bà Giáo Thể:

- Cả chị cũng vậy. Anh Hai vác đòn gánh đánh tui, cũng có mặt chị ở đó mà. Chị có thèm hé miệng can được một tiếng nào đâu.

Bà Giáo Thể vói tay lấy cái ống nhổ. Bà cười nửa miệng, không thèm nói một câu.

Năm Lâm lại đi tới đi lui một hồi. Không biết tại sao, tự nhiên, lão khe khẻ thở dài. Giọng lão trở nên nhỏ nhẹ:

- Xin lỗi chị. Lẻ ra tôi không nên giận dữ với chị. Hồi đó, anh Hai ảnh không nhìn ra được sự biến chuyển của bánh xe lịch sử, ảnh không thấy được yêu cầu của cuộc cách mạng vô sản. Ảnh vẫn nắm níu lấy ba cái tư tưởng phong kiến lạc hậu. Bởi vậy mà ảnh mới cư xử tàn tệ với tôi.

Giọng lão càng lúc càng lớn hơn:

- Bây giờ thì rõ ràng rồi đó, bánh xe lịch sử chuyển vận và nghiền nát tất cả những trở ngại trên đường. Cuộc cách mạng vô sản thành công. Tui là thằng con bị coi là ngỗ nghịch trong gia đình, nhưng đối với đất nước....

Bà Giáo Thể nhỏ nhẹ:

- Chú muốn nói rằng chú có công lớn với đất nước, phải không? Chú muốn về đây nói trước bàn thờ của anh Hai chú điều đó, phải không? Tại sao chú không nói với ảnh lúc ảnh còn sống? Chú về đây, năm, sáu năm sau ảnh mới chết mà.

Bà Giáo Thể hỏi luôn một hơi. Giọng bà không gay gắt, mặt bà vẫn hưỡn đãi, nhưng khiến cho Năm Lâm bối rối. Bà Giáo Thể vẫn nói bằng một giọng đều đều:

- Chú nói anh chú là phong kiến lạc hậu. Cái gì là phong kiến lạc hậu? Giữ cái đạo lý làm người là phong kiến lạc hậu à? Dạy cho em út, con cái biết hiếu, biết để, biết kính, biết nhường là phong kiến lạc hậu à? Giữ cho gia đình nề nếp, có trên có dưới là phong kiến lạc hậu à? Anh chú là thầy giáo mà. Ảnh đâu có thể dạy cho học trò trở thành "vô phụ vô quân"

Đôi mắt Năm Lâm rực lên. Bà Giáo Thể không để cho lão kịp phản ứng. Bà nói tiếp liền:

- Nhờ ảnh dạy dỗ, mà nhà nầy hôm nay mới còn thuận thảo, êm ấm như vầy. Dâu, con của tui biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Trong khi bao nhiêu gia đình khác đã tan nát hết rồi. Anh Hai của chú là người tầm thường lắm. Ảnh không có cái chí tranh bá đồ vương gì hết, ảnh chỉ muốn giữ cái đạo lý làm người. Ảnh lại làm thầy giáo, ảnh giữ cái đức của ông thầy.

Bà Giáo Thể đứng dậy. Bà lại bước lại gần cái bàn. Bà rót một ly nước và cầm đưa cho Năm Lâm:

- Chú uống vài hớp nước cho khỏe.

Năm Lâm lúng túng cầm lấy ly nước. Bà Giáo Thể trở lại, bỏ bộ ngồi thiệt gọn lên mặt đi-van. Bà cười cười:

Bị chú nói, tôi mới nói. Hồi ảnh còn sống, chú về đây thăm gần hết cả làng, mà không có ghé vô nhà nhìn mặt ảnh tui không có thắc mắc. Ba chú chết, ở cách sông mà chú không thèm về mà, hà huống gì là anh chú. Nhưng, ngày hôm nay chú về, tui mới thắc mắc. Có phải là chú đợi tới cái lúc ảnh không còn mở miệng được, chú mới về để nói cái sự thành công của chú hay không

Đôi tròng mắt của Năm Lâm xoay đảo thiệt mau. Lão lúng túng:

- Tôi...tôi....tôi nói rồi, tôi về là để thăm chị với mấy cháu.

Bà Giáo Thể không cười nữa. Giọng bà lạnh lùng:

- Cái chuyện thăm viếng, từng nầy tuổi rồi, tui cũng hiểu mà. Tự bụng chú, chú cũng hiểu mà. Ngày hôm qua, con Hai nó nói là tình nghĩa gì nữa mà thăm với viếng, tui đã rầy nó hổn. Nhưng, không phải là nó nói không có lý.

Bà Giáo Thể chỉ tay vô bàn thờ của chồng, bàn thờ của cha mẹ chồng:

- Nhà nầy là nhà từ đường hương hỏa của dòng họ chú. Nếu trong thâm tâm chú, chú coi là chú đã thành công trong chí hướng, đã có công lớn với đất nước, tại sao chú không về cáo từ đường ngay khi chú trở về Nam liền đi? Hay bây giờ, tại sao chú không làm đi? Đợi tui nhắc chú mới cầm tới cây nhang.

Bà buông thỏng một câu:

- Thành công hay thất bại, tự bụng chú, chú biết mà.

Năm Lâm ngồi phịch xuống ghế. Lão có cảm tưởng như bà chị dâu của lão đã chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ nầy lâu lắm rồi. Lão lắp bắp:

- Chị...chị...chị đừng có coi tui như người thù...

Bà Giáo Thể cướp lời:

- Nếu coi chú như người thù thì nảy giờ tui làm thinh. Mấy chục năm trời, tui cứ nghe anh Hai chú nói đi nói lại hoài. Ảnh nói tuy chú với ảnh, đường ai chí nấy, nhưng lúc nào chú cũng la em của ảnh...

Năm Lâm cúi mặt thở dài. Bà Giáo Thể ngó chăm vô mặt Năm Lâm, gằn giọng:

- Chú có biết anh chú nói cái gì khi ổng sắp mất không?

Không đợi cho Năm Lâm kịp hỏi, bà trả lời luôn:

- Ảnh nói, cách mạng mà như vầy, gần bốn chục năm đeo đuổi cách mạng, nó làm sao dám ngó mặt tui...Anh Hai chú có hiểu bụng chú không? Chú nghĩ lại đi.

Nói tới đây, hình như động mối nhớ chồng, bà Giáo Thể rươm rướm nước mắt:

- Nhắc tới chừng nào, tui thương anh chú chừng nấy. Tui mà còn ráng sống đây là vì còn một đám dâu, con có chồng mà như ở giá, còn một đám cháu nội, cháu ngoại không có cha...

Nước mắt chảy dài. Bà bệu bạo:

- Chú còn hờn giận anh Hai chú lắm. Nhưng, tự bụng chú, chú cũng phải biết mà. Hồi đó, mười bảy, mười tám tuổi, chú có thể không biết. Chớ bây giờ, gần sáu chục tuổi rồi, không lẽ chú nhìn không ra là cái chuyện anh Hai chú đánh đuổi chú với cái chuyện chú đi làm cách mạng nó không ăn nhập gì với nhau hết.

Năm Lâm xuôi xị:

- Thôi, tôi đã không muốn nhắc lại chuyện cũ nữa rồi. Chị cũng không nên...

Bà Giáo Thể vẫn chưa chịu im:

- Đã nói thì nói cho hết. Chú đem truyền đơn về dấu trên chái bếp,

Thường Quán

Chiều

Chiều hơi muối khan khan kiệt quệ
Rừng yếu thưa truồn ra bãi đuối một mình
Giòng nước cạn in xám trời mây vảy
Gió tê tê phủ phục đất cầu xin
Núi đá lầm lầm tổ tiên quay mặt
Chẳng đến đâu bụi cát hài hình
Đã trốc rễ, vùi cỏ tốc bay lăn lóc
Hố chân trời mở họng mây im
Từng trận thổi ầm ì gió trắng
Xuyên thốc rừng than dựng ngược mắt hỏi tìm
Màu quê quán, phần hương tin tức
Vùi cỏ bay tròn cuộn, bãi dấy lên
Lốc cuốn như nghìn vó ngựa đạp nhầu lên mộ phẳng
Vồng xương đau mấy lắm cũng làm thinh
Chỉ mắt ngó theo tới hết đàng sau hao hút
Biết đâu chẳng hiện một ảnh hình
Chiếc ráng chiều một người đi trẩy cỏ

Thường Quán

nửa đêm nửa hôm, chú đi tiếp tay cho thằng Tư Cội đốt lắm lúa của ông Chủ Thìn, tui biết hết, tui có mét với anh chú hết, nhưng ổng đâu có đánh chú cái nào, ảnh chỉ khuyên chú nên suy nghĩ kỹ trước khi ra tay....Ảnh đánh chú la vì...

Năm Lâm ôm đầu, rên rỉ:

Bà Giáo Thể tàn nhẫn, giọng bén như dao xắt chuối:

- Chú không đợi lịnh mẹ cha, vụng trộm với con gái của Tám Hóa, con nhỏ có thai, chú lại nói chú mắc đi làm cách mạng, chú không chịu cưới. Con Hai Thơm thắt cổ tự tử, một mạng thành hai. Tám Hóa uống say, nhảy xuống sông chết theo con. Anh Hai chú đánh đuổi chú là vì chú vin vô cái cớ cách mạng để phụ bạc, hại chết hai mẹ con con Hai Thơm và Tám Hóa...

Mặt Năm Lâm xanh ngắt không còn một hột máu, như người chết rồi.

Giọng bà Giáo Thể vẫn sắc lẻm bên tai Năm Lâm:

- Cũng như thằng Tư Cội. Nó lén xúc lúa của ông Chủ Thìn đem bán, lấy tiền tổ chức nhậu nhẹt, đờn địch ca xang. Ông Chủ Thìn đánh nó vì tội ăn trộm. Nó bỏ đi làm cách mạng, về đốt lẫm lúa của ông Chủ Thìn. Bây giờ, nó về ngồi cao ở tỉnh. Nó về đây, nó lấy chưn đạp lên mộ bia của ông Chủ Thìn. Cách mạng là vậy đó sao, chú?

Bà Giáo Thể bỗng giận dữ, bà đập tay lên mặt đi-van đùng đùng. Bà hét lên ong óng:

- Có phải ngày giờ nầy chú tính về đây là để lấy chưn đạp lên mộ bia của chồng tui không? Chú tưởng tui là đờn bà, tui không nhìn ra bụng dạ của chú à. Chú có giỏi sao không ra đạp lên mộ bia của con Hai Thơm, của Tám Hóa kìa. Họ chết tức chết tưởi quá mà...

Bà Giáo Thể bật khoc lớn. Dường như những điều bà vừa nói, vừa làm, đã quá sức chịu đựng của bà.

Năm Lâm bật khóc theo. Nước mắt chảy dài trên đôi gò má nhăn nheo của lão. Lão cố dằn tiếng nấc:

- Em hiểu hết, chị Hai à. Chị nói đúng, em phải đợi anh Hai chết rồi, em mới dám về. Em về để xin chị bao dung, tìm một chỗ đứng ở trong nhà từ đường, chớ không phải về để lên mặt bỉ thử với hương hồn của anh Hai đâu.

Bà Giáo Thể chỉ tay ra ngoài sân:

- Một bầy cháu con của chú đang ở cách hàng rào kia kìa. Tụi nó có ra nhìn mặt chú hay không là tùy ở bụng chú.

Không biết nghĩ sao, Năm Lâm bước tới trước bàn thờ ông Giáo Thể. Lão thắp ba cây nhang, cắm lên bát nhang. Lão quì xuống. Mặt lão cúi gằm. Hai vai lão rung rung...

Nguyễn Đức Lập

GIỮA NHỮNG HÀNG GHẾ TRỐNG

Trân Sa

Thuở nhỏ tôi lấy ý đâu đó trong một cuốn sách và tự đặt cho mình một trò chơi gọi là "phát huy lòng trắc ẩn". Tôi chơi trò này với rất nhiều đứa con trai mới lớn. Nhất là những đứa tính tình nhút nhát, yếu đuối, có mặc cảm gì đó. Tôi có chiếc miệng rất đẹp có thể nở những nụ cười thật quyến rũ cùng đôi mắt nhìn vừa tinh tế vừa làm lúng túng người đối diện. Cộng với khả năng nói láo rất có duyên, tôi làm bọn thanh niên cùng tuổi chết mệt vì tôi.

Bây giờ tôi đã là một người đàn bà ba mươi tuổi, thỉnh thoảng tôi vẫn còn chép lại những cái tên người từng có mặt trong trò đùa "phát huy lòng trắc ẩn" thành một danh sách khá dài. Có những cái tên không gợi lên một điều gì cả trong lòng tôi. Nhưng cũng có vài cái tên làm tôi mơ màng nhớ, tự hỏi họ bây giờ đang ở đâu, đang sống thế nào... Một cách chủ quan, tôi thường nghĩ rằng người nào đã yêu tôi sẽ không bao giờ yêu vợ một cách toàn hảo. Tôi là một bóng mây không bao giờ bay khỏi trí nhớ họ. Thứ bóng mây làm tối đi tâm hồn họ mỗi khi một điều gì đó làm họ nhớ đến tôi. Có thể chỉ là một chiếc lá, một cơn mưa, một cơn bão nhỏ, một cành hoa trắng, hoặc chỉ là một viên sỏi, một hạt cát vướng trong kẽ tay... Đó là xảo thuật của tôi, tôi chỉ cần tặng họ một sợi tóc mỏng cùng với một nét nhìn u uẩn, họ sẽ nhớ tôi suốt đời.

Dạo đó tôi thích ban tặng kỷ niệm. Tôi nghĩ đời người không có một tình yêu đẹp (sẽ tan đi như bọt nước) thì vô vùng uổng phí. Người

ta cần phải có một cái gì để nhớ. Tôi muốn làm giàu quá khứ của mỗi người con trai tôi quen biết. Và đó là hành động thể hiện lòng trắc ẩn của tôi.

Tôi dẹp trò chơi ấy khi khám phá ra càng ngày tôi càng có nhiều kẻ thù. Những kẻ thù rất hiền lành. Họ trả thù tôi bằng ánh mắt nhiều hơn bằng lời nói. Một người bạn gái cũng đã từng nói như một lời tiên tri *"bà sẽ bị quả báo"*. Rất bướng bỉnh, tôi trả lời người bạn tôi rằng tôi chỉ ban cho, tôi chưa hề đòi nhận gì cả ở ai. *Nếu tôi có lỗi gì, với ai, có lẽ chỉ bởi vì khi họ cho, tôi không muốn nhận.*

N. đến với tôi với sự nghi ngờ. Chàng không bao giờ tin rằng tôi thành thật với chàng mặc dù đối với N. tôi vô cùng thành khẩn. Tôi yêu N., không có một tí gì gọi là trò chơi, là sự phát huy lòng trắc ẩn. Nhưng mà giữa tôi và N luôn luôn có một khoảng cách dù vô hình vẫn rắn như đá, cao như núi: đó là quá khứ của tôi. N. kiêu ngạo tột đỉnh, tôi tự ái ngất trời, hai đứa không kẻ nào chịu làm kẻ bước tới để xô ngã cái khoảng cách đó. *Chúng tôi là đôi tình nhân ngu xuẩn nhất trần đời.*

"Anh không muốn là cái tên kế tiếp trong danh sách trò chơi của em"

"Danh sách đó đã chấm dứt trước khi anh đến. Cái tên của anh đứng một mình. Có lẽ không có ai tiếp theo đâu."

"Tại sao lại có lẽ?"

"Có lẽ, bởi vì nó còn tùy thuộc vào anh. Em đâu phải là thượng đế để xác quyết...chân lý. Anh để ý từng chữ em dùng, như vậy bất cứ điều gì anh cũng có thể bắt bẻ em được."

"Làm sao anh tin được vào một lời nói không có sự khẳng định của một người luôn luôn không tự tin ngay với chính những lời nói của chính mình."

"Khi người ta không yêu thì người ta không tin"

"Anh không tin em nhưng mà anh tin anh. Anh tin là anh-yêu-em (không có chữ có lẽ)

"Làm sao người ta yêu một người mà người ta thiếu tin tưởng?"

"Vẫn có thứ tình yêu đó. Nếu không thì chẳng có ai đau khổ vì tình."

"Tình yêu thật sự không có đau khổ. Tình cảm gây ra đau khổ là một sản phẩm giả tạo của tình yêu."

Vân vân...

Cả hai chúng tôi đều mệt mỏi sau hai năm hẹn hò với những mâu thuẫn. Nhưng chưa người nào có can đảm nói trước lời giã biệt. Có thể sẽ là N. chứ không phải là tôi. Tôi nghĩ N. yêu tôi, nhưng không

nhiều đủ. Chỉ cần nhìn thấy tôi đứng bên cạnh một người đàn ông nào không phải là N, chàng cũng bắt đầu điên tiết lên và buộc cho tôi cái tội tôi chưa bao giờ phạm với chàng. Còn tôi có yêu N. hoàn toàn như tôi luôn luôn nghĩ không, có lúc tôi cũng còn phân vân tự hỏi lòng mình. Nếu có, thì tôi đã chấp nhận được sự đòi hỏi vô lý của chàng mà trốn vào trong núi, không hề tiếp xúc với một kẻ đồng loại nào, ngoài N.?

Nếu có, thì tôi không thỉnh thoảng cáu sườn lên mà chọc tức chàng như tôi đã từng làm, bằng cách giả vờ như đang có một mối liên hệ tình cảm với một người khác (nhưng vẫn không quên cho chàng biết là không ai có thể thay thế được chàng trong quả tim tôi!)

*

* *

Tội nghiệp P. Hắn chỉ là nạn nhân của tôi và N. P. không bao giờ biết hắn chỉ bị tôi mượn để làm cho N. tức lên. Chỉ trong một buổi chiều. Một buổi chiều mà làm P. thay đổi đến mức tôi không thể nào ngờ tới.

Trong mắt tôi, P. chỉ là người-con-trai-của-một-bệnh-nhân. Tôi là social woker của bệnh viện mẹ P. đến điều trị. Sau cơn stroke nặng, mẹ P. liệt hết nửa người. Bà về nhà sau thời gian nằm viện, nhưng thể chất lẫn tinh thần bà suy yếu nên tôi vẫn đến thăm nhà để an ủi và giúp đỡ khi cần thiết. Tôi vô tình đâu biết đã ảnh hưởng đến P. như thế nào trong những lần thăm viếng ấy. Trong khi tôi ngồi nói chuyện và săn sóc mẹ hắn, P. thường ngồi sững sờ trong một chiếc ghế nhìn từng cử động, nghe từng lời nói của tôi, một cách cảm động và tri ân. Chính mẹ hắn nói cho tôi biết mối tình P. dành cho tôi. Đôi mắt đục lờ rưng rưng khi ôm bàn tay tôi vào hai bàn tay nhăn nheo run rẩy của bà:

"P. đã ba mươi sáu tuổi mà chưa từng có thương yêu ai như thương yêu cô. Nó chỉ biết đi học, tốt nghiệp thì đi làm, từ sáng đến tối. Về nhà là săn sóc tôi hay cắm đầu vào cái máy điện toán. Đây là lần đầu tiên tôi thấy nó bối rối, thương nhớ một người. Bữa nào biết cô sẽ đến, nó mua hoa cắm vào lọ, nghỉ cả làm việc để đi ra đi vào trông ngóng. Cô đến trễ là nó đứng ngồi không yên, cứ đứng bên cửa sổ vén màn nhìn ra. Nghe tiếng xe ai chạy ngang nó cũng nhổm người dậy nói *cổ đến rồi*. Nếu không phải là cô, nó vồ đầu gục mặt xuống. Cô biết không.., P. nó thương cô quá làm tôi cũng tội nghiệp cho nó... Tôi chỉ có một đứa con...Nhà hiu quạnh quá..."

Tôi dở khóc dở cười. Tôi đang yêu N. đến mức có thể chết được. Tôi nghĩ tôi sẽ không thể yêu ai trong một thời gian rất dài nếu chúng tôi không còn nhau. P. vĩnh viễn cũng không là đối tượng kế tiếp của tôi!

P. không là tuýp người như tôi và N. Nói chuyện với tôi, hắn chỉ say mê nói về những chương trình điện toán, (lâu lâu dừng lại để nhìn tôi tha thiết). Hắn không biết gì về xã hội, về văn chương, nghệ thuật, và ngay cả tâm lý con người. Hắn vụng về, lắp bắp những câu nịnh đầm khuôn sáo, đại loại "Hôm nay cô mặc áo đẹp quá," "Cô giống như cái hoa", "Cô nói chuyện hay quá! Tôi không biết làm sao để nói chuyện cho hay như cô".

Và P. xấu trai thậm tệ. Người P. loắt choắt nhỏ bé. Khi hắn cười, đôi mắt như một lần chỉ đầy những vết nhăn xung quanh, sau hai gương mặt dày cộm. Khi không cười, đôi mắt lại lờ đờ như một người mất ngủ kinh niên. Miệng P, trái ngược với khuôn mặt, rộng hoác; đôi môi dày thâm màu và những chiếc răng quá to, vàng ố, đầy những vết trám lổ chỗ. Khi bớt chợt nhìn vào những chiếc răng của P. lúc hắn ngoác miệng cười, tôi luôn luôn có một cảm giác ghê tởm và nghĩ thầm một chiếc miệng như thế làm sao có cơ hội hôn ai.

Tôi chỉ tội cho bà mẹ của P. Hình như bà nuôi niềm hy vọng theo đứa con trai. Dưới mắt hai mẹ con, tôi là một mẫu người đàn bà lý tưởng, khỏe mạnh, xinh đẹp, có học vấn, thông minh, nhất là có nhiều lòng tốt. Tôi không có nhiều lòng tốt như họ tưởng lầm, tôi đến với họ thuần túy vì công việc. Cũng có một chút thương hại đó. Nhưng nếu sự thương hại của tôi không được phát lương có lẽ nó cũng giảm thiểu lại rất nhiều.

Tôi đã làm một việc rất điên rồ: chấp nhận lời mời đi ăn với P. và mẹ hắn buổi chiều. Hôm đó giận N. lỡ hẹn, tôi gật đầu như một cái máy khi P. ấp úng ngỏ lời. Sự đồng ý của tôi làm P. ngạc nhiên. Hắn trố mắt nhìn tôi như không tin rằng tôi đã đồng ý thực.

"Cô...đừng thay đổi ý kiến nhé?"

"Tôi không đổi ý đâu. Cái gì làm anh nghĩ tôi sẽ đổi ý?"

"Tôi không biết nữa. Tôi sợ...sợ...cô ngại..."

"Anh đến đón tôi, phải không?"

"Vâng, tôi đón cô ở bệnh viện, trước cửa ra vào."

"Thôi, đợi ở đó lạnh lắm. Tôi muốn về nhà thay đổi quần áo. Tôi cũng nên phải làm dáng một chút chứ hở...Anh đón tôi tại nhà khoảng sáu giờ nha?"

"Tôi sẽ gọi cô trước khi tôi đến. Số điện thoại của cô là..."

Tôi điên rồ thêm một chút nữa khi hăng hái viết số điện thoại lên một mẩu giấy nhỏ, bằng bút chì kẻ mắt màu xanh. Thật là lãng mạn, thật là đàn bà. Những thứ có thể làm chết đàn ông! Tôi có muốn làm chết P. đâu. Tôi chỉ muốn N. sẽ điên lên vì tôi, khi chàng biết tôi đi chơi với P. Tôi sắp đặt quá nhanh trong đầu. Chiều thứ sáu nào P.

cũng đến nhà ăn cơm tối với tôi, như tục lệ của dân Do Thái để dành hoàn toàn buổi chiều thứ sáu cho bữa cơm gia đình. Chiều thứ sáu chàng đến và nhìn tôi bước lên xe P. Chàng sẽ chẳng để ý gì tới mẹ của P., chỉ thấy rằng P. không có một người đàn bà nào bên cạnh, P. không đeo nhẫn vàng ở ngón áp út. Vậy là đủ cho N. nóng bừng mặt mũi. Vậy là tôi có thể trả thù được đêm hôm trước tôi đợi N. mỏi mòn nhưng chàng không đến, cũng không một lời giải thích.

Bữa ăn tối ở một nhà hàng Tàu sang trọng. Bàn có trải khăn xanh, có chưng hoa tươi. Có những waiters mặc sơ mi trắng, thắt nơ đen và waitress mặc áo sườn xám xẻ sâu bên đùi. Có những bức thủy mạc mơ màng như mộng. Khá nhất là có sự yên lặng. Những nhà hàng Tàu khác thường ồn ào như một cái chợ thu nhỏ, tiếng Quảng Đông xì xồ chát chúa và tiếng chén bát va chạm rổn rảng mỗi khi busboy túm lấy những đầu khăn nhựa, đem đi một lần tất cả dĩa chén ly tách và thức ăn thừa trong cùng một chiếc khăn. Nhưng tôi đã ăn rất ít. Món ăn Tứ Xuyên đậm đà, cay, nóng, mà tôi vẫn thích lại trở thành nặng nề, khó nuốt. P. lăng xăng gắp bỏ đồ ăn cho mẹ hắn và cho tôi. Mặt hắn tươi cười rạng rỡ chưa từng thấy. Mẹ hắn thì cứ nhìn tôi với nụ cười âu yếm như đối với một cô con dâu tương lai!

Cơn giận của tôi đã hạ xuống ngay lúc bước lên xe P. quay lại thấy N. đứng nơi cửa nhìn theo với nụ cười nửa miệng rất buồn. Tôi giận tôi chứ không còn giận chàng. Tôi hồ đồ quá, ngu ngốc quá. Tôi đã tạo thêm một dịp cho N. đay nghiến tôi, nghi ngờ tôi. Mà lẽ ra tôi phải cố gắng để lau tấm gương của lòng tôi cho càng lúc càng trong để N. nhìn thấu suốt tình tôi. Tôi đã bôi thêm cho bẩn tấm gương. Mặc dù tình tôi bao giờ vẫn trọn vẹn nguyên như thế nhưng N. đâu có được đôi mắt thần để phân biệt đâu là vết dơ giả tạo. Chàng chỉ là một phàm nhân tầm thường vọng động như bao nhiêu kẻ khác, nhưng tôi đang ngồi bên cạnh P. mà nhớ gã phàm nhân kia quay quắt.

P. gọi thật nhiều thức ăn. Và cứ mỗi lần gắp thức ăn cho mẹ hắn và tôi xong, hắn ngấu nghiến nhai, nuốt, chan, húp sùm sụp. Tôi nhìn mẩu thịt quay hắn đang đưa lên miệng, muốn rùng mình. P. ngồm ngoàm miếng thịt trong miệng ngó tôi cười. Tôi nhìn lơ xuống cánh tay lơ thơ những sợi lông thật đen thật dày của hắn, lại muốn rùng mình.

Bỗng nhiên tôi thấy ghét P. kinh khủng. Tôi muốn đứng dậy và bỏ đi ngay lập tức. Cái ý muốn đứng dậy bỏ đi quá mạnh khiến tôi cứ *nhìn trừng trừng cánh cửa ra vào. Một người đàn bà mặc áo đen (may* cắt rườm rà như dành cho dạ hội hóa trang) từ đâu đến đứng ngang ngay cánh cửa một hồi lâu. Tôi quay lại nhìn thấy mẹ P. ngó tôi với cặp mắt lo âu.

Tôi mỉm cười và cúi mặt xuống.

P. bám riết theo tôi từ đó. Hắn đến bệnh viện tôi làm việc mỗi ngày. Cứ hễ tan việc, bước ra là tôi đã nhìn thấy hắn đứng chờ sẵn bên cạnh chiếc cửa xoay. Cứ hai ba ngày, hắn lại đem đến cho tôi một bó hoa hồng. Hắn làm tôi ngượng! Lại có cái màn đưa hoa trước công chúng nữa, cứ y hệt như trong ciné và tiểu thuyết!

Riết rồi tôi không còn thấy ngượng mà thấy giận P. kinh hồn. Tôi thấy P. hề, P. lố bịch, P. dị hợm. Càng lúc hắn càng xấu đi trong mắt tôi. Khi mà việc đón tôi để tặng hoa kéo dài đến hai tuần lễ, tôi dứt khoát không nhận nữa. Tôi không còn được một chút xíu trắc ẩn nào dành cho P. và mẹ hắn.

Tôi đóng hồ sơ case của mẹ P.. Clients của tôi thì nhiều lắm. Ai cũng khổ sở đáng thương hết. Tình thương của tôi dành cho tha nhân càng ngày càng vơi cạn. Ngày nào tôi cũng nghe những tiếng khóc, tiếng thở than, tiếng rên rỉ, tiếng trách móc, tiếng nguyền rủa thống hận đời sống...mãi rồi những xúc động thương hại của tôi chai lì đi. Tôi nghe họ nói như cái máy. Tôi vỗ về, an ủi họ cũng như cái máy. Tôi làm việc như một cái máy. Đó là phương thức tồn sinh hữu hiệu nhất của tôi. Nếu không thì quả tim một thời nhạy cảm của tôi đã rạn nứt, vỡ không biết bao nhiêu đường, mảnh với bao nhiêu là vấn đề khó nghĩ, thương tâm.

Trong thời gian này tinh thần tôi tuột dốc kinh khủng. Tôi và N. không liên lạc với nhau nữa. Sau chiều đi ăn tối với P., tôi gọi N. để nói chuyện nhưng bao giờ cũng nghe cá answering machine trả lời. Tôi đến nhà kiếm N. vài lần, chàng không có nhà. N. không trả lời messages của tôi. N. cố chấp nên tôi cũng lờ đi, không tiếp tục gọi chàng.

Tôi nghĩ N. muốn trừng phạt tôi. Như thế thì vẫn còn dễ thở. Rồi tôi nghĩ N. không bao giờ yêu tôi. Ý nghĩ sau làm tôi chóng mặt, lảo đảo. Càng lúc tôi càng nhớ ra những lời nói, những hành động của chàng giúp tôi tự xác định được rằng N. không yêu tôi thật sự bao giờ.

"Tình yêu" mà chàng nói dành cho tôi cũng tương tự như cái trò đùa thời tuổi nhỏ của tôi. Chỉ khác là chàng không "phát huy lòng trắc ẩn" như tôi đã làm, nghĩa là chàng không *"cho"* như tôi đã *"cho"*. Trò chơi của N. là "phát huy sự *chiếm hữu*", nghĩa là N. *đòi nhận* một cách tuyệt đối *tất-cả-tôi*.

Trong lúc tôi buồn chán, rã rời đến tột độ như thế mà P. vẫn tiếp tục quấy nhiễu một cách đáng ghét. Cứ vài ba buổi tối P. lại gọi điện thoại đến. Lần nào cũng vào khoảng mười giờ tối, hắn gọi chỉ để nói "chúc em ngủ ngon"

Trời ơi, cứ mỗi lần hắn gọi đến như thế là tôi giận tới tím mặt. Từ bao giờ tôi là "em" của hắn? Tôi đã dặn đi dặn lại "Đừng đến đón tôi nữa, đừng gọi điện thoại cho tôi nữa, đừng gọi tôi bằng em nữa. Ông làm tôi bực mình lắm." Hắn vẫn làm như chưa bao giờ nghe. Hắn vẫn tiếp tục đến bệnh viện với những bó hoa trên tay. Vẫn tiếp tục gọi điện thoại. Tôi không biết hắn làm gì với những bó hoa vì tôi không bao giờ nhận. Và tôi cũng không bao giờ bắt phone vào buổi tối.

Một cách kiên nhẫn kỳ dị, hắn vẫn có mặt ở hành lang bệnh viện dù tôi có nhìn hắn hay không. Và buổi tối, chuông điện thoại vẫn reo mãi vào lúc mười giờ dù có ai bắt hay không. Chỉ nhìn thấy P. tôi cũng đủ lợm giọng rồi. Giọng nói hắn lại càng làm tôi muốn nôn mửa. Tôi không ngăn được sự ác độc càng ngày càng ăn mòn trái tim tôi như một dung dịch acid. Tôi hết cả lịch sự, nói thẳng thừng vào mặt P.:

"Dù trái đất này không còn một người đàn ông nào, tôi cũng chẳng bao giờ đi chơi với ông thêm một lần nữa. Ông đừng uổng công theo đuổi tôi."

"Em không đi chơi với tôi, nhưng ít ra cũng nhận giùm tôi một bó hoa, cũng để tôi chúc em ngủ yên giấc..."

"Hoa hồng của ông đầy gai và những lời chúc của ông làm tôi ngủ trong ác mộng."

Đôi mắt lờ đờ của P. vẫn bám cứng trên mặt tôi như một con đỉa. Mặt hắn buồn thê thảm trong một vài phút ngắn rồi hai hàm răng vàng khè lại nhe ra cười.

"Ông cười cái gì?"

"Câu nói của em ác quá. Nếu tôi không cười thì tôi sẽ khóc. Nhưng tôi không thể khóc được."

Lời nói hắn như nước chảy lá môn không làm tôi động lòng dù chỉ là một thoáng nhỏ thôi.

Cách đây một tuần hắn khoe với tôi rằng mới mua được một khẩu súng. Tôi chợt nhớ tới cuốn phim Fatal Attraction xem xong vẫn còn bực mãi đến giờ vì sự điên khùng vô lý phi nhân của cả "chàng" lẫn "nàng" trong phim.

Mua súng để làm gì? Định muốn bắn tôi sao?"

"Không. Đời nào tôi muốn bắn em. Tôi yêu em hơn như thế. Tôi mua để giết tôi đó. Nhưng mà cứ mỗi lần đẩy họng súng vào miệng, ngón tay để lên cò, tôi lại nghĩ đến mẹ tôi. Bà đã bị tê liệt... tôi trước gì bà không tê liệt như vậy để tôi rảnh rang ra đi."

Thói quen nghề nghiệp của tôi trỗi dậy:

"Ông nên đi gặp bác sĩ tâm thần ngay lập tức. Ông không nên nghĩ vớ vẩn như vậy."

P. không còn là P. ngày tôi mới gặp. Dạo đó hắn rất chải chuốt, chưng diện, có lẽ để bù đắp lại sự khiếm khuyết của khuôn mặt và nhân dáng. Càng ngày P. càng thảm hại, tóc không cắt chải, y phục xốc xếch, bẩn thỉu. P. bắt đầu uống rượu và có lẽ uống quá nhiều. Da mặt hắn bủng đi, viền mắt sưng và đỏ kè. Hắn làm tôi vừa sợ vừa mắc cở mỗi khi hắn đến bệnh viện tôi làm việc. Tôi phải giải thích phân trần với tất cả đồng nghiệp, ngay đến với người gác cửa. Tôi gọi cả cảnh sát để họ mang hắn vào nhà thương tâm trí. Nhưng không ai nhận hắn nhập viện, lý do hắn chỉ bị khủng hoảng tinh thần nhẹ, không có gì đáng nguy hiểm. Người ta chỉ cho nhập viện nếu hắn có thể làm hại đến kẻ khác và có tư tưởng tự sát. Cảnh sát lục nhà hắn nhưng không tìm ra một khẩu súng nào. Họ nghĩ hắn chỉ nói đùa với tôi.

Đời sống của tôi không còn yên ổn nữa. P. giết chết hết những buổi chiều, buổi tối mà sự cô độc bình thản là điều mong muốn còn lại của tôi. N. đã đi một tỉnh khác làm việc, chàng viết cho tôi một lá thư rất ngắn để báo tin.

*

* *

Mấy ngày hôm nay tôi cáo bệnh ở nhà. Đầu óc tôi không tập trung để làm việc được nữa. Lá thư của N. tôi đọc cả trăm lần. Chàng cho tôi số điện thoại chỗ ở mới của chàng nhưng mỗi lần nhấc phone lên tôi lại bỏ ngay xuống. N. lại muốn tiếp tục đùa nữa sao? Và phone cho N., tôi sẽ tiếp tục là trò chơi của N.? Trò chơi mà nếu tôi tham dự, suốt đời tôi phải quì dưới chân chàng?

Bây giờ thì P. gọi tôi hầu như liên tục. Tôi không trả lời điện thoại, chỉ để máy answering. Lúc nào cũng là P. *"Tại sao em không đi làm việc? Em bệnh thế nào? Cho tôi đến thăm em. Tôi van em." "Em có đi bác sĩ không? Em uống thuốc chưa?" "Nhớ đi ngủ sớm".*

Trước cửa nhà tôi không biết bao nhiêu là hoa. Hoa phủ hết những bậc tam cấp. Tôi cứ để ở đó cho P. biết tôi không muốn nhận.

Tôi khóa cửa cẩn thận. Tôi sợ vơ vẩn. Ngay cả tiếng chân của người phát báo, đưa thư cũng làm tôi tự hỏi có phải là P.. N. vẫn chờ tôi điện thoại. Và tôi nghĩ mối tình chúng tôi sắp đến hồi kết thúc. Có khi tôi nhớ N. tê dại. Có lúc tôi thấy mọi chuyện giữa tôi và N. vô nghĩa đến khôi hài. Có khi tôi hoàn toàn trống rỗng. Có điều tôi bắt đầu sợ sự cô độc đến rợn người. Giam mình trong căn nhà từ sáng đến đêm với

từng giấc ngủ ngắn đứt đoạn, tôi thấy mình như một con chuột lủi thủi trong chiếc hầm bỏ hoang, như một bóng ma trong nhà mồ. Như giữa tôi và đời sống con người không còn mảy may liên hệ.

Tôi khởi sự sợ. Sợ. Sợ. Sợ. Tôi không sợ trò chơi của N. và khuôn mặt dị hợm của P. bằng nỗi sợ vào chính tôi khi bất gặp mình mân mê trên tay những viên thuốc ngủ.

Đến ngày thứ tư thì tôi không còn chịu nổi. Ngày mai thế nào tôi cũng phải đi làm lại. Nhưng mà còn cả một buổi tối! Đêm hôm qua tôi nằm mơ thấy P. trong hình thù một con chim bằng đá xanh. Khuôn mặt vẫn là của hắn với hai con mắt nhỏ lờ đờ và chiếc miệng rộng hoác, nhưng lại xanh ngắt màu xanh của ngọc thạch pha lẫn màu lá cây. Mặt hắn trùm phủ một vẻ tuyệt vọng ghê rợn làm tôi kinh hoảng mỗi khi nhớ lại. Hắn bay vút về phía tôi với một tốc độ nhanh dữ dội. Và trong giấc mơ tôi đứng đó như trời trồng, vô vọng, không thể nào tránh né.

Tôi gọi N., chàng không có nhà.

Tôi nghe đi nghe lại bài hát Meaning of the Word của R.P & R.F, L. Branigan hát.

"Two people too proud to give
Afraid of what the heart demands
Two of a kind
We made up our minds to live without the ties that bind
Each to each
No surrender
Out of reach, where not one tender sound was heard
Not a cry or a whisper
No farewell
Nothing spoken
Silence fell
While hearts were broken
No one stared
Was it Love?
Did we ever know the meaning of the word?
.....
Don't know where you are tonight
Or how to tell the things we say
From what we mean
Or why we could never cross the distance in between..."

Tôi lại gọi N. Chàng vẫn chưa trở về. Ngọn đèn vàng góc phòng tỏa ánh sáng mỏng yếu, buồn rầu. Cái máy hát kêu "cạch" một tiếng ngắn và nằm im, trả tôi về với niềm hiu quạnh chơ vơ.

Tôi lại quay số điện thoại của N. sau mỗi năm ba phút, không còn tự chủ được bàn tay cho khỏi run.

Khi điện thoại đột nhiên reo, tôi nhào tới như kẻ đói khát lâu ngày vừa được mời ăn.

Giọng mẹ P. nức nở làm tôi khựng người.

P. vừa gặp tai nạn xe hơi trên xa lộ. Hắn đâm đầu vào một chiếc xe vận tải lớn đi ngược chiều. Hắn uống rượu quá say và lái xe quá tốc lực. Bác sĩ nói có lẽ hắn không thể sống được.

Mẹ P. nài nỉ tôi đưa bà đến gặp P. trước khi P. chết. Tôi nói như người mất hồn "Cháu sẽ đến ngay" và bỏ máy nghe xuống. Từ đây chiếc điện thoại này sẽ không còn reo mỗi mười giờ đêm!

Tôi kinh hoàng ngồi như cái tượng đá. Tôi biết mẹ P. đang chờ. Nhưng hai chân tôi bỗng dưng giống như hai chân mẹ P., tê liệt không thể di động được.

Mắt tôi mở to nhìn vào khoảng không. Tôi thấy từ khoảng không đó đôi mắt ti hí buồn thảm của P. sau chiếc gương cận dày cộm. Tôi thấy cái miệng rộng của P. đang nhe răng cười. Tôi thấy cái dáng đi lủi thủi, chiếc lưng hơi khòm xuống của P., và nhớ lại có lần tôi thầm ví P. với hình ảnh của "thằng gù nhà thờ đức bà."

Tôi thấy P. thiểu nảo chìa bó hoa hồng về phía tôi. Gió thổi mái tóc bù rối của...P.dựng đứng lên. Gió thổi những-cánh-hoa-của-P. rụng rơi lả tả. Gió thổi tiếng nói khàn yếu của P. *"Ít ra cũng nhận dùm tôi bó hoa..."*. Tất cả lọt thỏm, nhỏ tí, mờ dần...trong một nền trời càng lúc càng xám hẳn.

Đêm đột nhiên sâu hút. Mọi sự giống như một cuốn phim đang chiếu đột ngột đứt ngang. Đèn bật lên. Màn ảnh trắng trơ, trống hốc. Tất cả đều rơi hẫng trong một sự im lặng lạnh lẽo kỳ dị.

Và chỉ có một mình tôi. Giữa những hàng ghế trống trơn.

Trần Sa

CHÀO MỪNG SỰ ĐỐI THOẠI

Bùi Ngọc Đường

tiếp theo kỳ trước

2- Ông Đỗ Thái Nhiên và cái nhìn về cuộc chiến Việt Nam: Theo tôi, có lẽ nguyên nhân dẫn đến những nhận định sai lầm và phê phán *"thật mạnh mẻ"* của ông Đỗ Thái Nhiên đối với những nhận thức của Nhật Tiến bắt nguồn từ cách nhìn của ông về cuộc chiến Việt Nam. Trong bài *"Trận chiến xót xa"*, ông Đỗ viết: *"Hiện sử Việt Nam là một cuộc đấu tranh lẫn nhau giữa tả và hữu, giữa chính đề và phản đề. Vì thế xã hội Việt Nam trong tương lai chắc chắn không thể là xã hội của tả hay hữu mà là xã hội của tổng hợp*

đề." Đây là một cách nhìn lịch sử không những có tính cách mơ hồ mà còn nguy hiểm.

Trước hết, người đọc không hiểu ông Đỗ đứng từ vị trí nào mà phân định tả và hữu. Trong phe Cộng sản cũng có tả và hữu. Điển hình là, Cộng sản Trung Hoa thời Mao Trạch Đông chỉ trích Cộng sản Liên Xô là *bọn xét lại và hữu khuynh.* Hoặc trong cuộc cách mạng Pháp 1789, thoạt đầu nhóm Girondins được xem là tả phái, nhưng về sau nhóm Montagne chủ trương quá khích hơn nên nhóm Girondins trở thành hữu phái. Nói cách khác, tả và hữu chỉ nhằm biểu lộ khuynh hướng quá khích hoặc bảo thủ trong cùng một quốc gia, một hàng ngũ hay một tổ chức và nhiều

khi chỉ có tính cách giới hạn trong nhất thời.

Nếu nhìn cuộc chiến "Quốc-Cộng" trong mấy chục năm qua và hiện nay là một cuộc chiến tranh giành quyền lực của dân tộc Việt Nam giữa hai khuynh hướng tả và hữu, **ông Đỗ vừa đánh mất ý thức dân tộc, vừa không thấy được bản chất của Cộng sản.** Bởi lẽ, ông Đỗ đã không đứng từ một vị trí gắn bó với truyền thống và quyền lợi của dân tộc để nhìn thấy hoặc đánh giá bản chất của Cộng sản cũng như bản chất của các chế độ Cộng Hòa. Cách nhìn và đánh giá của ông Đỗ chứng tỏ rằng theo ông, Cộng sản miền Bắc và Cộng Hòa miền Nam đều là hai thực thể chính trị và chế độ biểu lộ hai khuynh hướng tả và hữu, nghĩa là cấp tiến và bảo thủ, của dân tộc Việt Nam. Cũng chứng tỏ một điểm nữa là ông Đỗ đã không ý thức được rằng trong cuộc chiến "Quốc-Cộng" vừa qua, lực lượng dân tộc đã không phải là người tổ chức và chủ động mà chỉ là người bị không chế và lợi dụng bởi hai tập đoàn phi dân tộc bị điều động và đại diện cho quyền lợi của ngoại bang. Trong ý nghĩa này, các chính quyền cũ tại miền Nam trước đây, dù nằm trong "Liên Hiệp Pháp", hoặc là "tiền đồn chống Cộng" của Mỹ, đã vừa lợi dụng máu xương của dân tộc để phục vụ mưu đồ và quyền lợi của ngoại bang, vừa giúp phong trào Cộng sản bành trướng mạnh mẽ để cuối cùng khi Mỹ thay đổi chính sách và ngưng viện trợ là tan rã. Đặc biệt đối với Cộng sản, dù núp dưới chiêu bài nào - kháng chiến chống Pháp hay giải phóng dân tộc - các cuộc chiến tranh do Cộng sản tổ chức và lãnh đạo cũng phải được xem là những cuộc chiến tranh xâm lăng dựa trên hậu quả thực tế không thể phủ nhận là quyền lợi tinh thần cũng như quyền lợi vật chất của tổ quốc và dân tộc bị hủy diệt nhằm đồng hóa với hệ thống tư tưởng, văn hóa và xã hội Liên Xô của Mác-Lê-nin.

Từ những sai lầm căn bản trên đây dẫn đến những sai lầm quan trọng khác của ông Đỗ trong lý luận cho rằng cuộc chiến "Quốc-Cộng" vừa qua và hiện nay *"là một cuộc đấu tranh lẫn nhau ... giữa chính đề và phản đề"* để có một *"tổng hợp đề ... là xã hội Tam Dân"* như ông Đỗ đã viết. Nếu phải lý luận theo kiểu *luật mâu thuẫn* như ông Đỗ đã lý luận thì người đọc cũng khó chấp nhận được rằng với chính đề và phản đề là hai thế lực phi dân tộc như đã thấy mà lại có được một tổng hợp đề là dân tộc

như xã hội *Tam Dân !* Với một bên là Pháp hoặc Mỹ và một bên là Cộng sản Liên Xô hoặc Cộng sản Trung Hoa, vì những mâu thuẩn và đối kháng lẫn nhau trong quan hệ bành trướng thế lực và quyền lợi quốc tế của họ, thì tổng hợp đề - nếu muốn nói như thế - chỉ là sự tang tóc, nghèo đói và chiến tranh tại các nước nhược tiểu, chậm tiến mà điển hình là Việt Nam như đã xãy ra!

Có lẽ ông Đỗ Thái Nhiên chưa thấy được rằng cách lý luận và giải thích sự phát triển của con người cũng như xã hội theo kiểu *chính đề, phản đề và tổng hợp đề* như Mác và chủ nghĩa Cộng sản đã áp dụng, đã thất bại và thiếu sót nghiêm trọng. Mác và chủ nghĩa Cộng sản lý luận và giải thích rằng với *chính đề* là thực trạng *quan hệ sản xuất của xã hội tư bản* sẽ mâu thuẩn và đấu tranh gay gắt với *phản đề* là *lực lượng sản xuất của xã hội tư bản* để dẫn đến tổng hợp đề là sự thành hình của xã hội xã hội chủ nghĩa và tiến đến xã hội Cộng sản chủ nghĩa. Cho đến ngày nay, điều đã được chứng minh là không có trường hợp nào vì những mâu thuẩn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong xã hội mà các nước tư bản đã trở thành các nước Cộng sản. Ngược lại, ai cũng biết rằng chế độ Cộng sản đã được áp đặt bằng bạo lực, sắt máu và cãm thù một cách phản tự nhiên. Cũng đã được chứng minh là hiện nay khuynh hướng sửa đổi và từ bỏ những giáo điều phản tự nhiên, ngược lại với những mơ ước tự do, nhân bản của con người đã thấy xuất hiện ngay trong lòng của những chế độ Cộng sản. Sở dĩ như thế vì Mác và chủ nghĩa Cộng sản đã chối bỏ vai trò của ý thức và tinh thần trong sự phát triển của xã hội và con người. Mác đã khẳng định: *"tồn tại của xã hội (hay hình thái kinh tế của xã hội) đã phát sinh ý thức xã hội"* Nói cách khác, Mác muốn nói chính vật chất được thể hiện qua các hình thái kinh tế của xã hội đã đẻ ra tinh thần và ý thức. Mác và chủ nghĩa của ông đã cố tình quên rằng, bên cạnh những mâu thuẩn luôn luôn có và thường là những động cơ để xãy ra những biến chuyển trong xã hội, chính ý thức về chân-thiện-mỹ vốn được thể hiện trên bình diện xã hội qua những mơ ước nhân bản của con người về tự do, công bằng, dân chủ đã như ngọn hải đăng để âm thầm và liên tục hướng dẫn bước tiến của xã hội con người. Ai cũng có thể kiểm chứng và biết rằng dù bán khai hay văn minh, dù ở thời kỳ ăn lông ở lỗ hay ở thời đại kỷ thuật điện tử

ngày nay, con người vân biểu lộ sung sướng khi được thương yêu, quý trọng và không bị giam giữ ngược lại với thái độ buồn chán, căm phẫn khi bị ghét bỏ, khinh bỉ và tù đày. Đó là những hình thức căn bản biểu lộ ý thức và tinh thần tự do, công bằng, dân chủ của con người dù tiềm ẩn bên trong mỗi cá nhân hay được hợp pháp hóa ngoài xã hội mà trên căn bản, nó đã không hề thay đổi hoặc phát sinh theo sự thay đổi các hình thái kinh tế của xã hội loài người. Nhìn lại lịch sử Việt Nam, suốt một ngàn năm bị Tàu đô hộ với âm mưu đồng hóa từ hình thái kinh tế đến cấu trúc xã hội, từ văn tự đến văn hóa, nhưng chỉ với **ý thức dân tộc,** tiền nhân chúng ta đã dành lại quyền độc lập tự chủ để có một nước Việt Nam riêng biệt cho đến sau này.

Cách nhìn về lịch sử và cuộc chiến Việt Nam của ông Đỗ Thái Nhiên qua lý luận biện chứng tả hữu, chính đề, phản đề và tổng hợp đề như trên không những chỉ mơ hồ, sai lạc mà còn nguy hiểm. Nguy hiểm ở chỗ, không thấy được lực lượng dân tộc, không có ý thức dân tộc, chỉ thấy có tả và hữu nên cách nhìn và đánh giá của ông Đỗ dễ bị lầm lẫn và bị cuốn hút vào một trong hai phía mà ông ta có ảo tưởng là một thứ *tổng hợp đề* và phía nào cũng là tai họa của dân tộc. Suốt gần một thế kỷ nay, chính vì chúng ta đánh mất ý thức dân tộc nên bóng dáng của những người ngoại quốc ở cả hai miền đất nước - Pháp, Mỹ, Trung Hoa, Liên Xô - có người được gọi là *mẫu quốc,* có người được gọi là *đồng minh,* có người được gọi là *đàn anh kính mến hay bậc thầy vĩ đại* - đã thay phiên hay cùng lúc khống chế vận mệnh của đất nước. Và dân tộc Việt Nam, trong hoàn cảnh đó, chẳng khác nào thân phận Thúy Kiều của Nguyễn Du, *"đưa người cửa trước rước người cửa sau",* chìm đắm trong chu kỳ ngoại thuộc mà Gia Long Nguyễn Ánh đã khởi đầu khi rước Pháp vào đánh Tây Sơn. Chu kỳ ngoại thuộc này có những mốc thời gian quan trọng mà 30 tháng 4 năm 1975 là một. Chính đây là thời điểm dễ dàng nhất để nhận diện hai thế lực phi dân tộc. Điểm đặc biệt trong sự sụp đổ của chế độ Việt Nam Cộng Hòa không ở chỗ nó bị xóa tên trên bản đồ thế giới mà ở chỗ hàng triệu người bao gồm hầu hết quân đội và công chức sắp hàng trong trật tự để được đưa đi *"học tập cải tạo".* Giải thích như thế nào về hiện tượng này ? Thực là sai lầm và nông cạn nếu chúng ta đánh giá

tập thể hàng triệu người như thế khiếp sợ và đầu hàng Cộng sản hoặc bị Cộng sản lừa với chính sách học tập 10 ngày hoặc ba tháng. Thực tế lịch sử và truyền thống dân tộc với những gương tuẩn tiết sẽ nghiêm khắc phủ nhận những đánh giá như vậy. Hiện tượng trên đây chỉ có thể được giải thích rằng, từ tận cùng của ý thức trong mỗi người - dù quân nhân hay công chức - đã thấy có sự bất ổn, thiếu chính nghĩa đối với cuộc chiến mà họ đang tham dự cũng như đối với chế độ mà họ đang phục vụ. Thái độ phục tòng của họ trước kẻ thù khi trình diện trong trật tự chỉ là phản ứng tiêu cực và trong tình trạng vô thức của một thứ tâm lý muốn thoát ra ngoài cuộc chiến triền miên và vô nghĩa cũng như muốn phản kháng lại cái chế độ mà chính họ cũng không ý thức rằng từ lâu họ đã không còn tin tưởng. Trước đó, cuộc tháo chạy hỗn loạn từ miền Trung vào cũng như từ Cao nguyên xuống cũng phát xuất từ một thứ tâm lý như thế. *Thượng bất chánh hạ tắc loạn.* Một chế độ phi dân tộc làm sao có được sự hậu thuẩn, lòng trung thành và niềm tin tưởng của dân tộc ?

Trong khi đó, điểm đặc biệt trong sự chiến thắng của chế độ Cộng sản mà từ lâu họ núp sau những chiêu bài giải phóng dân tộc, là hình ảnh của những bích chương và biểu ngữ treo la liệt khắp phố phường, làng xóm với nội dung *"Chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng muôn năm", "Đảng Cộng sản Việt Nam, người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam", "Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội".* Nội dung của các bích chương và biểu ngữ đó đã khẳng định một cuộc đổi đời thực sự và triệt để, mở đầu cho việc hủy diệt truyền thống văn hóa ngàn đời của dân tộc để đồng hóa vào khuôn mẫu xã hội Liên Xô từ cấu trúc xã hội đến hình thái kinh tế, từ giáo dục, văn hóa đến tình cảm và tư tưởng. Bề trái của huy chương chiến thắng mà Cộng sản Việt Nam đã chiếm được là hình ảnh của các trại tù, của những xác người Việt Nam nằm trên những bờ biển và những góc rừng xa lạ, của một xã hội Việt nam nghèo đói xác xơ kiệt quệ, của một kẻ đã tự hào trong chiến tranh và nay trở thành kẻ van xin quỵ lụy trong "hòa bình", và đặc biệt, đó là hình ảnh của hai ông Mác và Lênin đang dẫm nát bức dư đồ Việt nam.

Phải chăng đó là hai khuynh hướng tả và hữu của dân tộc Việt Nam, đó là chính đề và phản đề trong cuộc chiến Việt Nam

như ông Đỗ đã viết ? Liệu với hai chính đề và phản đề như thế có sẽ dẫn đến tổng hợp đề "Tam Dân" như ông Đỗ đã khẳng định *chắc chắn* phải xảy ra ?

Tóm lại, khi những chiếc mặt nạ và những chiêu bài giả trá của các thế lực phi dân tộc đã rơi xuống, cuộc chiến trước mắt sẽ đích thực là cuộc chiến của lực lượng dân tộc chống lại cuộc chiến xâm lăng của chủ nghĩa Cộng sản để dành lại độc lập tổ quốc và tự do dân tộc. Không còn nữa cái thế đương đầu bình đẳng giữa một bạo lực này với một bạo lực khác, giữa một thế lực phi dân tộc này với một thế lực phi dân tộc khác. Cuộc chiến chống Cộng trước mắt chính là cuộc chiến giữa nhân bản và phi nhân, giữa dân tộc và phi dân tộc, giữa chính nghĩa và gian tà. Thế tất thắng của dân tộc phát xuất từ đó. Khả năng tập hợp lực lượng dân tộc cũng dựa trên căn bản đó.

Tôi nghĩ rằng ông Đỗ Thái Nhiên sẽ có dịp suy xét lại những nhận thức dựa trên lối lý luận biện chứng của ông cũng như chiêm nghiệm lại bản chất và thực tế của cuộc chiến vừa qua để từ đó, ông sẽ thấy rằng những nhận thức và mơ ước của nhà văn Nhật Tiến cũng sẽ là những nhận thức và mơ ước của ông cũng như của phần lớn đồng bào chúng ta ở cả hai miền Nam Bắc sau khi mỗi người trong chúng ta dẹp bỏ tự ái riêng tư của mỗi cá nhân, dẹp bỏ tự ái phe nhóm do vị trí đứng từ bên này hay bên kia trong quá khứ để chỉ còn duy nhất **tự ái dân tộc.** Có gì khác biệt nhau khi Nhật Tiến viết về xã hội cũ ở miền Nam với *"những kẻ đầu cơ, tích trữ, những đứa sống nhờn nhơ, phè phởn trên cơn thiếu thuốc men, bệnh tật của dân nghèo khó, những đứa buôn súng đạn, bán đứng sinh mạng của chính anh em đồng ngũ của mình...những kẻ bất tài nhưng có quyền thế thao túng chính trị, thao túng thị trường, thao túng trên cả sinh mạng của binh sĩ ..."* Có gì khác biệt nhau khi Nhật Tiến kết luận về xã hội miền Nam đó: *"Một xã hội như thế, nghĩ cho cùng, tuy cũng còn hơn là xã hội Cộng sản, nhưng nhất định không phải vì thế mà trở thành một niềm mơ ước cho tất cả mọi người."* Có gì khác biệt nhau khi Nhật Tiến viết về xã hội miền Bắc: *"cái xã hội lam lũ, nghèo nàn mà trong đó, con người đang được vắt cho đến sức cùng lực kiệt."* Có gì khác biệt nhau khi Nhật Tiến nhận định về khẩu hiệu "yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội" của Cộng sản: *"chỉ là một sự áp đặt*

tư tưởng con người, cưỡng ép con người từ bỏ bản chất dân tộc để đi vào con đường ngoại lai vong bản." Có gì khác biệt nhau khi Nhật Tiến nhận định về chế độ Cộng sản: *"Chúng nó nêu chiêu bài chống phong kiến bóc lột, nhưng trong đời sống thực tế, chúng nó phong kiến hơn ai hết. Chúng nó nêu khẩu hiệu "Không gì quý hơn Độc lập Tự do" nhưng chúng nó tước đoạt độc lập, tự do của con người hơn ai hết ..."* Có gì khác biệt nhau khi Nhật Tiến kêu gọi mọi người sống trong chế độ Cộng sản phải biết: *"nhìn ra thân phận bị trị của mình, biết phẫn nộ trước sự phi lý về nóng nỗi con người đã bị khai thác triền miên trong bao nhiêu năm ròng bởi một thiểu số đầy tham vọng và quyền lực mà không biết đứng dậy làm một cuộc cách mạng mới giải phóng chính mình."* Và có gì khác biệt nhau khi Nhật Tiến nhận thức: *mọi người Việt Nam đều khao khát một ước vọng chung đó là xóa bỏ chế độ Cộng sản để xây dựng một quê hương mới...Hãy mở rộng tấm lòng với trái tim biết cảm thông, biết thổn thức, biết thương yêu, biết xót xa trên những đổ vỡ đau thương của dân tộc, bởi chỉ có như thế, ta mới có thể tạo điều kiện cho một sự kết hợp rộng lớn của toàn thể dân tộc, một điều kiện tất yếu để chiến thắng chủ nghĩa Cộng sản."*

Đã giống nhau về nhận thức, đã không khác nhau về những ước mơ chung, theo tôi nghĩ sẽ có lúc, ông Đỗ Thái Nhiên nhận được ra rằng ông đã hơi vội vàng trong khi phê phán những nhận thức của nhà văn Nhật Tiến là *"ấu trĩ"*, là *"toan tính dùng lòng khoan dung của đạo đức giả để che lấp nghĩa vụ phục hoạt dân sinh"*, là *"khiếp sợ và an thân"*, là *"nên ân cần xin lỗi độc giả của ông ta"!*

3- Lý luận sức nén và sức nổ của ông Đỗ Thái Nhiên:

Cần nhắc lại rằng, khi gặp người anh với hình thức là một Đại tá Cộng sản, người em tù cải tạo biểu lộ lòng căm thù tột đỉnh của mình với chế độ Cộng sản qua lời nói: nếu có súng sẽ bắn anh không tiếc tay. Với tình ruột thịt và tình đồng lý tưởng cùng mơ ước xóa bỏ chế độ Cộng sản, người anh phân tích cho người em thấy đó là một ước muốn *điên rồ* bởi vì nó không giải quyết được gì ngoài việc tự hủy diệt mình và tạo thêm sức mạnh cho kẻ thù. Sau đó, ông phân tích thêm: *...Phải nói rằng chính sách cải tạo không nhằm dạy dỗ các chú trở thành những con người Cộng sản mà mục đích của nó là nhằm tiêu diệt khả năng*

đề kháng của những người ở phe chú. Thành quả của nó thế nào, chú đã thấy. Phần đông sĩ quan cải tạo về đều ôm mơ ước là đoàn tụ với thân nhân ở nước ngoài. Đó có phải là một hình thức tháo chạy hay không? Còn nhân dân nổi dậy? Họ làm sao nổi dậy được khi chính những người có khả năng chiến đấu, lãnh đạo như các chú cũng chỉ có một ước mơ là ra đi, và mặt khác, làm sao họ nổi dậy được khi mà đời sống bây giờ đã thu gọn họ vào có một điều kiện duy nhất là lo chạy vạy để có miếng cơm hàng ngày. Chủ trương thắt bao tử để cai trị của chính quyền nó có tác dụng ghê gớm như thế nào, chú chưa nhìn ra hay sao?

Ông Đỗ Thái Nhiên không chấp nhận thực trạng trên đây. Ông Đỗ nghĩ rằng những quan niệm như thế *đã kết thành sợi dây xích khóa chặt bánh xe lịch sử.* Từ đó, ông Đỗ nhận định tiếp: *Không có sự chối cãi rằng "cải tạo" và "thắt bao tử" là hai chính sách đã gây sức nén đối với lịch sử. Nhưng cũng không có sự chối cải rằng sau sức nén là sức nổ.... Nhật Tiến chỉ thấy sức nén chứ không thấy sức nổ. Vì vậy Nhật Tiến chỉ biết luận về lịch sử chung quanh sức nén như một thái độ khiếp sợ và an thân..."*

Phát xuất từ lòng tự ái của một người tự nguyện gắn mình vào hàng ngũ của chế độ Nguyễn Văn Thiệu, vừa không muốn nhìn nhận một thực trạng mà ông nghĩ rằng xấu, vừa mang tâm lý cho rằng nếu thực trạng đó có xãy ra thì xem như bó tay và lực lượng chống Cộng chỉ giới hạn trong những người đã từng phục vụ chế độ Thiệu. Trong khi đó, Nhật Tiến không đặt mình trong một phía nào, muốn hướng tầm nhìn của mình xa hơn trong thời gian để tìm nguyên nhân, rộng hơn trong không gian để bao gồm nửa phần tổ quốc đã bị bỏ quên và một phần khá lớn lực lượng dân tộc bị chia cách, nghi kỵ.

Sự kiện phần đông những người cải tạo trở về đều ôm mơ ước đoàn tụ với gia đình cũng như quần chúng Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản phải lo chạy vạy để có miếng cơm hàng ngày là một thực tế không thể phủ nhận. Phủ nhận thực tế này chẳng khác nào chê Cộng sản không biết tàn bạo, hoặc tàn bạo chưa đủ. Phải thừa nhận rằng, không riêng gì ở Việt Nam, mà tại hầu hết các nước Cộng Sản từ hơn 80 năm qua, sự tàn bạo kinh hoàng của Cộng sản trong chính sách tiêu diệt khả năng đề kháng của những người chống họ, đã có hiệu quả. Khi cần, như lịch sử đã

được tiết lộ, Cộng sản đã giết hàng triệu người kể cả những người trước đây là đồng chí rường cột của họ. Nhưng nêu lên thực trạng như Nhật Tiến đã nêu, không phải để tạo thành sợi dây xích khóa chặt bánh xe lịch sử như ông Đỗ muốn kết án. Bởi lẽ bánh xe lịch sử không phải lăn theo những cánh tay yếu hay mạnh, cũng không phải lăn theo những bụng no hay đói, cũng không phải lăn theo những vũ khí thô sơ hay tối tân. Chế độ Nguyễn Văn Thiệu với số lượng quân nhân, công chức nhiều hơn số lượng nằm trong các trại cải tạo, lương thực đầy đủ, vũ khí tối tân, nhưng bánh xe lịch sử vẫn bị khóa chặt và chế độ của ông phải tan rã, tại sao ? Phải biết rằng bánh xe lịch sử, có lúc nhanh lúc chậm, nhưng chỉ lăn theo một con đường duy nhất: **con đường của chính nghĩa.** Khi nêu lên thực trạng đó, Nhật Tiến muốn đưa ra quan điểm của ông đối với công cuộc chống Cộng hiện nay, vũ lực hay bạo lực chưa đủ, chính nghĩa dân tộc mới là yếu tố tất thắng. Cũng như hầu hết các chế độ Cộng sản hiện nay, tuy họ thành công trong việc trấn áp những cuộc nổi dậy bên ngoài, nhưng họ đã không trấn áp được những đòi hỏi và ước mơ nhân bản cất lên từ trong lòng chế độ, từ trong lương tâm của chính họ.

Lý luận sức nén và sức nổ của ông Đỗ Thái Nhiên cũng chỉ dừng lại ở vũ lực và bạo lực. Và trên phương diện này thì Cộng sản là bực thầy. Câu nói đầu môi của những người Cộng sản mà Mác đã mớm cho họ là *"Chỗ nào có đàn áp bất công, chỗ đó có cách mạng."* Nhưng khi họ làm cách mạng xong, họ đàn áp và bất công hơn ai hết ! Do đó, vấn đề không phải ở chỗ nén và nổ cũng như không phải ở chỗ bất công và cách mạng. Vấn đề ở chỗ nổ như thế nào và cách mạng như thế nào. Nổ như một viên pháo để rồi *tan xác pháo!* Cách mạng như Cộng sản đã làm chỉ tạo thêm đàn áp và bất công! Đó là lý do những nhận thức của Nhật Tiến xoáy sâu vào ước mơ nhân bản của con người, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của chính nghĩa dân tộc. Đó cũng là điểm mà ông Đỗ Thái Nhiên không hiểu được trong những nhận thức của Nhật Tiến và từ đó, ông cho rằng Nhật Tiến *"chỉ biết luận về lịch sử chung quanh sức nén như một thái độ khiếp sợ và an thân."*

Đặt những phân tách của Nhật Tiến về thực trạng trên đây trong một khung cảnh thảo luận và mổ xẻ tình hình để biết rõ ta

và cũng biết rõ kẻ thù giữa những người cùng chung lý tưởng và đang mơ ước làm cuộc giải phóng xóa bỏ chủ nghĩa và chế độ Cộng sản, chúng ta mới thấy hết được ý nghĩa và giá trị của nó. Dĩ nhiên trong khung cảnh này, chúng ta đừng chờ đợi những lời tâng bốc, ca ngợi để vừa thoa dịu nỗi đau đớn, vừa vuốt ve lòng tự ái của mình. Suốt mấy chục năm trong cuộc chiến chống Cộng, chính vì chỉ thích nghe những lời tâng bốc, ca ngợi như thế trong khi thực tế trái ngược hẳn lại nên cuối cùng thua cuộc và mất nước. Những điều mà chúng ta phải chờ đợi nghe, tuy chối tai và làm buốt thịt da, nhưng là những sự thực. Và chúng ta phải biết rút ra những bài học từ những sự thực đó thay vì tự ái. Chẳng hạn, không có gì phải tránh né và biện minh trước một thực tế rằng phần đông tù cải tạo được về đều mơ ước đoàn tụ với thân nhân ở nước ngoài, dù đó có thể được hiểu là một hình thức tháo chạy. Biết bao nhiêu điều đau đớn hơn, xót xa hơn, tủi nhục hơn đã xãy ra dưới cái chế độ của Nguyễn văn Thiệu và chúng ta cứ phải chấp nhận. Hãy đọc lại *Cuộc rút quân Cao Nguyên* của Phạm Huấn, *Việt Nam: một trời tâm sự* của Nguyễn Chánh Thi, *Việt Nam máu lửa quê hương tôi* của Đỗ Mậu để thấy đau đớn, xót xa, tủi nhục như thế nào ! Nhưng chúng ta phải chấp nhận. Cũng như đã chấp nhận trong lịch sử Việt Nam có những Lê Long Đỉnh, Lê Chiêu Thống, Trần Ích Tắc v..v... Cũng như chấp nhận có những trang sử đen tối 1000 năm nô lệ Tàu, ngót 100 năm nô lệ Tây... Chấp nhận để tránh đừng để xãy ra nữa trong tương lai. Do đó, không có gì phải tránh né và tự ái trước một thực trạng như thế. Vã lại, xét về tình cảm, mơ ước đoàn tụ với thân nhân, bất kỳ ở đâu, là một thứ mơ ước đã tích lũy từ nhiều đời, trở thành một thứ thiếu hụt thường xuyên trong máu, trong hơi thở của con người Việt nam phải chịu đựng phân ly, chia cách suốt gần bốn thế kỷ qua. (*Chinh Phụ Ngâm Khúc* của Đặng Trần Côn với bản dịch của Đoàn Thị Điểm đã chứa đựng sự mơ ước, và thiếu hụt đó). Xét về lý trí, chính nghĩa của những cuộc chiến kéo dài triền miên từ thời Lê-Mạc, Trịnh-Nguyễn đến nay - trừ cuộc chiến chống thực dân Pháp - đã không đủ mạnh, đủ chính đáng để lý trí nương tựa, nên khuynh hướng tất nhiên là mơ ước đoàn tụ để tìm về ẩn náu với mái ấm gia đình. Và như trên đã phân tích, đó cũng là một phản ứng tiêu cực trong tình

trạng vô thức của một thứ tâm lý chán ngán chiến tranh vô nghĩa. Tránh né, phủ nhận, tự ái, không cảm thông tâm trạng của những người cải tạo trở về mơ ước đoàn tụ với gia đình, dù ở trong nước hay ở ngoại quốc, là một hình thức thống trách họ. Nhưng chúng ta có đủ tư cách để thống trách họ không ? Tại sao chúng ta tìm cách thoát thân, tìm cách đoàn tụ gia đình, tìm cách sống một cuộc đời êm ấm, trong khi đó cứ muốn những người khác tiếp tục noi gương *"tiếng bom Sa Điện của Phạm Hồng Thái,* tiếp tục đứng đầu sóng ngọn gió để giữ tròn tiết tháo trước kẻ thù ? Do đó, vấn đề không phải là tháo chạy, không phải là mơ ước đoàn tụ gia đình. Vấn đề chính yếu nằm ở chỗ nhận thức được chính nghĩa dân tộc, nhận thức được con đường tập hợp lực lượng dân tộc. Được như thế, lúc bấy giờ, mọi người như được trở lại giòng sinh mệnh bất khuất trong lịch sử oai hùng của giống nòi. Và lúc bấy giờ, không những không còn ai đặt ra vấn đề tháo chạy, không còn ai mơ ước đoàn tụ gia đình mà mỗi người sẽ tự nguyện làm đúng những gì như tiền nhân chúng ta đã làm trong công cuộc dựng nước và giữ nước trong mấy nghìn năm qua. Một Phan Thanh Giản không giữ được thành trước sức tấn công vũ bão của Pháp, liền viết sớ, trả ấn, hướng về phía Bắc vọng lạy vĩnh biệt vua và uống thuốc độc tự tử ! Một Võ Tánh sai người lấy rơm chất dưới lầu Bát giác, đổ thuốc súng vào để tự thiêu, một Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử khi cả hai thất bại trong việc giữ thành... Đó chính là sức mạnh của niềm tin và chính nghĩa.

Phần góp ý với ông Diệu Tần:

Những gì tôi đã cố gắng trình bày trên đây, theo thiển ý, cũng đã đủ để góp ý với ông Diệu Tần. Bởi lẽ, cũng như ông Đỗ Thái Nhiên, ông Diệu Tần đã phê phán Nhật Tiến từ một chỗ đứng là chế độ Cộng Hòa của ông Nguyễn Văn Thiệu. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng cần có một vài bổ túc để làm sáng tỏ thêm những điểm mà tôi cho rằng ông Diệu Tần đã đọc sai. Trong *Thư ngỏ gửi nhà văn Nhật Tiến,* ông Diệu Tần đã nhân danh độc giả để phê phán rằng Nhật Tiến *"luôn luôn nêu lên cái phi nhân, cái thành kiến, cái ngu dốt của phía quốc gia".* Rồi ông dẫn chứng nhân vật Trường trong truyện ngắn *Cánh Cửa,* với lời phê phán

rằng Nhật Tiến đã *"dựng một cựu sĩ quan pháo binh...có một nhãn quan hẹp hòi, ấu trĩ, ngu dốt"*. Và tiếp theo đó, là một đoạn trích dẫn (chữ nghiêng) mà người đọc cứ tưởng rằng ông Diệu Tần đã trích nguyên văn của Nhật Tiến: *"Ông Trường chỉ biết rằng nước Việt Nam có lãnh thổ từ vĩ tuyến 17 trở vào thôi, và nếu có kháng chiến phục quốc, chỉ cần đòi lại phần đất cũ đó mà thôi (?)*

Sự thực đã hoàn toàn khác hẳn. Bối cảnh của đoạn văn mà ông Diệu Tần đã trích dẫn một cách sai lạc trên đây xảy ra khi Sủng, tên công an cộng sản, gốc miền Bắc trao đổi với Trường, đang là tù cải tạo: *"Nghĩ cũng buồn cười đấy nhỉ. Mình cùng là người Việt Lam mà lới với nhau nắm khi không hiểu."* Câu nhận xét bất ngờ của Sủng, người mà trước đây Trường đánh giá là *ngu đần, chỉ là công cụ vô tri của chế độ,* đã làm Trường thật xúc động và suy nghĩ *"Bao nhiêu ngày bị giam hãm ở đây, chưa bao giờ Trường nhớ lại được ra rằng quê hương Việt từ ngàn xưa vẫn trải dài từ Nam Quan cho đến Cà Mâu. Cơn sụp đổ phũ phàng của đất nước đóng khung sự suy nghĩ của chàng vẫn ở cái thời điểm mà đất nước bị chia cắt. Bên này và bên kia. Bên này sụp đổ. Bên kia xâm lược chiến thắng. Ước mơ của chàng về sự giải phóng đất nước, nếu có thì chỉ là sự giải phóng một miền Nam, khôi phục lại vùng đất cũ chứ chưa bao giờ chàng nghĩ đến một dải giang sơn trải dài từ Bắc xuống Nam cùng chung sống trong một vận hội mới. Làm sao Trường có thể hình dung ra được một sự chung sống như thế với nhân dân hai miền đầy rẫy những mâu thuẫn, khác biệt? Nhưng ít ra đó cũng là một ước mơ, một nguyện vọng chính đáng phải thể hiện chứ." (truyện ngắn Cánh Cửa)*

Tâm tư và nhận thức của Trường như thế mà ông Diệu Tần cho là *hẹp hòi, ấu trĩ, ngu dốt.* Và nguyên văn một đoạn văn của Nhật Tiến như thế mà ông Diệu Tần trích dẫn chỉ còn lại mấy câu với ý nghĩa hoàn toàn sai lạc. Có lẽ, ông Diệu Tần không biết rằng sự hiểu biết qua thực tế và sách vở là một chuyện, nhưng sự nhận thức qua gạn lọc của tâm lý là một chuyện khác. Ai cũng biết rằng Việt Nam chạy dài từ Nam Quan cho đến Cà Mâu, nhưng tâm lý hận thù, cách biệt do hoàn cảnh lịch sử tạo nên trong suốt cuộc chiến 30 năm khiến cho người ta nhiều khi không nhớ ra thực tế đó. Cũng như ai cũng biết rằng xuyên tạc và làm

hại người khác là một điều xấu, chẳng nên làm. Nhưng trong một tình trạng tâm lý như thế nào đó, chúng ta đã quên đi và vẫn thản nhiên làm hại và xuyên tạc người khác mà dường như không cảm thấy một gợn sóng nhỏ nào khuấy động lương tâm của mình.

Thực ra, Trường là một trong những nhân vật đắc ý nhất không những của tác giả Nhật Tiến mà còn của nhiều độc giả khác nữa. Trường không hẹp hòi, ấu trĩ, ngu dốt như ông Diệu Tần nhận xét mà ngược lại là một nhân vật thể hiện tròn đầy tính nhân bản, trí thông minh, lòng độ lượng và ý thức dân tộc. Chính với những đặc tính này, Trường đã cải tạo được một người công an cộng sản ngay trong vòng rào của một trại cải tạo. Nhật Tiến đã cho câu truyện kết thúc với khung cảnh khi Sủng đến báo cho Trường biết là anh ta đang bị gặp khó khăn: *"Các đồng chí nãnh đạo kết tội "em" hữu khuynh và truy kích em kịch niệt. Các đồng chí ấy lới rằng tưởng em có nhiệm vụ cải tạo Mỹ Ngụy, lào ngờ chính em bị Mỹ Ngụy nàm cho chao đảo. Biện pháp áp dụng nà gửi em hoàn trả cho đơn vị gốc tùy lợi lày xử ný".* Và do đó, Sủng không thể chờ đợi được cái lược Trường đang làm cho Sủng để tặng cô vợ sắp cưới mà trên cái lược đó sẽ có khắc một đôi ngựa với ý nghĩa mà Trường đã nói với Sủng trước đây: *"Nhìn ngắm đôi ngựa này để biết thù ghét kiếp ngựa bị che mắt và chỉ tuân theo chỉ thị của làn roi..."* Trường đã phải lấy cái lược của chàng vốn dự định tặng cho vợ trong kỳ thăm nuôi tới, trao cho Sủng và nói: *"Tôi tiếc là không làm nhanh hơn để trên cái lược này có lời đề tặng của chú dành cho cô Linh và... nhất là chẳng có một đôi ngựa".* Sủng mỉm cười trả lời: *"Chẳng có đôi ngựa trên nược thì em cũng đã ghi gói hình ảnh đó ở trong đầu. Em sẽ lới với Ninh về đôi ngựa ấy khi có dịp."* Chính với nhân vật Trường và nội dung như thế của truyện ngắn *Cánh Cửa* mà Thi Vũ Võ Văn Ái của tạp chí Quê Mẹ ở Paris đánh giá là *"một ý thức vượt Cộng... hé một lối ra, làm bước ngoặt cho thế chủ bại chuyển sang thế công hẳn."* (Tạp chí Quê Mẹ, Paris, số Xuân Mậu Thìn)

Ông Diệu Tần còn dẫn chứng "ông Vinh", một nhân vật vắng mặt trong truyện ngắn *Những sự thực cần được nói ra* của Nhật Tiến, kèm theo lời nhận xét của ông ngụ ý cho người đọc hiểu rằng Nhật Tiến đã tạo nên hình ảnh của một *cựu viên chức hay cựu quân nhân miền Nam đã có một hành động rất ác độc, dã*

man, cả về tinh thần lẫn vật chất với vợ con còn kẹt lại bên nhà. Bên cạnh thiện chí tự chế của ông Diệu Tần mà tôi đã trích dẫn ở phần đầu, riêng ở điểm này, tôi nghĩ rằng phê phán như thế thì quá đáng ! Nó đã vượt qua giới hạn của sự đối thoại và tiến gần đến chủ tâm kích động tâm lý phẫn nộ của quần chúng. Dĩ nhiên, kích động được hay không và quần chúng có bị mắc mưu hay không là một chuyện khác. Nhưng điều tôi muốn làm sáng tỏ là sự thực đã không có gì đáng để gọi là *"rất ác độc, dã man"*. Chuyện ông Vinh không liên lạc thư từ và gởi quà tiếp tế cho gia đình trong sáu tháng, thực ra không ai hiểu vì nguyên do nào. Tác giả cũng không cho biết. Có thể bị bệnh tật. Có thể bị tai nạn. Có thể ông bị mất *job*. Nhưng cứ giả sử theo như sự suy luận của vợ con ông bên nhà rằng: bởi vì ông biết vợ ông đang làm trong một hợp tác xã, đứa con trai ông vào đội thiếu niên tiền phong cổ quàng khăn đỏ, cô con gái lớn của ông sinh hoạt trong một ban văn nghệ nghiệp dư v..v... nên ông đã cắt đứt liên lạc thư từ và tiếp tế khiến gia đình túng quẫn. Ông thuộc loại người chống Cộng cực đoan. Với chi tiết chỉ bao nhiêu đó mà ông Diệu Tần có thể phê phán Nhật Tiến đã tạo nên hình ảnh của: *"một cựu viên chức hay cựu quân nhân miền Nam đã có một hành động rất ác độc, dã man, cả về tinh thần lẫn vật chất với vợ con còn kẹt lại bên nhà" !* Ông Diệu Tần cho rằng chuyện đó không thực tế. Ông Diệu Tần nghĩ như thế nào những lời kêu gọi, những cuộc xuống đường công khai trước đây của những ủy ban chống Cộng hô hào đừng gởi quà và tiền về cho thân nhân ở Việt Nam ? Ông Diệu Tần nghĩ rằng việc làm của họ không chính đáng và cũng *ác độc, dã man* ư ? Ông Diệu Tần thực sự không hiểu vì sao họ phải hô hào như thế chăng ? Nhưng mục đích chính của Nhật Tiến trong câu chuyện là trình bày những mâu thuẩn giữa tình và lý, giữa thế hệ trước và thế hệ sau, giữa bổn phận với gia đình và trách nhiệm với đất nước. Và chủ ý muốn đạt được của tác giả là xóa bỏ những thành kiến để không những ông Vinh và gia đình nối lại được sợi dây đã đứt mà tất cả mọi người đồng tâm nhất trí trong công cuộc xây dựng một quê hương mới không Cộng sản, không hận thù, không chia cách. Tôi nghĩ rằng có gì khác nhau chăng ?

* * *

Để kết luận, tôi nghĩ rằng, cùng với tất cả những gì đã được tạo dựng lên trong suốt một thế kỷ qua, đặc biệt trong cuộc chiến vừa qua, do hận thù, chia cách, chủ nghĩa, cực đoan, những lời phê phán của ông Đỗ, của ông Diệu Tần, của người viết bài này và có thể của nhiều người khác nữa cũng đều chảy trôi ra biển. Chỉ còn lại duy nhất quyết tâm và nỗ lực xóa bỏ chủ nghĩa Cộng sản của tất cả mọi người. Với ý nghĩa đó, tôi mong đợi được tiếp tục đọc những bài viết khác trong tinh thần đối thoại để làm sáng tỏ quyết tâm và nỗ lực nói trên.

BÙI NGỌC ĐƯỜNG

Tìm đọc

TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH

TẬP TRUYỆN NGẮN
NGUYỄN Ý THUẦN

12 Truyện ngắn, 12 mảnh đời
Việt Nam được phác họa rõ nét
dưới ngòi bút của người viết
có trái tim lớn hơn bao tử.

Giá 10 Mỹ kim.
Ngoài nước Mỹ thêm
1 Mỹ kim

P.O. BOX. 2301. WESTMINSTER, CA 92683. USA
PHONE : (714)832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết.

□ *SÁCH IN NĂM 1988:*

– **HOA BƯƠM BƯỚM** *Tiểu thuyết Võ Hồng*	**9MK**
– **MUÔN KIẾP CÔ LIÊU** *Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc*	**14MK**
– **TIỂU THUYẾT II** *Võ Phiến*	**15MK**
– **TÙ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY** *Thơ Nguyễn Ngọc Thuận*	**6MK**
– **NƠI TRẠI TRỪNG GIỚI** *Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang*	**10MK**
– **KIẾP NGƯỜI** *Tiểu thuyết W.S. Maugham* *Nguyễn Hiến Lê dịch*	**13MK**
– **BẺO GIẠT (MBĐ IV)** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	**15MK**
– **NHƯ CÁNH CHIM BAY** *Tiểu thuyết Võ Hồng*	**13MK**
– **HỒI KÍ (Tập III)** *của Nguyễn Hiến Lê*	**9MK**
– **TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT** *của Nguyễn Hiến Lê*	**7MK**
– **LONG LANH HẠT BỤI** *Tập truyện Nguyễn thị Hoàng Bắc*	**10MK**
– **TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975**	**12MK**
– **DÒNG CHỮ TÂM TÌNH** *Tập truyện Ngô Nguyên Dũng*	**8MK**
– **CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC LÃNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY** *của Lê Tuyên*	**10MK**
– **TIẾNG KÈN** *Tập truyện của Nhật Tiến*	**8MK**
– **NGÀY N+ ...** *Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7* *của Hoàng Khởi Phong*	**11MK**
– **TIỂU LUẬN** *của Võ Phiến*	**14MK**
– **NGUYỆT THỰC** *Tập truyện của Hồ Đình Nghiêm*	**7MK**

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản

Giá 3 Mỹ kim